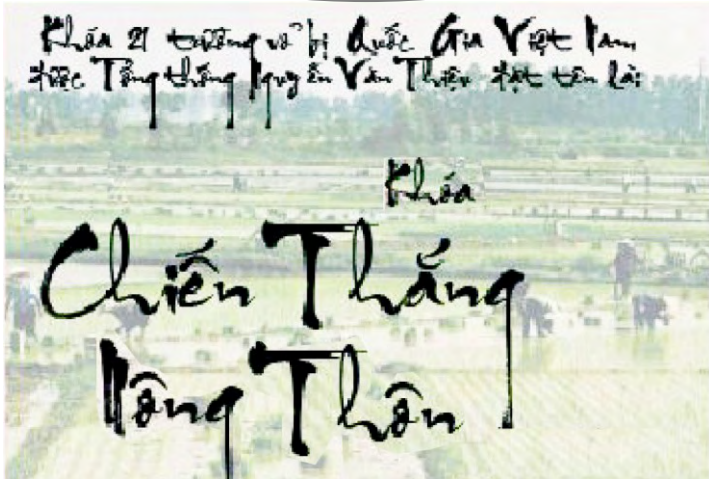


GIỚI THIỆU



KHÓA 21/TRƯỜNG VBQG/VN



**Khai giảng ngày 14 /12/1964.
Chuẩn tướng Nguyễn Văn Kiêm chủ tọa.
Gồm 248 Tân Khóa Sinh.**

Trong 2 năm huấn luyện đã có:

- 02 đào ngũ.
- 02 tử nạn trong thời gian thụ huấn.
- 04 Trung sĩ.
- 01 Thượng sĩ.
- 02 Chuẩn úy.
- 237 Thiếu úy (Tốt nghiệp).

**Tốt nghiệp ngày 26/11/1966.
CT/UBLĐQG Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa.**

Các tân Thiểu úy ra trường được phân phối như sau:

- Quân Báo: 05
- TQLC: 20
- LLĐB: 05
- KQ: 25
- SĐ1BB: 16
- SĐ2BB: 22
- SĐ5BB: 23
- SĐ7BB: 22
- SĐ9BB: 16
- SĐ18BB: 21
- SĐ21BB: 21
- SĐ25BB: 15
- TRUNG ĐOÀN 42 Biệt Lập: 10.

QUA ĐỜI: (tính đến 06/2010):

Đã có 90 SVSQ tử trận.

Trước 1975:

- 02 tử nạn trong thời gian thụ huấn.
- 69 tử trận tại chiến trường.

1975:

- 01 tử hình (Hoàng Trọng Khuê).
- 01 tự sát (Trịnh Lan Phương).

Sau 1975:

- 02: Chết trong trại tù Cộng sản (Lê Văn Ngôn – Trần Tấn Hiền).
- 15: Qua đời (tính chung cả trong nước và hải ngoại).



Tâm thư của K.21

Kính thưa quý độc giả,

Chúng tôi, toàn thể K21 xin phép được tâm tình với tất cả độc giả trong cuốn Đặc san có thể hy vọng là để đời “Một thời sống và chiến đấu” của các cựu SVSQ K21 thay cho một lời tựa.

Thưa tất cả Quý vị,

Sau hơn 34 năm dài, ngày cuộc chiến “Bảo quốc an dân” bị chấm dứt một cách tức tưởi, chấm dứt “Mỗi khát vọng thúc giục vươn lên cái Cao sang, Đẹp đẽ, Trọn vẹn và Chính nghĩa trong cuộc chiến chống lại CSVN với sự yểm trợ của bọn CS thế giới. Với trí óc và sự suy luận chúng tôi cần thiết phải thực hiện lý tưởng mà chúng tôi đã chọn. Đó là cứu cánh tuyệt đối để luôn luôn nuôi chí hiên ngang, không sờn nguy hiểm không màng hiển vinh”.

Dang đôi tay ta hứng đời chinh chiến,
Mỗi một địa danh nợ chất nợ chồng.
Có ước mơ nào đổi bằng mạng sống,
Bạn bè ta lại đổi dễ như không.

[*thơ Trạch Gầm*]

Qua khúc quanh lịch sử quá đau thương của dân tộc, hàng trăm ngàn quân cán chính bị bọn CS đày ải ở các trại tù lao động khổ sai, hàng ngàn người thương binh VNCH bị xô đuổi ra khỏi các bệnh viện với vết thương còn rỉ máu, hàng trăm ngàn người đã bỏ mạng ngoài biển khơi trên đường tìm tự do, hàng vạn người sống vất vưởng ở những vùng xa xôi heo lánh mà CS gọi là vùng kinh tế mới, bao nhiêu trẻ em bị xét lý lịch để phân biệt trong học đường,... đến các nghĩa địa của chiến sĩ hy sinh trong cuộc chiến chống sự xâm lăng CS cũng bị trả thù... thật sự là một vết nhơ của lịch sử dân tộc mà CSVN đã gây nên.

Tất cả K21 cũng như gia đình chúng tôi cũng như tất cả quý vị và toàn dân miền nam phải gánh lấy hậu quả tàn khốc và thật thảm thương sau khi chấm dứt cuộc chiến trong chiến bại đúng câu “nước mất là mất tất cả”.

Dưới một chính phủ luôn lấy thù hận và bạo tàn làm phương châm trị nước, nhưng với sự thức tỉnh và động tâm của nhân dân thế giới đã khoan dung mở rộng vòng tay cứu vớt, chúng ta nói chung đã thoát được sự trả thù tàn bạo của CSVN được định cư ở một đất nước tự do để làm lại cuộc đời. Đất nước ta còn may mắn có gần ba triệu người cùng khắp năm châu tai mắt cho hơn 80 triệu đồng bào trong nước để vạch trần bộ mặt bán dân hại nước của bè lũ CSVN.

Ngày hôm nay, nghỉ lại đoạn đường gian khổ chúng tôi cũng như quý vị đã qua không khỏi bùi ngùi lẫn hối tiếc sự tang thương của đất nước. Một đất nước Việt Nam kiêu hùng đã được tô thắm với bao chiến công anh dũng của tiền nhân trong công cuộc dựng nước và giữ nước trong suốt chiều dài hơn 4000 năm lịch sử.

Mặc dầu K21 chúng tôi đang ở quanh tuổi thất thập cổ lai hy, nhưng cũng cố gắng với mọi khả năng “Góp đời đã cạn”. Mục đích muốn mượn cuốn Đặc san để ghi lại những biến cố lịch sử đã qua chúng tôi đã chứng kiến và tham dự. Mặc dầu trong suốt cuộc chiến hơn 20 năm, chúng tôi chỉ tham dự 9 năm sau cùng. Trong khả năng giới hạn đó, chúng tôi không có tham vọng ghi lại toàn cuộc chiến mà chỉ ghi lại những gì chúng tôi biết được. Dầu giới hạn, chúng tôi hy

vọng Đặc san này sẽ là cuốn sách gởi đầu của K21, để những lúc trà dư tửu hậu chúng tôi ôn lại chiến trường xưa của thời quá khứ mà chúng tôi đã dâng hiến cả tuổi trẻ cho cuộc chiến không một chút hối hận.

Anh là một nhánh sông
Sắp xuôi ra tới biển
Vây mà em biết không
Vẫn mơ thời cung kiếm.

(Trần Như Xuyên)

Một chút tham vọng mong quý vị độc giả đọc qua hiểu rằng với sự sinh sau đẻ muộn chúng tôi cũng nỗ lực tiếp nối bước tiến của các bậc đi trước. Những thế hệ kế tiếp hiểu rằng các cha chú đã đóng góp xương máu và gánh chịu những hậu quả đau thương. Mặc dầu cuộc chiến không thành công, nhưng qua cuộc “bảo quốc an dân” chúng tôi đã chiến đấu không mệt mỏi. Đến ngày hôm nay tuổi hạc đã cao, sức khoẻ mỗi mòn vì trải qua và gánh chịu bao nhiêu sự trả thù hành hạ của CSVN. Một số đã nằm xuống vì hệ quả của cuộc chiến không nói làm chi, nhưng một số đã hy sinh một phần thân thể đang sống bên lề xã hội ở quê nhà là niềm đau xót sâu xa và là món nợ lương tâm ray rứt vào thể xác già nua chúng tôi cho đến khi xuôi tay nhắm mắt.

Chúng tôi không than van, mà nói lên một sự thật đau là sự thật chua xót làm hành trang để quyết tâm góp sức vào việc quang phục quê hương cho một nước Việt Nam dân chủ, độc lập, dân quyền và tự do no ấm cho toàn dân đã chịu đựng quá nhiều khổ đau do bọn CSVN gây nên.

Năm Giáp Dần 2010.

Mai Văn Tấn.

K21/TVBQGVN.

Hồi ký tù:

Hương Xuân

Trần Như Xuyên

Năm 1976, đang ở trại K2 Suối Máu Biên Hòa, tôi được đi chuyên ra Bắc, chuyển xe buýt bùng, không biết bao nhiêu chiếc chạy lòng vòng trong thành phố Biên Hòa, cho tới khi dừng lại, chúng tôi mới biết mình đang đứng ở New Port, dưới chân cầu xa lộ, tất cả được lệnh xuống tàu có tên là Sông Hương, sau này một anh bạn Hải quân cho biết đây là chiếc tàu chúng lấy được của ta, trọng tải 2000 tấn, tôi cũng chẳng cần biết trọng tải của nó là bao nhiêu, chỉ biết rằng mình sắp sửa bị đưa đi một nơi nào đó, xa lắm, thăm thẳm không có ngày về, tôi nhớ tới Tướng Lê Văn Thân lúc còn trong K2 Suối Máu, hôm anh em tiền ông lên đường (các Tướng đi trước bọn tôi khoảng 2 tháng), ông từ chối không nhận tiền anh em đưa tặng ông để phòng lúc cần, ông chỉ căn dặn: “Tôi chẳng cần gì tới tiền, anh em ở lại giữ gìn sức khỏe, không có ngày về đâu”.

Lúc ở Suối máu, tôi ở chung với hai vị tướng là Tướng Đỗ Kế Giai và Tướng Thân, phải nói là ba vị Tướng mới đúng vì có thêm một ông Tướng tâm thần, anh ta khoảng ba mươi tuổi, xưng là Trung Tướng Nguyễn Huệ, tư lệnh sư đoàn 23 Bộ Binh, khi thấy anh em tù cười bảo rằng SĐ 23 làm gì có tướng nào tên Nguyễn Huệ mà lại là Trung Tướng trong khi Tư lệnh vùng 2 chỉ là Thiếu Tướng thì anh ta gân

cổ lên cãi anh ta là Tư lệnh SĐ 23 BB, từ đó, mỗi khi có những phái đoàn cao cấp của bọn VC tới thăm trại, thường bọn chúng gặp gỡ 3 vị Tướng, ông tướng tâm thần luôn đứng trên hai Tướng Giai và Tướng Thân vì anh ta có cấp bậc cao hơn.

Ngoài ông tướng tâm thần này, trại còn một anh Tá tâm thần nữa, anh này không thể gọi là tâm thần mà phải nói là điên mới đúng, tôi không rõ giữa hai chữ tâm thần và điên có khác nhau nhiều không nhưng theo tôi thì tâm thần có vẻ nhẹ hơn điên. Anh Thiếu tá điên này chỉ vồn vện có độc nhất một cái tên là Thông, không có họ và là Th/tá BĐQ vì khi VC tóm được anh ta đang lang thang gần Biên Hòa anh ta mang chiếc áo rằn ri, phù hiệu BĐQ, trên cổ áo lon Th/tá và băng tên là Thông.

Thực ra vị Th/tá Thông này là một người điên bị giam ở nhà thương điên Biên Hòa, ngày 30-4-75, không còn ai canh gác, các điên sĩ trong nhà thương vượt trại ra ngoài, anh điên này lang thang lượm được chiếc áo BĐQ mặc vào người nên mới ra nông nổi. Thông rõ ràng là chẳng biết gì cả, nói gì, hỏi gì chỉ nhe răng ra cười, không dĩ vãng và không cả hiện tại, chả hiểu khi bắt khai lý lịch thì mấy tên VC đối phó với anh ta ra sao, chúng có nghe anh em xì xèo về ông tướng Nguyễn Huệ và Th/tá Thông này nhưng chúng bảo hai người giả vờ đóng kịch để qua mặt “Kách mạng”.

Nói về hai vị Tướng thực sự chung với chúng tôi là Tướng Giai (2 sao) và Tướng Thân (1 sao) thì theo tôi, Tướng Thân có sự sâu sắc hơn hẳn Tướng Giai. Cả hai ông đều ở chung lán với tôi. Tướng Giai nằm đối diện, Tướng Thân cùng dãy, cách mấy chỗ.

Suốt ngày, Tướng Thân ngồi chuốt ống trúc làm sáo, thổi vi vu, ít tiếp xúc, trong khi Tướng Giai thì lảng xảng sẵn tin mà lúc đó chúng tôi gọi là hotnews và ông có vẻ hồ hồ mỗi khi nghe Mỹ sắp sửa mang chúng ta ra.

Một điều nữa tôi thất vọng về Tướng Giai là trong một lần ông phải “làm việc” với bọn chúng suốt buổi chiều, tối tối, mấy anh em BĐQ thường tới chỗ ông trò chuyện (khi tan

hàng Tướng Giai là chỉ huy trưởng BĐQ), vì nằm đối diện nên thỉnh thoảng tôi có tham gia hoặc nếu không, có ngồi tại chỗ thì vẫn nghe được họ nói chuyện, tôi nghe được Tướng Giai thuật lại buổi “làm việc” với bọn cán bộ như thế này: “.... tôi có nói với mấy người cán bộ là nếu các ông thả tôi ra, tôi sẽ thành lập cho các ông 2 sư đoàn nhảy dù tinh nhuệ, khả năng tác chiến cao” (không biết tôi nhớ có đúng không, Tướng Giai có lúc là tư lệnh phó SĐ Nhảy dù?).

Tôi không biết sao ông lại có đề nghị ngộ nghĩnh này và không hiểu khi nghe Tướng Giai đề nghị như vậy, bọn VC làm việc với ông nghĩ thế nào, có lẽ chúng làm thảm trong bụng: cần gì hai SĐ nhảy dù của anh, các anh vẫn thua chúng tôi te tua đấy thôi!

Trước khi chuyển ra Suối Máu, tôi bị giam tại Chí Hòa, tôi không phải thành phần đi trình diện mà bị bắt tại nhà trước hạn trình diện “học tập cải tạo”, một buổi tối, mấy tên AK vây nhà tôi và chúng bắt tôi giải ra xe, đó là tối ngày 22-5-1975, sở dĩ tôi nhớ rõ ngày này vì chỉ còn hai ngày nữa là đầy tháng đưa con gái đầu lòng của tôi, tôi và vợ tôi đã chuẩn bị một bữa tiệc nhỏ định mời mấy người trong gia đình, tôi còn nhớ hình ảnh mẹ tôi can đảm níu tay tôi không cho bọn chúng dẫn đi và vợ tôi bỗng đưa con còn đỏ hỏn dãn dựa nước mắt. Chúng đưa tôi vào Phan Đăng Lưu, một trại tạm giam tù binh phiến cộng thời của ta, trại này trước mặt chợ Bà Chiểu, gần nhà tôi. Được 2 ngày, chúng gọi tôi nói là ra làm việc, nghe câu này lần đầu tiên, tôi cứ ngỡ có lẽ chúng thấy mình là Sĩ quan có học nên chúng nhờ mình lên làm việc ở văn phòng chẳng, điều đầu tiên hiểu biết sai về cách dùng chữ của bọn VC.

Ở chung phòng với tôi trong Phan Đăng Lưu có Đại Tá Dung, (Chỉ huy phó TG?), Đại Tá Tiểu, Trưởng phòng 2 Quân Đoàn 2, Đại Tá Dung và vợ hình như bị bắt trong cuộc vượt biên không thành, chung với mấy vị cấp bậc lớn như vậy tôi cứ nghĩ mình mới là đối tượng để chúng căm thù vì đã trực tiếp cầm súng giết bọn chúng và tôi chờ đợi những tình huống xấu đổ xuống đầu mình, thế nhưng dần dà tôi

mới hiểu không phải như mình nghĩ. Vì là phòng giam đủ mọi thành phần, có cả trộm, cướp, móc túi... mà VC chưa phân loại được trong giai đoạn còn mới nên nảy sinh ra tình trạng đại bàng. Đại bàng phòng tôi ở tên là Hội, khoảng 25, 26 tuổi, background là cô nhi, Hạ Sĩ nhất nhẩy dù, sau 30-4 đi giang hồ, ăn cướp và bị bắt, thấy tôi và hai vị Đại Tá kia là Sĩ Quan thì tên Hội có vẻ nể vì, có lẽ trong máu còn sót lại chút “quân phong quân kỷ” chẳng, sau trong một lần nói chuyện, tôi nhắc tên một vài cấp chỉ huy của nhẩy dù (từ khóa 16 tới khóa 22 Đà Lạt) thì Hội loại hẳn tôi và hai vị ĐT kia ra khỏi danh sách cần được chiếu cố, còn thì những người khác mỗi lần có thăm nuôi, quà cáp phải “trình” qua Hội, cái nào “của tao” thì mấy tên đàn em của Hội giữ lại. Đại bàng còn chỉ định chỗ nằm cho từng người, tôi và hai vị ĐT kia được nằm chỗ ngon lành gần cửa, vì phòng quá đông, tên nào bị Hội ghét thì chỉ cho nằm gần cầu tiêu, không dám cãi, nằm chỗ đó thì vừa hôi thối, vừa ướt át. Trong phòng có một tên khoảng 20 tuổi, cũng thuộc loại du thủ du thực, khoe học Thái cực đạo tới đai đen, mà tên này học thái cực đạo thật vì tôi thấy mấy

cái knuckles trên hai tay hấn chai sần sùi, một tối, tôi thấy Hội gọi mấy tên đàn em lại xì xào, tôi biết sắp có chuyện, sau một hồi, chúng đứng lên, tiến về phía anh



chàng Thái cực đạo kia và xúm lại như bầy sói, có điều lạ là tôi thấy tên kia không thấy chống cự gì cả, chỉ nằm im ôm đầu chịu trận van xin. Tan trận, anh chàng Thái cực đạo mồm học xì dầu, mắt mũi sung húp.

Tôi hỏi Hội: Sao cậu đánh tên kia, nó khoe có võ mà tôi chẳng thấy nó chống cự gì hết vậy? Hội nói: “nó mà dám ông thầy, nó mà dờ trò thì tui em khiêng xác nó ra chứ không phải khiêng nó lên bệnh xá thôi đâu!”. Ở Chí Hòa sau này tôi

mới “học hỏi” thêm được một điều nữa là trong các phòng tù, khi bị như thế thì nếu đủ lực lượng thì hãy triệt hạ tên đại bàng và trấn áp bọn đàn em của tên này ngay, còn nếu thấy không thể thì chịu khuất phục và xin làm đàn em, chống cự thì chỉ có chết.

Được vài tháng ở đây thì một tối, chúng chuyển tôi lên Chí Hòa, hỏi trước trong đàm thoại truyền tin, ta gọi bọn Việt cộng là “vi xi” hay lũ chuột, ai nghĩ ra cái từ con chuột thật là đúng quá, mà quả thực chúng là lũ chuột thật, hành động nào cũng mờ ám làm trong đêm tối, chuột sợ ánh sáng và chúng sợ sự thật, người nào nói sự thật sẽ trở thành phản động, ngay cả khi chúng đã nắm trọn nước VN trong tay, chúng vẫn quen cái thói bắt người trong đêm như thời khủng bố, một nhà nước có chính phủ, luật pháp đảng hoàng, sao lại phải hành động mờ ám? tôi bị bắt tại nhà vào buổi tối, đưa lên Chí Hòa cũng vào đêm tối, từ Chí Hòa ra Suối Máu cũng di chuyển trong đêm tối, rồi từ Suối Máu ra Bắc cũng là trong đêm tối, lúc nào cũng lên lút, chẳng có gì là quang minh chính đại cả, đúng là lũ chuột. Lúc ở Phan Đăng Lưu đưa ra Chí Hòa, lên xe tôi mới gặp Phạm Xuân Thiếp, một Sĩ quan nhảy dù tốt nghiệp khóa 22 Đà Lạt. Thiếp nhận ra tôi nhưng tôi không nhớ Thiếp, chung với nhau trong trại mấy tháng mà không biết (Thiếp hiện giờ định cư một nước nào đó ở Bắc Âu).

Ở Chí Hòa, tôi được phân vào khu GH, phòng lớn hơn Phan Đăng Lưu, cũng là giam chung với đủ thành phần xã hội. Không biết 2 vị Đại tá kia được bọn chúng đưa đi đâu. Lần này chung phòng với tôi ở Chí Hòa là Đại Tá Nghiêm Xuân Hồng thuộc Tổng nha Cảnh Sát, Thiếu tá Minh thuộc phòng ba Bộ Tổng tham Mưu, tất cả các Sĩ quan này đều là bị bắt như tôi, chẳng được “học tập” gì cả như những sĩ quan đi trình diện thành ra lúc ra Bắc, khi làm thu hoạch về 10 bài, tôi chẳng biết một bài nào cả. Một lần trong bữa ăn, tôi thấy Đại tá Hồng lần mò trong cái vành mũ phớt (feutre), lấy ra một lưỡi lam (dao cạo râu) rồi ông lại dấu nó vào qua làn vải cái mũ, tôi nghĩ không biết có phải ông giữ cái lưỡi lam này để có thể một lúc nào đó, ông sẽ tự xử mình?!

Ở đây được vài ngày, tôi quan sát xem không biết có tình trạng đại bàng như ở Phan Đăng Lưu không, tôi nghĩ sao cái số mình khổ thế, giá được đi trình diện chung cùng thành phần sĩ quan thì không đến nỗi phải lo ngại về cái vấn đề đại bàng với lại điều hâu này. Tôi thấy trong phòng chưa rõ ràng ai là đại bàng, mà dù có đại bàng thì cũng chẳng thành vấn đề vì đây đâu có thăm nuôi, khi chuyển tôi từ Phan Đăng Lưu lên đây, gia đình tôi đâu có biết, nói vậy chứ đại bàng nó nhiều chuyện lắm, một thí dụ nhỏ thôi như thau cơm cho mười người ăn vốn đã ít ỏi mà nó múc đi 1 tô thì cũng chết dở. Tuy chưa rõ ai là đại bàng nhưng tôi thấy có hai nhân vật nổi trội, thứ nhất là một anh chàng cao lêu khêu, mình mẩy xam từ chân cho tới đầu, khoảng bốn chục tuổi, được biết đó là tướng cướp Bạch Hải Đường, nghe nói giỏi võ Thái Lan, lưng anh ta xam một hình Phật to tướng với nhiều hàng chữ ngoằn ngoèo như bùa chú, Bạch Hải Đường cũng khá nổi tiếng từ thời trước. Còn người thứ nhì là một thanh niên khoảng 25 tuổi, da ngăm đen, mình mẩy chắc nịch, cũng xam văn vện ở hai cánh tay, tên là Lợi, một binh nhất Thủy Quân Lục Chiến (khổ quá, cứ gặp toàn thứ dữ), tay này suốt ngày mặt lảm lảm li li, chắc chắn là một rùng không thể có hai cọng, tôi đoán thế nào cũng có một trận chiến xảy ra. Ở Phan Đăng Lưu may có Hạ sĩ nhất Nhảy dù Hội còn nhớ quân phong quân kỷ, giờ lại gặp ông TQLC này, không biết ra sao, rõ thật khổ, cứ gặp toàn Nhảy dù với lại TQLC thôi, dám chuyền một trại nữa thế nào cũng gặp một ông BÐQ cho xem. Trong phòng có một lão già khoảng 50 tuổi, tôi gọi tên này là lão già vì năm 75 tôi mới ba mươi hai chứ mấy, cái tuổi đẹp nhất trong đời người đàn ông, vậy mà tôi cũng như bao bạn bè khác đã bị vùi dập cái đẹp đẽ này trong tầm tới tới mười năm. Trong phòng giam này, ngoài vài ba SQ, còn toàn là thành phần lưu manh, trộm cắp bị bắt, tên già nọ hề thấy bọn cai ngục đi qua là gã hô hoán yêu cầu mọi người hát bài giải phóng miền Nam hoặc bài “như có lão già trong ngày vui đại thắng”, hai bài hát tôi nghe mà rợn cả người và tôi thấy ngại tên này còn hơn cả đại bàng. Cả tướng cướp Bạch Hải Đường và binh nhất Lợi đều có một mình,

không có đàm em đàn iếc gì cả. Theo tôi quan sát, nếu có trận đánh, tôi đoán binh nhất Lợi sẽ thắng vì tôi thấy anh ta rất khỏe, có lần một tên nào đó trong phòng dành tắm với Lợi bị Lợi đâm cho một cái lặn quay trên sàn giấy tê tê, tôi cũng mong cho Lợi thắng để có gì tôi sẽ hỏi binh nhất Lợi có biết Th/tá Nguyễn Quang Đan không? Không hả, thế có biết Th/tá Nguyễn Trung Việt không? Không hả, thế có biết Th/tá Trần Quang Duật không? Có biết Th/tá Nguyễn Kim Thân không? Có biết... có biết... họ đều là bạn của tôi đấy, tốt nghiệp Sĩ Quan Đà Lạt khóa 21 đấy, hả, tốt nghiệp là gì hả? à, có nghĩa là học cùng trường với nhau í mà. Tôi sẽ kể hết tên hai mươi mấy đứa đi TQLC, nếu không dính tôi sẽ kể tên mấy đàn anh khóa 20 luôn và nếu cần mang cả ông Robert lừa ra nữa, hy vọng binh nhất Lợi sẽ biết một trong những người này và còn nhớ tới tình huynh đệ chi binh để mình bớt phiền chăng. Cũng ở đây, tôi được nghe những câu chuyện của giới giang hồ bị tù trong này như Sơn Đào, Lâm chín ngón, Hoàng đầu lâu... những cuộc thanh toán đẫm máu, mỗi khi có tên đại bàng nào sắp sửa bị đưa đi Côn đảo, nghĩa là án của tên đó đã xử xong (thường thì mấy chục năm hoặc chung thân) thì tên đại bàng lại tìm cách gây án, giết ai hoặc đâm ai để được ở lại vì phải chờ điều tra vụ án mới, làm xếp một phòng thì chúng có quyền và có tiền, đến giám thị trại giam cũng còn phải nể. Cũng nơi đây, tôi được nghe những chuyện ma quái trong Chí Hòa mà một lần tôi chứng kiến, nhưng thôi, dài dòng quá để nói chuyện khác. Hơn một tháng, cuộc tranh dành quyền lực vẫn âm ỉ, chưa ngã ngũ thì người tôi bắt đầu nổi ghê, ai vào đây rồi đều sẽ bị như vậy vì vi trùng ghê nó ở Chí Hòa cả trăm năm nay. Những mụn nhỏ li ti mọc trong các kẽ tay rất ngứa, mấy tên từng tù ở đây nói tôi chịu khó phơi nắng, đừng bôi thuốc gì cả vô ích vì con cái ghê ở Chí Hòa này qua bao nhiêu năm bị bôi nhiều thuốc quá, trét đủ thứ trụ sinh nên nó lờn, thuốc nào nó cũng coi như pha. May thay mấy ngày sau, một tối, lại buổi tối, tôi được chuyển về Suối Máu, thoát khỏi Chí Hòa, tới Suối Máu vài ngày thì bệnh ghê biến mất, có điều không biết được hồi kết cuộc của cuộc lưỡng hủ tranh hùng, mà thôi cần chi,

mình khỏi phải kể tên những người bạn TQCL của mình ra nữa. Tới Suối Máu, tôi được phân vào K2, chỉ kịp trái cái chiếu, điễm danh xong là lăn ra ngủ vì đã quá khuya và quá mệt. Sáng thức dậy, tôi mang cái ca lò mò đi kiếm nước rửa mặt thì đụng ngay Hoàng Ngọc Hải, một người bạn cùng khóa và là phi công A 37, tôi ú ớ chỉ nó: “Sao mày ở lại, máy bay mày đâu?”. Hải rầu rầu nét mặt (nào mặt ai tươi được trong hoàn cảnh này), nó kể về trường hợp của nó:

- Tao đã sẵn sàng cái A 37 cho tao rồi, động tĩnh gì là tao dzọt, ngày 28-4 tao đang trong phòng hành quân ở Tân Sơn Nhất, sao thấy yên lặng quá, trù tiếng pháo kích của VC, gọi các xếp không ai trả lời, tao chạy vội ra chiếc A 37 của tao để đông sang Thái Lan thì hồi ôi, chiếc máy bay bị trúng pháo tanh banh.

Tôi an ủi nó: thôi thì cái số, có điều tụi mày Không quân mà không đi được thì hơi uổng, sau này ra Bắc gặp thêm Trần Gia Bảo, một Th/tá phi công bạn cùng khóa, một thời bay bổng rất vi vút, và cũng gặp nhiều tay KQ khác trong đó có nhiều pilot như Th/tá Hồ Đắc Bằng, Lê Văn Bút (Trung tá không đoàn trưởng), Nguyễn Quý Định (Trung tá pilot)... Nguyễn Quý Định là người miền Nam nhưng mồm mép không thua gì mấy anh Bắc Kỳ, nhớ có lần học chính trị, Nguyễn Quý Định đứng lên phát biểu: “... chính quyền Ngụy trước đây đã tuyên truyền rất là sai lạc, trong đó có cả bọn ký giả phản động Tây phương như ký giả gái Suzan Labin của Pháp đã láo lếu nói rằng người CS nói dối nhiều quá đến độ khi nói dối, họ tưởng họ nói thật, đây là một sự xuyên tạc...”

Bọn cán ngổ không biết bị Nguyễn Quý Định chửi cho một vố mà vẫn hồ hởi cho rằng “cái anh Định lầy học tập tốt, rât nà thành khẩn”.

Ít lâu sau, một đêm khuya, có mấy người bạn cùng khóa được chuyển từ Long Giao tới Suối Máu như Doãn Thiện Niệm, Trần Quang Duật, hai người này đều ở TQLC mà tôi suýt lòi tên họ ra để “làm quen” với binh nhất Lợi, có cả Lê Xuân Sơn, Quận trưởng Củ Chi, Sơn chung SĐ25 với tôi khá lâu, Sơn nói với tôi một điều mà tôi thấy có lý: “Tụi nó bảo là tập trung bọn mình lại để bảo vệ vì sợ để ở ngoài, dân

chúng sẽ trả thù, điều này hoàn toàn láo khoét với anh em mình, nhưng với tao thì lại đúng vì sau 30-4, bọn du kích Củ Chi về SG lòng tim tao quá trời, may là tao liệu trước, dọn nhà đi chỗ khác”. Những cuộc chuyển qua, chuyển lại như thế này, chúng tôi đâu biết rằng chúng đang sắp xếp, sàng lọc để đưa chúng tôi ra Bắc.



Trong thời gian ở Suối Máu, còn có cơm để ăn dù toàn là thứ gạo ảm mốc mà bọn VC chôn giấu trong mật khu, giờ mới lấy ra, tuy nhiên còn khá hơn sau này ra Bắc, thực phẩm toàn là bắp khô, khoai mì khô, bo bo... (bo bo là loại hạt bên Ấn Độ dùng để nuôi ngựa, chúng xin Ấn Độ viện trợ hạt bo bo này nói là để nuôi ngựa, mà cũng đúng thôi, bo bo đem về để nuôi mấy chục triệu con ngựa VN đang đói hã hợ, không sản xuất được gì cả, ngựa đói quá, năm 1988 may mà kịp mở cửa, bỏ hợp tác hóa nông nghiệp, bỏ bao cấp, chứ không thì cũng có vài triệu con ngựa bị chết vì đói như nước XHCN Bắc Hàn anh em). Chung trong lần đi tù này với các SQ có cả các Tuyên úy cũng bị đi tù, ở K2 có một vị Tuyên úy Phật giáo pháp danh là Thích Thiện Nhân, khoảng 30 tuổi, cũng khá đẹp trai, ông là Thiếu tá Giám đốc tuyên úy Phật giáo vùng 4, sau này tên của ông từ Thích Thiện Nhân được anh em đổi ra là Thích Tàn Nhân vì ông đánh lộn hăng quá, múa Thái cực đạo vù vù, ông là đệ tử của Thầy Thích Tâm Giác, Giám đốc Trung tâm võ thuật Quang Trung, chính thầy Thích Thiện Nhân khoe với tôi những cái khăn tay thêu thùa mà các nữ đệ tử tặng ông ngày ông lên đường “cải tạo”, thôi thì đệ tử của Phật chứ đâu có phải là Phật đâu, nào phải ai cũng là Bò Tát khi khoác chiếc áo nâu sòng, con sâu này nhỏ sùu thôi, không thể làm rầu nồi canh được.

Thời gian ở Suối Máu này việc lao động chỉ là hình thức, rầy cỏ trồng sắn mấy thửa đất quanh trại, chủ yếu là chúng tập trung, phân loại để chờ chờ ra Bắc, cái lán có Tướng Giai, Tướng Thân và tôi ở thì lán trưởng là một Thiếu Tá Quân Dục tên Thiệt, lán phó là một Đ/U BĐQ tôi không nhớ tên, sự đời nên đổi tất cả, ngoài xã hội họ nói là cá

ăn kiến, kiến ăn cá, anh Đ/U nọ hỏi trước dễ gì gặp được Tướng Giai, giờ anh chỉ huy ông ấy, tuy vậy chúng tôi vẫn thể hiện lòng kính trọng và để tránh phiền phức, chúng tôi không gọi họ bằng cấp bậc cũ mà gọi họ là anh Sáu, anh Bảy...

Vì ở tập trung và thiếu vệ sinh nên dễ nảy sinh bệnh dịch, nhất là bệnh kiết lỵ, ông Tr/tướng Nguyễn Huệ bị kiết rất nặng, không còn cả quần áo để thay, ông là Tướng nhưng chẳng có một đàn em nào cả vì nào có ai phục vụ ở Sư Đoàn 23B đâu, rầu nhất là mấy Bác Sĩ Quân Y, đau bụng, nhưc đầu ra xin thuốc thì bị y tá VC mắng là ăn ở chẳng có vệ sinh gì cả, thuốc thì chỉ có một thứ thuốc độc nhất, tên là xuyên tâm liên, viên thuốc màu xanh, trăm thứ bệnh nhưng chỉ có một thứ thuốc này, tôi hỏi BS Nghĩa ở Tiểu Khu Long Khánh là ông có biết thuốc này là thuốc gì không thì ông bảo chịu, chẳng hiểu được chất quỷ gì trong đó.

Trước thời gian được chuyển ra Bắc ít tháng, một buổi sáng, chúng tôi thấy bọn VC bắc loa ở trước cổng, mấy anh em hồ hởi nói bọn chúng bắc loa để đọc tên những người được Mỹ đem ra khỏi trại, sau đó một vài người có chức sắc như lán trưởng... được mời lên hội trường phía ngoài trại, rồi loa lên tiếng, anh em tù mới biết là hôm nay chúng đem anh Phạm Hữu Thịnh (Th/T) và anh Trần Văn Bé (Th/T), khóa 19 Đà Lạt ra xét xử, anh Thịnh vượt trại lúc ở Thành Ông Năm, Hóc Môn và anh Bé vượt trại ở đây, anh đã thoát tới Hồ Nai thì bị bắt lại. Loa chỉ nói vài điều rồi im bặt, khoảng tiếng đồng hồ sau, mấy loạt đạn nổ vang, chúng tôi rùng mình, chắc chúng đã bắn hai anh, đúng như chúng tôi nghĩ, khi các người tham dự phiên xử về kê cho nghe, hai anh đã bị tử hình, vụ xử án không có luật sư biện hộ, bản án đã có trước lúc xử vì khi anh em được tham dự phiên xử đã thấy hai cái huyết được đào sẵn, tức là xử chỉ là một hình thức cho lấy lệ, cho tới những năm sau này, các vụ xử liên quan tới chính trị đều có những bản án định trước, tức là biện hộ, tranh cãi chỉ là cái vỏ, bản án đã có rồi, một thứ luật lệ của thời trung cổ, độc tài sắt máu.

Có một điều rất lạ là khi chúng bắn hai anh xong, lúc đó

tôi đang đứng giữa sân ngậm ngùi, trời rất quang đãng, thế mà sau loạt đạn, trời nổi cơn giông tối sầm lại, gió thổi cát bụi bay mù mịt, một hiện tượng trùng hợp kỳ lạ, mọi người, kể cả bọn chúng, đều thấy hiện tượng này, không hiểu chúng nghĩ gì?

Nhắc lại buổi tối xuống tàu sông Hương ở New Port, khi chiếc tàu bắt đầu rời bến, chúng tôi vẫn chưa biết bọn chúng sẽ đưa mình đi đâu, có lời xì xào qua lại cho rằng bọn mình sẽ bị đẩy ra Côn đảo, người thì bảo Phú Quốc. Những ai từng đi trên chiếc tàu sông Hương này hẳn không thể nào quên được những điều kinh khủng trong chuyến “hải hành” này, đúng là hành thật, mà hình như chúng chỉ dùng độc nhất chiếc tàu Sông Hương để chở tù thì phải vì chỗ tôi nằm, trên cái vách, tôi thấy có mấy giòng chữ khắc bằng vật nhọn nói về ngày người khắc có mặt trên cái tàu, hình như 2 tháng trước bọn tôi. Một điều rất tình cờ, tôi gặp hai người bạn cùng khóa là Hải và Hùng ở đây, Nguyễn Văn Hải, Quận trưởng Phú Giáo, người chung phòng với tôi suốt hai năm tại trường Võ Bị Đà Lạt, còn Đồng Duy Hùng, Th/tá Tiểu đoàn Trưởng ở SĐ.5. Vài anh em xung phong khiêng các thùng phân lên boong để đổ và để lợi dụng cơ hội để quan sát tình hình, xong công tác, xuống cho mọi người biết là họ trông thấy đất liền ở phía xa bên trái tàu, như vậy là tàu đang đi lên hướng Bắc và có nghĩa là tụi tôi đang bị chở ra ngoài Bắc, thực ra điều này tôi đã biết từ lúc sáng vì tôi thấy ánh nắng rọi vào từ bên phải của tàu. Vậy là thôi, vĩnh biệt em, vĩnh biệt con. Từ giờ anh là kẻ lưu đầy biệt xứ mất rồi có lẽ sẽ chẳng bao giờ gặp lại em và con nữa.

Trần Như Xuyên (trích trong Hồi ký tù: Năng Xuân).

[Có người hỏi sao đi tù khốn khổ như vậy mà tác giả lại lấy tựa đề của truyện là Năng Xuân. Xin được nói thế này: thừa đúng, tù đây, nhất là tù đầy Cộng sản thì chỉ là một chuỗi dài mùa đông u ám, đói khát và bệnh tật, làm gì có nắng xuân. Thế nhưng trong suốt cuộc hành trình tù đầy đó, tác giả vẫn thấy được những tia nắng ấm áp, dù rất mong

manh và rất ít ỏi, như đem lại một chút an ủi của cuộc đời, làm cho mình can đảm hơn trong tận cùng khốn khổ, nhờ thế mà mình qua được mười năm tưởng chừng như là tuyệt vọng:

- Trong một lần rầy cỏ lúc đang ở Suối Máu, buổi chiều chúng tôi trở lại chỗ rầy cỏ hồi sáng để dọn dẹp, khi lật đồng cỏ lên, nhóm tụi tôi thấy có ai để ở dưới đó ít củ khoai mì (buổi sáng khi lao động ở đây, chúng tôi thấy có vài cô gái cũng đang rầy cỏ, họ là người thuộc xã Hồ Nai).

- Trên chuyến xe lửa chở tù từ Bắc về Nam (1982), tôi thấy những đồng bào biết tin, đứng chờ chuyến xe ngang qua ở nhà ga Quảng Trị, Huế..., khi chúng tôi đưa tay lên, thấy những chiếc còng, có nhiều người đã bật khóc nức nở.

Thưa đây là những Năng Xuân tôi muốn nói. Những tia nắng dù mong manh nhưng đã đem đến cho tôi một chút gì ấm áp trong tâm tôi.]



Trần Như Xuyên E/21.

K
H
O
Á



(như tiếng gọi nhau về họp mặt)

HOÀI QUỐC LVD

21

TUỆP MẠI

Hẹn đến Cali ngày họp mặt
Dự phần truy niệm những anh linh
Tiệc thương những tử sĩ đồng khoa
Vì chuyện núi sông đã bỏ mình

T
V
B
Q
G
V
N

Hẹn đến Cali ngày thăm thiết
Bao lời triu mến vọng từ tâm
Cho tình hội ngộ tươi hoa lá
Nhập khúc lưu vong tiếng nguyệt cầm

Hẹn đến Cali ngày tương ngộ
Cho trái tim ta hóa đóa hồng
Trang tặng hồng hoa cho bạn hữu
Nghe đời kết trái lại đơm bông

Hẹn đến Cali trao nụ cười
Cầm tay gọi nhớ thương đời mươi
Cùng nhau chúc chén tràn tâm sự
Cùng dạo đó đây nhắc một thời

Little Saigon - Nam California

Cho dù tóc bạc chí còn xanh
Mãi khóc quê hương lúc viễn hành
Vẫn rộn ý thơ ngời sắt thép
Chuyện đời nước cũ vẫn chưa nhanh

Đành mượn dòng thơ ngỏ ý đời
Hương thơ thơm ngát ngập hồn tôi
Chảy qua hồn bạn bùng giai điệu
Tràn đến trường xưa rung núi đồi

Ngựa già hồi sức, mơ xung trận
Ly khách ngại gì chút gió mưa
Cùng đến khua tan sương khói động
Đề nhìn nắng đẹp Lâm Viên xưa

Bạn bè thuở ấy nay còn mấy?!
Tự hợp lần này xem thiếu ai?!
Ôn lại buồn vui thời luyện thép
Ngàn sau hoài niệm cứ xanh hoài.

Đời hợp rồi tan, qua thật mau
Mong tình đồng khóa cứ bền lâu
Sao trời chiếu sáng phương đời bạn
Dội lại phương tôi đẹp sắc màu.

Hẹn đến Cali tìm hạnh ngộ
Chia nhau chút rượu ướp hoàng hoa
Bâng khuâng hồn ngõ nơi Trường Mẹ
Tình tự đồng môn mãi đậm đà...



DƯỚI BÓNG VẠN LÝ

Nguyễn Thái Dũng C21
Bồ Giang Công Tử

Những tia nước âm từ trên vòi hoa sen xịt mạnh xuống thân thể của Hạ Hồng, mơn man da thịt nàng, làm cơn bực bội từ buổi trưa đến giờ tan dần đi. Hạ Hồng cất tiếng lầm nhảm ngân nga điệu hát trong nhạc phim “Máu Nhuộm Bãi Thượng Hải”. Tắm xong Hạ Hồng đang lau khô tóc thì tiếng chuông điện thoại reng. Hạ Hồng nhắc ông nghe lên:

- Hello...

- Hello. Bé Con, Chú Đại đây. Chú mới đi một vòng phố về phòng thấy message của cháu gái ở cửa. Ô Kê, tối nay sau bữa chiều, chú chờ cháu ở dưới quầy tiếp khách dưới nhà, rồi mình đi chơi một vòng cho đêm giã từ Thượng Hải.

- Ô Kê, lát nữa cháu sẽ gặp chú.

Đứng trên phòng ở tầng 12 của Thượng Hải Đại Khách Sạn ngó xuống con đường Nam Kinh Đông Lộ, nhìn dòng người đen nghịt ở phía dưới con đường thương mại chính của thành phố đông dân nhất của Trung Hoa, Hạ Hồng nhớ lại chuyến du hành 2 tuần qua trên một đất nước tuy mới đi

lần đầu nhưng thật quen thuộc qua thơ văn cổ của Trung Hoa và Việt Nam.

Cuộc du hành thật thích thú, vì công ty du lịch có rất nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức, phòng ốc sang trọng tiện nghi, phững tiện di chuyển rất nhịp nhàng, và các địa điểm thắng cảnh được chọn kỹ. Và một đặc điểm hơn hẳn các đoàn du lịch khác là công ty không ngại tốn kém để có một người hướng dẫn đoàn thông thạo về văn hóa Trung Hoa để thông dịch và bổ khuyết thêm những lời giải thích của hướng dẫn viên địa phững. Hạ Hồng thích nhất là khi nghe hướng dẫn viên địa phững người Trung Hoa giải thích bằng tiếng Anh giọng Tàu khó nghe những với những địa danh và nhân danh được Âu hóa thì nằng chẳng hiểu gì cả, nhưng khi được thông dịch với những tên Hán Việt, thì thật khác hẳn. Buổi sáng hôm nay, đoàn du lịch đi thăm thắng cảnh là một ngôi chùa có ngôi bảo tháp nằm trên đồi cây bóng mát, phong cảnh thật đẹp và hùng vĩ. Người hướng dẫn viên địa phững chỉ ngôi tháp cao của ngôi chùa và giải thích bằng tiếng Anh:

- This is the Six Harmonies Tower where the famous monk Lu Zhi Shen of the Water Margin Heros camped overnight here on his retreating route. At night he heard the roaring of the wave nearby, he asked the local people to tell him what was that thundering sound. He was told it was the sound of of the tidal wave from the ocean running into the Qian Tang River. Lu Zhi Shen knew his end was coming as predicted by a priest. The day after, his position was overrun by the government troupes ten times more numerous. He and his men fought courageously and all got killed at the end.

Hạ Hồng đưa mắt nhìn mọi người trong đoàn, rồi nằng nói:

- Chú trưởng đoàn đâu rồi, yêu cầu chú nói lại cho mọi người nghe, chứ ai cũng hiểu đây là câu chuyện về một ông tướng Lu Zhi Shen bị vây và chết ở đây. Nhưng ông ấy là ai? Và chỗ này tên gì?

Mọi người đều gật đầu đồng ý. Chú Thái người hướng dẫn đoàn liền tiến ra nói:

- Thừa quý vị, tôi xin dịch lại những lời hướng dẫn viên giới thiệu về điển tích của thắng cảnh này. Trước mặt chúng ta là Tháp Lục Hòa, nơi mà ngày xưa đầu đà Lỗ Trí Thâm trong truyện Thủy Hử đã kéo binh chạy về đây đóng quân nghỉ qua đêm. Ban đêm ông nghe tiếng rầm rầm, ông kêu dân địa phương hỏi cho biết đó là tiếng gì. Họ cho biết tiếng ầm ầm như sấm nổ đó là con nước thủy triều dâng lên chảy vào sông Tiền Đường. Lỗ Trí Thâm biết vận số mình đến nay là dứt như lời tiên đoán của một vị tăng nhân. Sáng hôm sau, quân triều đình đông gấp mười kéo lại vây đánh. Lỗ Trí Thâm cầm quân chống cự một cách kiêu dũng, nhưng cuối cùng ông và toàn thể quân sĩ bị giết hết. Đó là sự tích của nơi này.

Hạ Hồng đi lại chỗ chú Đại đứng, nói:

- Thúy Kiều cũng trầm mình ở sông Tiền Đường, chắm dứt 15 năm gian truân, thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần.

Chú Đại cười:

- Bé Con là thầy cãi ngoài đời, suốt ngày ra tòa tranh luận bằng tiếng Anh, thế mà cũng giỏi điển tích văn chương Việt Nam quá nhỉ?

Hạ Hồng cãi lại:

- Cháu cũng học gần hết trung học ở Việt Nam rồi mới đi qua Mỹ nên cháu được học Truyện Kiều rồi. Nghề của cháu phải dùng tiếng Anh, nhưng cháu lúc nào cũng thích văn chương Việt. Đừng coi thường cháu nhé, cháu có nhiều bài đăng báo văn nghệ đó, và cháu cũng là cô giáo tình nguyện dạy Việt ngữ cho cộng đồng nơi cháu ở, vùng Arlington, Virginia đây.

- Ô!, nếu vậy thì Bé Con giỏi thật! Chú xin chào thua.

Hạ Hồng và Đại cùng cười vui. Nhưng Hạ Hồng chợt ngưng tiếng cười cau mày nhìn thấy những cái liếc nhìn của một số người trong đoàn khi thấy hai người một nam, một nữ tuổi tác cách biệt mà lại có vẻ thân thiết nhau như vậy. Hạ Hồng nổi cơn tức lên trừng mắt nhìn lại. Chú Đại thản nhiên bảo:

- Bé Con nổi sùng rồi sao? Để ý làm gì những người mà cả đời mình mới gặp một lần. Rồi mai ai về nhà này, thế là xong.

Nhưng Hạ Hồng vẫn còn tức, khi về ăn trưa tại khách sạn, chú Đại nhắc lại hôm qua nàng đòi chú đưa đi chơi buổi tối trước ngày về, nàng sẵn giọng trả lời không. Ăn xong lên phòng nghỉ trưa, một lúc sau con giận diu xuống, Hạ Hồng thấy mình “unfair” với chú Đại, nên nàng gọi phôn sang phòng chú Đại để xin lỗi và trở lại chứng trình đi chơi tối, thì không có ai trả lời, nên nàng viết “message” gắn ở cửa phòng chú Đại. Và vừa rồi chú Đại đã gọi lại xác nhận cuộc hẹn.

Hạ Hồng trông rất trẻ so với tuổi của nàng, nhìn nàng ai cũng nghĩ nàng còn đi học chứ không ngờ nàng là một cô luật sư đã mấy năm kinh nghiệm, làm việc trong một tổ hợp luật sư lớn ngay tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn của Hoa Kỳ. Bố đặt cho nàng cái tên Hạ Hồng để kỷ niệm thời gian nàng ra đời vào “Mùa Hè Đỏ Lửa”, lúc đó Bố đang ở mặt trận Vùng Một. Hơn một tuần sau Bố mới được về phép để thăm và đặt tên cho đứa con gái đầu lòng. Cái tên Bố đặt ra không ngờ về sau lại phản ảnh đúng tính tình của nàng. Hạ Hồng tính rất cứng quyết và nóng như lửa đỏ mùa hè. Tuổi thơ nàng đầy cực nhọc.

Năm 1975, khi miền Bắc chiếm được miền Nam, nàng mới ba tuổi, và em trai nàng mới một tuổi, Bố phải đi trình diện học tập, rồi bị đưa ra miền Bắc xa xôi bắt tằm tích, Mẹ nàng một nách hai con nhỏ, phải chạy ngược chạy xuôi nuôi hai con. Lớn lên với sự vắng mặt của Bố, nàng phải giúp Mẹ, coi em. Mẹ cố gắng cho nàng đi học, và tuy ghét chứng trình giáo dục nhồi sọ, nàng cũng học rất xuất sắc, nhưng được coi là học sinh bướng bỉnh, chống đối, nhiều lần nàng làm bộ quên để khỏi mang cái khăn quàng cổ đỏ, mà nàng cảm thấy đó là biểu hiệu của một chế độ đang hành hạ Bố, và áp chế mọi người.

Mười năm trôi qua trước khi Bố được trả về gia đình với một thân hình tiều tụy. Hai năm sau, Bố thành công trong

việc đưa gia đình vượt biên và được định cư tại Mỹ. Hạ Hồng phải học lại hai năm cuối trung học. Nàng đã vượt qua trở ngại sinh ngữ, và ra trường với điểm thật cao và nàng chọn ngành luật ở trường Đại Học nổi tiếng Georgetown. Ra trường nàng đậu cao và xuất thân từ một trường nổi tiếng nên không có khó khăn gì khi kiếm nơi tập sự. Hạ Hồng chọn ngành luật vì nàng thấy có thể dùng nghề nghiệp của mình để bênh vực cho người đồng hương tại hải ngoại, và có thể tranh đấu một cách hiệu quả cho tự do dân chủ của đất nước.

Những thời giờ rảnh, nàng tình nguyện làm việc cho cộng đồng trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc. Nhưng một điều làm cho nàng khó chịu nhất là việc nhân danh truyền thống đạo đức dân tộc để áp đặt tinh thần giáo điều hẹp hòi của một số người lớn tuổi trong cộng đồng. Họ tự cho mình cái quyền nhắc nhở, bình phẩm, và kéo bè kết tội những hành vi nào không hợp với khuôn khổ của họ. Họ tự hào là người bảo vệ truyền thống Nhưng Hạ Hồng cho đó là điều cần phải thay đổi nhất, vì tinh thần giáo điều là nguyên nhân chính của khổ nạn mà dân tộc Việt Nam đã phải chịu suốt chiều dài lịch sử. Tinh thần giáo điều hẹp hòi này có nghĩa gì giữa cảnh tai biến của chính ta, của nước ta, và của nhân loại? Đó là những nghi vấn mà Hạ Hồng hằng đeo đuổi để tìm kiếm câu trả lời thỏa đáng.

Cuộc du hành Trung Quốc hai tuần vừa qua cũng là cuộc hành trình trí tuệ đi tìm câu trả lời thỏa đáng trên, vì nàng tin rằng căn nguyên phát xuất tinh thần giáo điều được ẩn dấu sâu trong nền văn hóa Trung Quốc, mà chính nền văn hóa này lại là nguồn gốc các nền văn hóa của các nước phương Đông khác, trong đó có Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Hạ Hồng hồi tưởng lại những diễn biến từ ngày đầu của cuộc du hành.

Chuyến bay từ Washington DC đến Bắc Kinh kéo dài gần cả ngày vì phải đổi máy bay ở phi trường Detroit, thêm vào đó thủ tục an ninh và di trú mất nhiều thì giờ làm Hạ Hồng

một nhòai, khi xe đưa về tới khách sạn Giang Quốc Môn, nàng mừng khi thấy nhân viên trong đoàn du lịch làm sẵn thủ tục lấy phòng, chỉ cần nàng ký vào lấy chìa khóa phòng là xong. Nàng mở ví lấy một Mỹ kim tặng cho chú bé mang hành lý cho nàng, làm chú bé vui ra mặt, về sau nàng mới biết một Mỹ kim tương đương với 7 Quan (yuan), và lương trung bình một chú bell-boy một ngày chỉ được trên 10 quan là nhiều. Hạ Hồng vui lây với chú bé, nhớ những ngày còn nhỏ kẹt lại chưa vượt biên thoát ra ngoài, chị em nàng phải giúp mẹ khi bố còn kẹt trong tù cải tạo, cả ba mẹ con làm việc cả ngày vẫn chưa kiếm được số tiền trị giá tương đương như vậy. Nàng lên giường nằm ngủ lấy sức cho cuộc du hành ngày mai.

Sáng hôm sau, khi Hạ Hồng ra xe buýt thì mọi người đã lên xe ngồi hết rồi. Nàng phải đi xuống tận cùng mới còn một chỗ trống trên chiếc ghế đôi, một người đàn ông trung niên đã ngồi sẵn ở đó và đang chăm chú đọc sách. Hạ Hồng lịch sự hỏi:

- Xin lỗi chỗ này có ai ngồi không?

Người đàn ông không ngừng lên nhìn, xòe tay ra dẫu mời ngồi. Hạ Hồng hơi tức trong bụng khi người này trả lời nàng mà không nhìn lên. Nàng lưỡng lự trong một khoảnh khắc rồi ngồi xuống.

Xe bắt đầu chuyển bánh. Nhân viên trưởng đoàn tự giới thiệu tên là Thái, và giới thiệu hướng dẫn viên địa phương. Người này cho biết thắng cảnh thăm viếng hôm nay là Tử Cấm Thành bên trong là Hoàng Cung của hai triều đại Minh và Thanh và cho biết phải đi cả ngày mới chỉ viếng thăm sơ khu vực Cấm Thành này, lộ trình là con đường thẳng dài khoảng vài cây số, bắt đầu từ cửa Thiên An Môn (Tien An Men) phía Nam, qua cửa Ngọ Môn (Wu Men), tới Điện Thái Hòa nơi tổ chức đại lễ triều đình, sau đó qua Trung Hòa Điện, Bảo Hòa Điện, tới Thiên Thanh Cung nơi để ngai vàng, và Thiên An Cung nơi vua ở, sau chót là Vườn Ngự Uyển, và đi ra bằng cửa Bắc. Hai cánh Đông và Tây nơi

Hòang Hậu, Thái Tử và cung tần mỹ nữ ở, phải cần một ngày khác nếu muốn viếng thăm.

Sau đó Chú Thái mời mọi người tự giới thiệu về mình để tạo tình thân trong thời gian du hành. Phần đông những người trong đoàn đều có tuổi, có địa vị và nghề nghiệp vững chắc trong xã hội mới ở hải ngoại. Người đàn ông ngồi bên cạnh Hạ Hồng tới lượt, lưng khùng nhìn lên nói vắn tắt vài lời rồi ngồi xuống:

- Tôi tên là Đại, đi thăm nước Tàu kỳ này là để tìm lời giải đáp cho một số nghi vấn khi đọc lịch sử.

Hạ Hồng là người chót, nàng giới thiệu tên tuổi và nghề nghiệp của mình xong ngồi xuống. Người đàn ông nhìn sang khẽ nheo mắt nói:

- Mới bé con thế này mà đã là thầy cãi rồi ư?

Hạ Hồng nhìn lên thách thức:

- Thì có sao?

- Thì giỏi thật chứ có sao đâu?

Cuộc đối thoại không có gì là thân thiện ngưng tại đây. Phía đằng trước, chú Thái nói thêm về nguồn gốc lịch sử của Bắc Kinh qua các thời đại:

- Bắc Kinh đã từng là kinh đô của nhiều triều đại khác nhau, và theo đó tên cũng thay đổi nhiều lần. Thời Chiến Quốc nhà Yên của họ Mộ Dung người Tiên Ty đặt thủ phủ nơi nay nên gọi là Yên Kinh. Khi họ Gia Luật người Khiết Đan nổi lên, họ chiếm miền Bắc Trung Hoa và lấy Bắc Kinh làm thủ đô và đặt tên là Trung Đô. Sau đó họ Hòang Nhan người Mãn Châu chiếm được phần đất này đổi tên là Tây Đô, vì kinh đô của họ vẫn giữ ở Trường Xuân mà họ gọi là Đông Đô. Khi Hốt Tất Liệt con của Đà Lô (con thứ tư của Thành Cát Tư Hãn) diệt tan nhà Kim và nhà Nam Tống chiếm được toàn cõi Trung Hoa, lập nên nhà Nguyên lên ngôi Hoang Đế (miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ), lấy Bắc Kinh làm kinh đô và đặt tên là Đại Đô. Tiếp theo nhà Nguyên là nhà Minh. Chu Nguyên Chương xuất thân là một nhà sư theo Minh giáo ở Giang Tô khi đánh đuổi được quân Mông, lên ngôi lấy đế hiệu là Đại Minh Hồng Võ và đặt kinh đô Kim Lăng thủ phủ tỉnh Giang Tô, nên Kim Lăng còn gọi là

Nam Kinh. Nhưng con của Thái Tổ là Kiến Văn lên ngôi lấy hiệu là Huệ Đế được 3 năm bị chú là Vĩnh Lạc cướp ngôi (miếu hiệu là Minh Thành Tổ) năm 1403. Năm 1413, Vĩnh Lạc sai Trương Phụ qua đánh chiếm nước ta và vua Lê Lợi đã nổi lên khởi nghĩa, trường kỳ chiến đấu trong 10 năm gian khổ mới đánh đuổi được quân Minh, (miếu hiệu là Lê Thái Tổ), lập nên nhà Lê Trung Hưng. Khi quân Minh chiếm được nước ta, họ lấy hết những sách vở, và bắt những người giỏi của ta mang về Tàu, trong đó có một nhà kiến trúc đại tài bị tuyển làm thái giám cho vua Vĩnh Lạc. Vĩnh Lạc vì cướp ngôi của cháu nên không muốn ở Nam Kinh nên năm 1421 sai thái giám Nguyễn Văn An khởi công xây Hoàng Cung ở Bắc Kinh. Công trình to lớn này hoàn thành sau khi Vĩnh Lạc chết năm 1424. Đến cuối đời nhà Minh, tộc Nữ Chân ở Mãn Châu trở nên hùng mạnh với vua Nỗ Nhĩ Cáp Xích, nên con của ông là Đa Nhĩ Cổn đã giúp anh là Hoàng Thái Cực tức Thanh Thái Tông mang quân tiến về phía Nam và được phản tướng triều Minh là Ngô Tam Quế mở Sơn Hải Quan mời vào. Cữu A Ca Phúc Lâm là con của Đại Ngọc Nhi vốn là người tình của Đa Nhĩ Cổn trước khi trở nên Trang Phi của Hoàng Thái Cực, nên được Hoàng Thúc là Đa Nhĩ Cổn phò lên ngôi vua lấy hiệu là Thuận Trị tiến vào Bắc Kinh năm 1644 lập nên nhà Đại Thanh, vua cuối cùng của nhà Minh là Sùng Trinh tự tử. Nhà Thanh kéo dài 13 đời, vua cuối cùng là Phổ Nghi bị Cách Mạng Tân Hợi 1911 lật đổ, và nước Tàu đổi tên là Trung Hoa Dân Quốc.

Cuộc thăm viếng Cẩm Thành kéo dài gần 5 giờ làm mọi người mệt nhoài. Đi từ ngoài vào đến tận vườn Ngự Uyển mới có chỗ giải khát, và nhà vệ sinh. Hạ Hồng khát nước và mỗi chân quá, mua được một chai nước kiếm chỗ ngồi uống, nhìn quanh chỉ còn mỗi chỗ trống cạnh người đàn ông tên Đại đó, Hạ Hồng hỏi:

- Xin lỗi chỗ này có ai ngồi chưa?

- Không ai ngồi chỗ này được đâu, vì chú dành cho Bé Con đó.

Hạ Hồng ngồi xuống, nàng cảm thấy người đàn ông này với vẻ thờ ơ, cao ngạo, có một cái gì hay hay. Nàng thách thức:

- Được, nếu chú muốn gọi cháu là Bé Con cũng được, nhưng chú phải trả lời được những câu hỏi của cháu.

- Nếu câu hỏi đó không đi vào đời tư, hay đã kích một ai.

- Dĩ nhiên! Những câu hỏi này có lẽ chú cũng đang tìm câu trả lời như chú nói hồi nãy trên xe. Cháu thắc mắc tại sao Bắc Kinh được chọn làm kinh đô, thể quân sự ở nay rất khó phòng thủ vì quá gần khi quân địch ở miền Bắc tấn công xuống.

- Giỏi! Kinh Đô Bắc Kinh chỉ cách Trường Thành 70 cây số, nếu quân địch phá vỡ một khúc thành thì chỉ vài giờ sau họ có thể bao vây kinh đô, cho nên các triều đại người Hán đều lấy kinh đô ở sâu hơn về phía Nam, như nhà Châu dời đô về Lạc Dương, nhà Hán, nhà Đường ở Tràng An nay gọi là Tây An, nhà Tống ở Khai Phong và Hàng Châu, nhà Minh bắt đầu ở Nam Kinh. Chỉ có các triều đại lập nên do người Tứ Di Ngũ Hồ (đây là tên người Tàu gọi những người không thuộc tộc Hán ở các miền đất xung quanh Trung Quốc) khi chiếm được nước Tàu mới đặt kinh đô ở Bắc Kinh, trừ một trường hợp ngoại lệ là các vua Minh con cháu Vĩnh Lạc vì cướp ngôi của dòng chính nên phải bỏ Nam Kinh lên Bắc Kinh.

- Nước Tàu khi mạnh luôn có tham vọng đất đai, họ đã đem quân xâm chiếm nước ta nhiều lần, và đã đặt nước ta dưới ách Bắc Thuộc cả ngàn năm. Nhìn những công trình xây cất như Tử Cấm Thành, Vạn Lý Trường Thành, cháu thấy nước Tàu quả là mạnh, và nên văn minh Trung Quốc quả là lớn. Như vậy mai này họ lại tiến xuống miền nam thì sao?

- Bé Con đừng thấy những cái to lớn này mà cho họ là vĩ đại. Cái Tử Cấm Thành to lớn này là kết quả của một sự kềm chế, bóc lột dân chúng một cách tàn nhẫn cho lạc thú một người. Trường Thành dài vạn dặm là kết quả của nỗi lo sợ tội cùng các dân tộc miền Bắc của người Trung Hoa. Các dân tộc miền Bắc Trường Thành thường bị người Hán gọi là

Tứ Di như Tây Nhung, Bắc Địch, Đông Hồ, và Nam Man. Và Ngũ Hồ như dân Hung Nô, Mông Cổ, Khiết Đan, Nữ Chân, Khương Tạng... Vùng đất Bắc Trường Thành là vùng khô cằn gồm sa mạc Qua Bích, và các thảo nguyên, chỉ đủ nước cho cỏ mọc, không cây cối nào vươn lên thành rừng được, chỉ có các ốc đảo mà thôi. Tới nay dân vùng đó còn theo lối sống du mục, nên họ chỉ tụ nhau lại tới chế độ bộ tộc mà thôi, vì không có vùng đất nào đủ lớn để họ có thể định cư lập quốc. Năm nào thiên tai, không đủ mưa, đất khô cằn, họ sẽ không đủ ăn, phải tràn xuống miền trù phú phía dưới cướp phá. Trong bất cứ cuộc tranh đấu nào, người nghèo và đói luôn chiến đấu mãnh liệt hơn.

- Nhưng tại sao những giống người này lại tìm đến cư ngụ những nơi khô cằn như thế?

- Chưa ai có câu trả lời thích đáng. Vì theo luật thiên nhiên nước phải chảy xuống chỗ trũng. Và con người cũng như thế, nếu chỗ nào khó sống, họ sẽ di cư đi đến vùng đất tốt hơn. Với tiến bộ của khoa sinh vật học áp dụng vào khoa nhân chủng học, các nhà khoa học đã dùng DNA để khảo cứu, và các dữ kiện thu nhận được được hiện nay thì loài người hiện tại thuộc nhánh homo sapiens sapiens, có cùng một gốc từ vùng thảo nguyên Đông Phi hiện nay thuộc vùng đất biên giới giữa Tanzania và Kenya xuất hiện khoảng 150 ngàn năm trước đây. Khi mức tăng trưởng loài người vùng này lên cao, vùng này không đủ thực phẩm để cung cấp, nên có nhiều đợt di cư vượt Hồng Hải để vào vùng sa mạc Ả Rập rồi tiến lên phương Bắc, tràn qua vùng đất Âu Châu, và Á Châu. Vòng đai thảo nguyên Âu-Á từ lúc này là ngã tư cho cuộc di dân của loài người. Nhìn lịch sử Trung Hoa thì chúng ta sẽ thấy sự tràn lấn của các dân tộc phương Tây tiến chiếm dần vùng đất của dân tộc miền Đông đã định cư trước ở đó. Nhà Châu, từ vùng đồng bằng sông Vị Thủy tiến về miền Đông diệt nhà Thương ở vùng Sơn Đông. Nhà Tần từ vùng Cam Túc, Ninh Hạ cực tây của Trung Hoa, tiến về hướng Đông, diệt nhà Châu, gồm sáu lục quốc. Tổ tiên nhà Tùy và nhà Đường đều xuất thân từ miền đất phía Tây, tiến về hướng Đông làm nên đế nghiệp. Nhưng sau nhà Tống các

cuộc xâm lăng đều do hướng Bắc. Nhà Đại Liêu của người Khiết Đan, nhà Kim của người Nữ Chân, nhà Nguyên của người Mông Cổ và cuối cùng là Nhà Thanh của người Nữ Chân...

- Chú nói như vậy, lịch sử Trung Hoa là một chuỗi dài cai trị bởi ngoại bang. Như vậy họ có gì đáng sợ đâu!

- Bé Con đừng kết luận nhanh như vậy. Cái đáng sợ của họ là những người cai trị họ cuối cùng trở nên người Tàu hết.

- Thế mà người Việt Nam ta bị họ cai trị cả ngàn năm mà vẫn không biến thành người Tàu.

- Đó là cái bí nhiệm của dân tộc ta, cái sức sống mãnh liệt đề kháng lại tất cả sức đồng hóa dù mãnh liệt tới đâu.

Nói tới đây, chú Đại ngừng lại bảo:

- Bé Con, hết giờ nghỉ rồi, đi tiếp, còn nhiều ngày giờ để bàn tiếp chuyện.

Hai người đứng dậy đi theo đoàn.

Ngày hôm sau, đoàn du lịch đi thăm Văn Miếu thờ Khổng Tử, và đền Thiên Đàn nơi Nhà Vua mỗi đầu năm làm lễ bái Thiên rất long trọng. Văn Miếu được xây từ đời nhà Nguyên. Người Mông Cổ sau khi chiếm được Trung Nguyên rồi vì trọng nền văn hóa Trung Hoa nên xây đền này, tuy họ coi thường và đối xử tàn ác với dân bị trị. Hạ Hồng chăm chú đọc những tờ chỉ dẫn bằng tiếng Anh, nhưng nàng không hiểu trọn vẹn khi gặp tên các địa danh và nhân vật. Hạ Hồng quay qua hỏi:

- Chú Đại ơi, chắc chú trưởng đoàn phải biết chữ Nho mới đọc tên các địa danh lâu lâu như thế.

- Không, chú không nghĩ như vậy đâu, vì chú ấy cũng đọc chung giấy hướng dẫn như mình mà. Tại sao Bé Con không nêu thắc mắc này lên.

Hạ Hồng gật đầu đồng ý và nêu thắc mắc với chú hướng dẫn viên. Chú Thái giải thích:

- Thưa quý vị, chúng ta thường đọc truyện Tàu, nên quen với các địa danh, và tên nhân vật đọc theo âm Hán Việt và viết bằng chữ quốc ngữ. Bây giờ cũng những chữ ấy đọc

theo âm quan thoại và ghi chú bằng phương pháp Pinyin thì trông khác đi. Lý do vì chữ Nho truyền qua nước ta từ thời Bắc Thuộc, khi ấy bên Tàu là đời nhà Hán và nhà Đường, nhưng khi vua Ngô Quyền đánh đuổi được quân đô hộ Tàu về nước vào thế kỷ thứ mười, mở đầu giai đoạn tự chủ của nước Việt thì chữ Hán của Tàu và của ta cũng tách ra phát triển thành hai ngả. Trong cách phát âm, người Việt còn giữ được sáu thanh, trong khi người Tàu chỉ còn bốn thanh, thêm vào đó người Tàu cũng mất dần các phụ âm cuối, nên họ đọc ngắn ngủn, mà chúng ta gọi là nói lơ lớ, điều này sẽ được nhận ra ngay khi cùng một bài thơ Đường để cho hai người Việt và Tàu cùng đọc. Khi đến Tô Châu, chúng ta sẽ có dịp thăm viếng Hàn Sơn Tử, nơi đó có khắc bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” của Trương Kế trên bia đá với bút tự của Khang Hữu Vi, chúng tôi sẽ nhờ một người đẹp Tô Châu đọc bài thơ này với một giọng được coi là mềm mại nhất của Trung Hoa:

Feng Qiao ye bo.

Yue luo u ti shuang man xian
Jiang feng yu hua dui shau mian
Gu Su cheng wai Han Shan Si
Ye bo chung qing dao ke shuan.

(Zhang Ji)

Rồi quý vị so sánh bài thơ này đọc với âm Hán Việt dưới đây:

Phong Kiều dạ bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tử
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

(Trương Kế)

Hạ Hồng không chịu, bèn nói:

- Nhưng như vậy người đọc phải biết chữ Nho mới đọc được như vậy. Mà chữ Nho muốn biết phải học một thời gian

dài, bây giờ có cách nào nào mà không phải mất công nhiều như thế không?

- Người Tây Phương cũng gặp trở ngại đó, do đó trước đây họ đã phát minh ra phương pháp Wade-Giles để ghi âm tên người và địa danh, thí dụ như tiếng Hán Việt viết là Mao Trạch Đông thì theo phương pháp Wade-Giles họ viết Mao-tse-Tung. Nhưng bắt đầu từ thập niên 50, chính Mao ra lệnh phải dùng phũng pháp Pinyin (bính âm) và chữ Mao Trạch Đông ở trên viết thành Mao Zedong. Phương pháp này phiên âm theo giọng Bắc Kinh, tiếng Bắc Kinh còn giữ được nhiều cách phát âm thời Đường, nên khi đọc lên gần với cách phát âm Hán Việt của ta. Phương pháp Wade-Giles được hai ông Wade và Giles sáng chế ra khi các ông làm trong ngành ngoại giao ở Hoa Nam, cho nên bị ảnh hưởng thổ âm miền Nam làm cách đọc khác đi nhiều, và lý do thứ hai cũng vì chính hai ông là người ngoại quốc nữa, nên phương pháp Wades-Giles phát âm không giống nhiều tiếng Hán Việt của ta. Bây giờ người Tây Phương chấp nhận dùng phương pháp Pinyin. Nếu chúng ta để ý, chúng ta có thể chuyển âm Pinyin thành âm Hán Việt mà không cần biết chữ Nho, hiệu quả có thể đạt được tới 80% trong vòng vài giờ nếu có người chỉ dẫn. Khi đó chúng ta có thể đọc dễ dàng tên hai nhân vật của Kim Dung là Zhang Wuji và Zhao Ming theo âm Hán Việt thành chàng Trương Vô Kỵ và Quận chúa Triệu Minh của truyện “Cô Gái Đồ Long”.

Hạ Hồng quay sang nói với chú Đại:

- Hồi trước đến giờ cháu vẫn loay hoay không biết rõ, bây giờ nghe chú Thái giải thích, chắc cháu sẽ học chú Thái để có thể chuyển tiếng Tàu Pinyin ra cách đọc âm Hán Việt.

- Bé con thông minh thật, mới nghe xong là hiểu liền, nhưng bé con có biết tại sao lại rắc rối như thế không?

- Cháu chịu thua, chú có thể giải thích được không?

- Bắt buộc, nếu không thì chú đó làm gì?

- Vậy chú nói đi.

- Tất cả ngôn ngữ đều có hai phần, trước là ngôn, sau mới là ngữ, có nghĩa là tiếng nói có trước rồi mới đến chữ viết. Bốn nước Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam

ngày trước được gọi là Tứ Quốc Đồng Văn, vì bốn nước đều lấy chữ Hán làm nền tảng cho chữ viết. Nhưng tiếng nói của bốn nước lại thuộc các nhóm ngữ âm khác nhau, tiếng Việt thuộc nhóm Nam-Á (Austro-Asiatic), tiếng Tàu thuộc nhóm Hoa-Tạng (Sino-Tibetan), còn tiếng Cao Ly và Nhật thuộc nhóm Ural-Altai, do đó ba nước Việt, Hàn, Nhật đã vay mượn chữ Hán, dùng phép Lục Thư của họ để chế ra những âm của tiếng mình mà chữ Hán không có. Người Việt chế ra chữ Nôm để viết, nhưng muốn viết chữ Nôm phải rành chữ Hán trước, do đó chữ Nôm khó hơn nhiều, vì thế khi chữ Quốc Ngữ mượn mẫu tự La Tinh được hình thành, thì chỉ trong một thời gian ngắn đã phát triển rộng rãi thay thế chữ Hán và Nôm. Tiếng Nhật là tiếng đa âm tiết, tuy thế, người Nhật vẫn dùng được chữ Hán (Kanji) cho hầu hết các văn bản, tuy thỉnh thoảng có thêm chữ Kana (ghi từng âm tiết) cho các phụ tố. Người Triều Tiên dùng chữ Hán để phát minh ra chữ Hangul rất tân tiến và tiện lợi.

- Như vậy tại sao chỉ còn Trung Hoa vẫn chưa có sáng kiến nào để việc học chữ Hán dễ dàng hơn chút đỉnh.

- Tiếng Tàu bị kẹt một cái là rất nhiều tiếng đồng âm dị nghĩa, cho nên họ không thể nào chỉ căn cứ trên âm mà hiểu được hoàn toàn câu nói. Khi phong trào đòi thay chữ Hán Tự bằng lối viết hoàn toàn bính âm, một nhà thơ đã làm ra một bài dài gần một trăm chữ, khi đọc lên toàn là âm “shi” mà thôi, nếu không có bản viết bằng chữ Hán thì không ai hiểu nổi. Từ đó mà phong trào này mới xẹp đi.

- Cháu có đọc sách nói về bệnh alexia (chứng không đọc chữ được) hay dislexia (chứng mất khả năng đọc chữ) của trẻ em. Những em này thường được coi là “khuyết tật” hay thậm chí “quá đàn độn” không hy vọng gì trở thành người có chút ít học thức được, nhưng sau người ta khám phá ra rằng nguyên nhân của tình trạng này không phải ở các em, mà chính là ở lối viết mẫu tự ABC. Do đó họ thử dùng chuyên ngữ Hán tự để dạy mấy em, thì kết quả học tập của các em lại có phần trội hơn các em học bằng chữ ABC. Người ta tìm hiểu và biết rằng trong não bộ của các em công năng của bán cầu bên phải (tri giác tổng hợp) trội hơn công năng của bán

cầu bên trái (tri giác phân tích) cho nên các em chỉ nhận dạng được chữ Hán vốn có hình thể đặc trưng biểu ý rất rõ, mà không có khả năng chấp các mẫu tự thành một âm.

- Đúng, khi đọc, người biết chữ thành thục không hề đánh vắn. Họ nhận ra các từ ngữ qua diện mạo chung của chúng, không khác gì ta nhận ra một vật, một người quen không phải bằng cách lần lượt nhận ra từng chi tiết như mắt, rồi mũi, rồi miệng, rồi tai... mà nhận ra ngay tức khắc toàn thể diện mạo của vật hay người đó.

- Chữ Hán căn bản là lối chữ tượng hình, nên đi với họa là tuyệt hảo. Nhờ thế mà khi đọc người ta có thể liếc mắt một lần đọc được mười dòng đúng như trong câu “Nhất mục thập hàng”.

Hai chú cháu ngồi bàn luận về văn hóa Trung Hoa rất hợp ý. Kể từ đó, hai người đi đâu cũng đi chung. Hạ Hồng để ý thấy có những cái nhìn không thiện cảm với nàng, khi họ thấy Hạ Hồng rất tự nhiên trong cách tiếp xúc, không phân biệt nam nữ, tuổi tác. Nhưng Hạ Hồng thấy mình không làm gì vượt ra ngoài phạm vi đạo đức, và tính nàng vốn bướng bỉnh, nàng cứ làm những gì mình thích.

Sau khi đi thăm Văn Miếu và Thiên Đàn về, Hạ Hồng rủ chú Đại ngồi cùng bàn ăn cơm tối để bàn về câu hỏi gợi ý mà chú Thái hướng dẫn viên đặt ra:

- Tại sao văn minh Trung Hoa rục rờ từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, với sự phát triển phong phú về tư tưởng của “Bách Gia Chư Tử”, vậy mà về sau họ chỉ còn là con hổ giấy, để người ngoại quốc đè đầu cai trị biết bao nhiêu lần, và trường hợp nước Việt có giống như vậy không?

Sau khi đi lấy đồ ăn mang về bàn, Hạ Hồng nhìn cái đĩa gần như trống trơn của chú Đại hỏi:

- Chú không ăn sao?

- Có chứ, nhưng chú ăn ít thôi. Có lẽ ăn gì quen nấy, đồ ăn Tàu ăn ngay trên đất Tàu này, chú thấy không hợp bằng đồ Tàu ăn ở Sài Gòn ngày trước. Chú khoái nhất là ngồi ăn mì, hủ tếu ở mấy xe ngoài lề đường, bên cạnh nồi nước leo bốc khói nghi ngút, vừa ăn vừa xem mấy hình vẽ trên kiếng mấy cảnh trong truyện Tàu như “Tổng Tử Đơn Hùng Tín”

của truyện Thuyết Đường, hay “Võ Tòng Đa Hồ” của truyện Thủy Hử.

- Thời chú mới có mấy xe mì, hủ tíu kiểu này, chứ khi cháu còn ở Việt Nam, nhà nghèo đâu có thể có những thứ xa xỉ quá như vậy, ngoài ra mấy ông Ba Tàu nấu mì của chú cũng đã vượt biên hết cả rồi, chẳng có ông nào đứng bán mì hủ tíu cho mình ăn nữa.

Hai người ngồi ăn một lúc là xong, chú Đại đứng dậy lấy hai ly cà phê cho hai người. Đưa ly cà phê cho Hạ Hồng, chú Đại nói:

- Bé Con nghĩ thế nào về câu hỏi của chú Thái đặt ra?

- Cháu cũng đang nghĩ. Có nhiều người nói có lẽ vì thế độc tôn của Nho Giáo mà làm tàn lụi nền văn minh của các nước Á Đông đi.

- Trước khi đi sâu vào vấn đề, mình phải biết rõ thế nào là Nho Giáo. Chữ Nho do chữ Nhu đọc trại ra. Nhu là cần. Nho sĩ là những người được cần tới. Trong xã hội sơ khai, những người được cần tới là những người biết đọc, biết viết để lo việc tế lễ thờ phụng.

- Thì ra thế, cổ vật được đào lên có chữ viết trên yếm rùa, xương thú vật nên được gọi là Giáp Cốt Văn, và sau đó người ta khắc chữ trên đỉnh đồng nên gọi là Chung Đỉnh Văn, đó là những đồ tế lễ.

- Trong các bộ lạc sơ khai, các “shaman” luôn luôn được nể sợ vì trình độ hiểu biết của họ vượt hơn mọi người rất xa, nhưng họ không đủ sức mạnh để trở thành thủ lĩnh, cho nên họ chỉ có thể đóng vai trò quân sư mà thôi. Sau này khi xã hội tiến tới giai đoạn phong kiến và quân chủ, họ trở thành giai cấp nho sĩ đi tìm Chúa để phò. Thời Chiến Quốc, có các tay biện sĩ giỏi như Trương Nghi, Tô Tần lập kế hợp tung với liên hoành để bình thiên hạ.

Hạ Hồng thêm vào:

- Và chính Khổng Tử cũng đi lang thang khắp nơi nhưng không ai dám dùng, phải trở về nước Lỗ viết sách dạy học trò. Khổng Tử là một nho sĩ, nhưng sau này được tôn làm Vạn Thế Sư Biêu, nên người ta cũng gọi Nho giáo là Khổng giáo. Nho giáo đã có từ trước Khổng Tử cả mấy trăm năm,

một nho sĩ khác nổi tiếng từ đàn đòi nhà Chu là Chu Công Đán đã viết sách Nhĩ Nhã trước Khổng Tử 700 năm và đặt nên thuyết Thiên Mệnh để giải thích việc thay đổi ngôi vua khi anh của ông là Võ Vương Cơ Phát nổi lên diệt Trụ dành ngôi Thiên tử.

- Đúng như vậy. Khổng Tử khi về nước Lỗ và sau này khi ông mất đi các môn đồ của ông đã san định lại sách vở sắp xếp cho có hệ thống thành những bộ sách Tứ Thư và Ngũ Kinh. Trong đó bộ Lễ Kinh là một bộ sách nói lên nguồn gốc của giới nho sĩ vốn là các thầy tư tế. Họ đã dành cho nhà Vua đóng một vai trò rất quan trọng là nối liền Trời, Đất và Người. Vua được gọi là Thiên Tử có nghĩa là con Trời thay Trời cai trị nhân gian và kiêm luôn chức Đại Tư Tế, người duy nhất có thể tiếp xúc với Trời Đất, do đó chỉ có Vua mỗi đầu năm mới được quyền lên đàn tế trời đất xin mùa màng tốt đẹp, do đó chỗ này được gọi là Thiên Đàn.

- Vậy Thiên Đàn và Văn Miếu được giai cấp thống trị cho xây để biểu hiệu thần quyền và thế quyền trong tay đảng Thiên Tử nên mọi người phải luôn luôn tuân theo. Nho giáo vô hình chung trở thành một tôn giáo. Nhà Vua lập chế độ thi cử dựa trên Tứ Thư Ngũ Kinh để chọn người làm quan, giúp mình cai trị, do đó Nho giáo trở thành độc tôn, ngăn chặn sự phát triển những tư tưởng mới, và kết quả làm toàn vùng Đông Nam Á ngưng phát triển?

- Cái đó cũng đúng nhưng không hoàn toàn đúng. Nho giáo mỗi thời đều khác nhau. Những kỷ cương được Khổng Tử đặt ra vì thời Chiến Quốc quá loạn, nhưng những kỷ cương ấy không cứng nhắc như sau này, và cũng không cho nhà vua nhiều đặc quyền, cho nên chính vì lý do đó mà Khổng Tử chu du khắp nơi, với tài dường ấy mà vẫn không được dùng. Khoảng một trăm năm sau, một môn đồ của ông là Mạnh Tử đã nhấn mạnh hơn về điều này khi ông viết: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, và đề cao Nhân Ái dùng đức để cảm hóa con người. Nhưng đó là thời loạn ly, các vua chư hầu trọng phái Pháp gia, theo chủ trương “nhân chi sơ tánh bản ác” của Tuân Tử mà đặt ra hình pháp rất ngặt để nghiêm trị người phạm lỗi. Nhà Tần dùng Vệ

Ứng của phái Pháp gia, cùng một lúc cải cách ruộng đất nên Tần trở nên mạnh, tới thời Tần Doanh Chính gồm sáu nước, thống nhất thiên hạ, lên ngôi Hoàng Đế tự xưng là Thủy Hoàng Đế nghĩa là vị Hoàng Đế đầu tiên của một triều đại kéo dài đến vạn thế. Và Thủy Hoàng đã tin dùng Lý Tư một kẻ sĩ thuộc Pháp gia, đặt làm Thừa Tướng, mà không dùng Hàn Phi Tử một sĩ phu khác cũng thuộc Pháp gia, nhưng không sát máu bằng Lý Tư. Lý Tư là người đã đưa ra chính sách “đốt sách, giết học trò” để tiêu diệt tự do tư tưởng. Và từ đó nền văn minh Trung Hoa đã lu mờ dần đi.

- Nhưng sau này khi nhà Tần đổ, nhà Hán lên, họ đâu dùng phái Pháp gia nữa, mà trở lại dùng Nho gia.

- Bé Con nói đúng, những nhà vua sau này khi lập đế nghiệp xong, cần phải có một hệ thống tư tưởng và hệ thống quan lại để cai trị. Do đó họ chọn Nho giáo nhưng bỏ bớt đi chỗ nào không thích hợp với quyền lợi của mình. Hán Cao Tổ sau khi diệt xong Tần và Sở, bèn giết hại các người đã giúp mình lên nghiệp đế. Sau đó Hán Vũ Đế cho Đồng Trọng Thư san định lại Nho giáo, lúc bấy giờ đã sai lạc đi rất nhiều vì sách vở đã bị nhà Tần đốt hết, do đó Nho giáo thời này đã trở nên giáo điều rồi, và đó là Hán Nho.

- Như vậy đến đời nhà Tống, họ còn sửa nhiều chỗ nữa nên Tống Nho lại còn giáo điều bội phần.

- Bé Con khá lắm. Đời Tống Triệu Khuông Dẫn lập nghiệp đế xong, cũng sát hại công thần và cho Trình Dục và Chu Hi viết lại Nho giáo theo nhãn quan mới, cứng rắn hơn, giáo điều hơn. Tới đời nhà Minh cũng thế, khi Chu Nguyên Chương diệt xong nhà Nguyên lên ngôi Hoàng Đế, rồi sau đó cũng giết hại công thần. Minh Thành Tổ là Vĩnh Lạc sai Trương Phụ mượn danh phù Trần diệt Hồ đánh nước ta, bắt học trò mang về Tàu, và tịch thu sách vở đốt đi. Vua Lê Thái Tổ vốn là một đình trưởng nổi lên ở đất Lam Sơn, mười năm kháng chiến chống quân Minh thành công, lập nên nghiệp đế, rồi cũng học theo thói nhà Minh giết hại công thần và dùng Minh Nho để cai trị.

Do đó tinh thần khai phóng, tự do tư tưởng không còn nữa, và kết quả là nhà Minh bị người Mãn Châu diệt, nhà Lê

làm vua ít lâu bị mất quyền về tay chúa Trịnh. Riêng tại Việt Nam, sau này khi thống nhất đất nước rồi, vua Gia Long cũng theo đúng vết chân tai hại cũ, giết công thần và thiết lập một hệ thống Nho học giáo điều cứng cực. Do đó cả vùng Đông Nam Á trừ Nhật biết thức tỉnh sớm từ thời Minh Trị nên vươn lên được, còn toàn vùng rơi vào ách thống trị của thực dân Âu châu. Do đó việc đổ tội cho Nho giáo làm đất nước lạc hậu chỉ đúng trên mặt phiến diện thôi, sự thực con người đây tham vọng đã sửa đổi một hệ thống tư tưởng để làm lợi cho mình, đưa tinh thần giáo điều cứng nhắc để tạo nên một tầng lớp khoa bảng chỉ biết tuân hành để giúp họ cai trị.

- Cháu đồng ý với chú, vì sau này hệ tư tưởng Mác xít được người Cộng Sản sử dụng cũng giáo điều không kém nên họ đã tạo nên một chế độ toàn trị ở Việt Nam, và đưa nước Việt càng ngày càng đi xuống. Vậy muốn thay đổi thì chúng ta phải làm sao?

- Chú cũng đã đọc các bài Bé Con viết và nêu lên vấn nạn này. Nhưng bánh xe lịch sử chuyển vận kỳ bí lắm, nhiều khi có những hạt nhân gieo ra, nhưng khi gặt lại không giống những gì mình mong đợi. Chính quyền hiện tại dùng chính sách hà khắc để đè nén bắt mọi người phải tuân theo, nhưng họ đã lầm, hàng triệu người liêu chết ra đi. Người Việt ở hải ngoại thế hệ thứ hai được đào tạo với tinh thần mới, khả năng chuyên môn tân tiến, sẽ là một lực làm thay đổi sâu xa trong nước một cách trực tiếp hay gián tiếp. Trực tiếp là những người như Bé Con, hoạt động viết lách, truyền bá tư tưởng khai phóng. Gián tiếp là các giới thanh niên trong nước khi nhìn thấy những thành quả của giới trẻ bên ngoài họ cũng cố gắng đi theo, và với số người đông đảo họ sẽ tạo nên một “critical mass” để làm thay đổi đất nước. Bé Con làm vậy là đúng lắm.

- Cám ơn chú đã khuyến khích cháu.

- Thôi nói chuyện nhiều khuya rồi, phải đi ngủ, ngày mai còn đi thăm Vạn Lý Trường Thành.

Hôm sau, xe buýt đưa đoàn du lịch đến thăm khu Trường Thành ở đỉnh Bát Đạt Lĩnh có cửa quan Cư Dung ở phía dưới, cách Bắc Kinh 70 cây số. Chú Thái hướng dẫn viên cho biết khúc thành này mới được xây vào đời nhà Minh sau khi đánh đuổi được nhà Nguyên về miền quan tái, đây chỉ là bức tường thành phòng thủ phía trong vì phía ngoài còn một lớp tường thành xây đã lâu đời. Đỉnh Badaling đọc theo tiếng Hán Việt là Bát Đạt Lĩnh có nghĩa là đỉnh cao có thể nhìn tám hướng được, và cửa quan phía dưới ngày trước khi xây, những người thợ nghèo đến đây cư ngụ, do đó mới có tên là Juyong hay Cư Dung theo tiếng Hán Việt. Ngày nay để hấp dẫn khách du lịch, Trung Quốc đã trùng tu nơi này và lập nên một tấm bia khắc bảy chữ “Bát Đáo Trường Thành Phi Hảo Hán” với bút tự của Mao Trạch Đông...

Xe buýt dừng cho mọi người xuống. Hạ Hồng quyết đi lên đỉnh Bát Đạt Lĩnh để nhìn cho rõ. Con đường dốc khó đi, leo lên phải dùng sức rất nhiều, nằng nằng chân nghỉ ở mấy chỗ nhân dịp mua một tấm bảng khắc tên làm kỷ niệm. Khi lên tới đỉnh đã thấy chú Đại đứng ở đó, tóc bay bay theo gió, mắt nhìn xa xăm về hướng quan tái. Hạ Hồng cười nhẹ hỏi:

- Chú đang làm thơ đây phải không?

- Bé Con nói đúng một nửa, chú không làm thơ nhưng một câu thơ của Nguyễn Du chợt hiện ra khi đứng trước cảnh hùng vĩ này: “Rừng phong nay đã nhuộm màu quan san”.

Rồi chú Đại chỉ về hướng Bắc nói:

- Nếu ta đi về hướng Bắc một đôi dài và quẹo về hướng Tây một chút, thì sẽ gặp khu trường thành cổ, nơi đây có Nhạn Môn Quan. Nơi cửa quan đèo heo hút gió này, những người lính trấn thủ chỉ có đàn chim nhạn bay qua bay lại làm bạn cho vơi sầu. Vượt qua ải quan này, chúng ta sẽ vào vào vùng thảo nguyên nơi nhân vật anh hùng cái thế Tiêu Phong của Kim Dung, mong được rửa tay góit kiếm từ giã chôn giang hồ về chẵn cừu với người yêu là A Châu. Nhưng vĩnh viễn Tiêu Phong không thực hiện được giấc mơ tuyệt vời đơn sơ đó. Oan nghiệt thay, chính tay chàng đã giết lầm người yêu A Châu. Trước khi chàng sửa soạn lên đường trở

về vùng thảo nguyên với nàng, chàng còn một việc phải làm là đi tìm một kẻ mà chàng cho rằng đã giết cha của mình để báo thù, người đó là Đoàn Chính Thuần mà chàng không biết đó là cha của A Châu, A Châu với tài cải trang giỏi đã dùng kế đó thế mạng cha, nàng hy sinh chịu chết dưới tay người yêu là Tiêu Phong... Khi Tiêu Phong biết được sự thực là lúc chàng đang bị quần hùng vây đánh tại Nhạn Môn Quan, chàng tự vẫn và được người em gái của người yêu là A Tử ôm nhẩy xuống vực chết, kết thúc một đời anh hùng cái thế và một mối tình tuyệt hảo bi hùng.

- Eo ơi, chú lãng mạn thật. Cháu đứng đây vẫn chưa hiểu được tại sao Thành Cát Tư Hãn với đội kỵ binh chỉ trên một trăm ngàn người mà chinh phục từ Âu sang Á thành một đế quốc lớn nhất tự cổ chí kim.

- Chú đứng đây mà cũng không hiểu tại sao con người được sinh ra? Cứu cánh của đời sống là gì? Lý do nào mà lại có những người chọn nơi này để sinh sống? Những câu hỏi này sẽ không bao giờ có câu trả lời thỏa đáng, vì câu trả lời sẽ là đầu mối của một câu hỏi khác, và cứ thế vòng luẩn quẩn kéo dài ra mãi.

- Như vậy chú đã tìm câu trả lời nơi tôn giáo chưa?

- Không, dù câu trả lời của tôn giáo có tính chất tối hậu, nhưng chú không thể chấp nhận được vì tính cách giáo điều là điều kiện tiên quyết. Và nếu chấp nhận giáo điều, con người sẽ trở nên u mê vì chính mình tự nguyện chấp nhận bỏ cái tự do tuyệt đối của mình.

Chú Đại ngừng một chút ở đây rồi tiếp:

- Một điều suy tư khác nữa của chú là có lẽ chính sự tranh sống ở vùng thảo nguyên xa xôi hẻo lánh này từ ngàn năm trước là nguyên nhân sâu xa cho các biến động toàn cầu hiện tại. Sự sụp đổ của Liên Bang Sô Viết, sự trở lại nguyên tắc cực đoan của nhóm "Islamic Fundamentalists" đã đưa cuộc chiến Trung Đông thành một cuộc thánh chiến (Jihad). Cuộc chiến này sẽ dã man tàn độc vô cùng, và ảnh hưởng sẽ lan ra khắp cả toàn cầu.

* * *

Hạ Hồng nhìn vào gương kiểm điểm một lần chót trước khi ra thang máy xuống dưới nhà gặp chú Đại. Hai tuần qua đi thật mau, chỉ còn một đêm cuối tại Thượng Hải. Thành phố Thượng Hải về đêm rực ánh đèn màu, người đi qua lại chật cứng. Hai người chen chúc trong đám đông, nhiều khi sợ lạc, chú Đại đưa tay cho Hạ Hồng nắm. Hạ Hồng nắm lấy bàn tay mềm và ấm của chú trong lòng cảm thấy ấm áp vô cùng. Đi một lúc, Hạ Hồng muốn nghỉ chân, rủ chú Đại tìm chỗ giải khát. Chú Đại đưa Hạ Hồng vào quán Rainbow, nơi có ban nhạc sống chơi nhạc Salsa. Người hầu bàn mang ra một bình bia lớn và hai cái ly. Chú Đại rót vào ly mời. Hạ Hồng uống một hơi hết nửa ly, cái mát lạnh của bia từ từ đi xuống từ cổ, thấm lan ra khắp người. Chờ chú Đại bật quẹt mời xong điếu thuốc, Hạ Hồng ra hiệu hỏi xin chú một điếu thuốc. Chú Đại lấy thuốc đưa ra, rồi đưa hộp quẹt ra tính bật lên châm, nhưng Hạ Hồng đưa tay chặn lại, môi ngậm điếu thuốc đưa lên tìm đầu điếu thuốc đang cháy đỏ trên môi chú Đại. Trong cái khoảnh khắc hai đầu điếu thuốc chạm vào nhau, Hạ Hồng hơi rùng mình, môi nằng đầy mạnh điếu thuốc cho dính vào điếu thuốc, rồi nằng hít mạnh vào, đầu điếu thuốc cháy đỏ lên. Hạ Hồng ngược mắt nhìn lên, thờ mạnh, khói thuốc tỏa ra, Hạ Hồng thấy sau làn khói mắt chú Đại đang cũng đang lung linh nhìn nằng. Một lúc sau chú Đại đứng lên bảo:

- Đêm đã khuya rồi, thôi về, ngày mai còn phải đi sớm!



Bồ Giang Công Tử

Con Thằng Hải Tặc

*Truyện ngắn, viết tặng Nhân Linh -
người có thiện tâm về vấn đề NHÂN BẢN.*

*Lưu niệm mùa Giáng Sinh 1999
ở trường trung học Quimby, San Jose, California.*

Đỗ Quốc Anh-Thư

Từ 2 năm nay, mỗi lần lái xe đến nơi làm việc, thêm một lần Hạnh nhìn thấy cảnh tấp nập và quen thuộc trên sân trường Quimby. Học sinh từng nhóm, đa số là Mỹ trắng và người Á Châu, tụ tập nô đùa, gây ồn ào cả khu phố. Nhiều em còn la hét, chạy nhảy ngay ở giữa ngã tư đèn đỏ, phía trước cổng trường.

Sáng nay, khi Hạnh vừa lái xe đến trường học thì mấy trẻ em Việt Nam đang nô đùa ở giữa sân nhìn thấy. Chúng gọi nhau:

- Tụi bay ơi, cô Hạnh! Cô Hạnh tụi bay ơi!

Làm sao các em có thể làm lẫn Hạnh với người khác được? Cô là người phụ nữ VN duy nhất tại trường trung học Quimby. Hạnh lại có mái tóc dài, đeo đôi kính trắng và đi chiếc xe Saturn màu xanh.

- Chào cô! Chào cô Hạnh!

Hạnh lái xe dọc theo lối đi, băng qua sân trường, làm các em học sinh mừng rỡ. Chúng vừa reo hò, vừa vẫy tay chào cô. Có em nói tiếng Việt. Có em quen miệng, bắt chước học

sinh Mỹ, gọi Hạnh là “Miss Tran”, vì cô là Trần Ngọc Hạnh. Cô Hạnh tươi cười, vẫy tay và tiếp tục lái xe đến bãi đậu.

Trường trung học Quimby ở phía nam thành phố San Jose là nơi có khá đông trẻ em VN theo học. Nhiều em mới đến Hoa Kỳ, hoàn toàn bỡ ngỡ và chưa biết tiếng Mỹ. Vì vậy, ngoài môn Xã Hội Học, Hạnh còn phụ trách việc giảng dạy thêm 2 lớp Anh Ngữ và Toán. Nhiều khi, cô còn phải làm công việc của giám thị hay thông dịch viên để giúp đỡ và hướng dẫn các em học sinh VN. Hai tháng trước đây, Hạnh đã thuyết trình cho các thầy giáo Mỹ cũng như phụ huynh và học sinh VN nghe về sự khác biệt của hai nền văn hóa. Nhờ buổi nói chuyện này, Hạnh đã trở thành hình ảnh quen thuộc và dành được nhiều cảm tình của giáo chức cũng như đồng bào trong khu học Evergreen. Ông Keith, hiệu trưởng trường Quimby thì tấm tắc khen cô về nội dung phong phú của bài thuyết trình. Nhưng Hạnh khiêm tốn và thành thật nói cho ông biết, cô đã trích dẫn nhiều tài liệu và ý tưởng trong luận án Cao Học của cô trước đây.

Khác hẳn ông Keith, sau buổi thuyết trình, dăm ba phụ huynh - biết cô lớn tuổi - thì thắc mắc, tại sao cô chưa lập gia đình? Thứ đến là trên đường vượt biển tỵ nạn VC, chuyến tàu của Hạnh có thoát khỏi tai vạ hải tặc Thái Lan hay không? Nhiều phụ nữ và trẻ em, đã bị chúng hãm hiếp dã man: Kẻ thì mắc bệnh tâm thần, người thì mang thai - trở thành bà mẹ ‘bất đắc dĩ’ của “*con thuyền hải tặc*”.

Nhìn học sinh tập nập trên sân trường, Hạnh nhớ lại những kỷ niệm trong thời gian cô còn theo học ở trường UC Davis. Hồi ấy, vài người bạn thấy Hạnh ít nói thì cho cô là “nghiêm nghị”. Mấy người khác thường gặp Hạnh ngồi một mình trong công viên thì gọi cô là “người đẹp cô đơn”.

Hình ảnh in sâu vào ký ức của Hạnh là anh sinh viên Mỹ, tên là Dan Bush. Anh ta đẹp trai, có khiếu ngôn ngữ và được mấy sinh viên VN dậy nói tiếng Việt. Chủ đích chính của Dan là để “tán” mấy cô gái VN. Một hôm Hạnh đang ngồi trên ghế đá phía trước giảng đường, Dan Bush bước tới cúi đầu lễ phép chào Hạnh. Giọng nói của anh ngây ngô nhưng

lại có “duyên” - mà chỉ người Âu Mỹ học nói tiếng Việt mới có thể đạt được - làm Hạnh đang u sầu cũng phải phì cười.

- Cô là Hạnh phải không ạ? Trời ơi! Cô đẹp quá! “làn thu thủy nét xuân sơn”. Nhìn cô mà tôi có cảm nghĩ đến sắc đẹp của nàng Kiều đấy!

- Thừa phải, tôi là Hạnh.

Hạnh không “cảm ơn” khi được khen mà còn hỏi vặn anh ta:

- Kiều là ai ở trường này hở anh?

- Trời ơi! Cô là người Việt mà lại không biết truyện Kiều?

May cho Dan Bush, lúc ấy đến giờ vào học, nếu không anh ta đã bị Hạnh hỏi vặn cho đến khi nào bí thì thôi. Ngày hôm sau, khi kể lại chuyện này với bạn hữu, Hạnh nói:

“Vương Thúy Kiều tài sắc và hiểu thảo thật đấy, nhưng cuộc đời đầy dẫy khổ đau. Sự thực, Kiều còn là cô gái giang hồ. Vì vậy, lời nịnh hót, «*đẹp như Thúy Kiều*», hiển nhiên trở thành lời phỉ báng phái nữ”.

Hạnh không có ý trách Dan Bush, mà trách mấy sinh viên VN, không chịu nghĩ sâu. Họ đã dậy anh ta, đem nàng Kiều ra ví von như vậy là làm lẫn. Vài ba cô bạn gái của Hạnh cũng chú tâm vào “tài sắc” của Kiều mà quên mất phần quan trọng mà cụ Nguyễn Du đã viết:

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Cảnh tập nập ở trường Queenby còn làm Hạnh nhớ đến câu chuyện năm xưa. Mấy lần cô than thở là vừa đi học vừa phải đi làm thì mới đủ tiền chi tiêu và trả dần món nợ của hội thiện nguyện đã ứng tiền cho vay để Hạnh mua vé phi cơ từ trại ty nạn sang Mỹ. Có người khuyên Hạnh:

“*Lờ đi, dọn nhà chỗ khác thì ai biết địa chỉ mà đòi!*”.

Hạnh thẳng thắn nói cho bà ta biết là cô không thể làm chuyện trái lương tâm như vậy được. Trốn nợ và làm hại người đồng cảnh: Nhiều người quyêt nợ thì hội thiện không còn đủ ngân quỹ để giúp người ty nạn. Chỉ vì bản tính bộc trực, nên có người bảo Hạnh là “bà thầy khe khát”. Nhưng thật sự, cô là người bình thường và rất quý mến bạn hữu.

Sau khi đậu xe ở phía sau sân trường, Hạnh tắt máy. Lúc cô vừa ra khỏi xe, đi được vài bước thì trên hệ thống phát âm của nhà trường vang lên:

- Cô Trần... Hạnh, làm ơn đến phòng họp, gặp ông Keith ngay tức khắc.

Qua giọng nói khẩn khoản - bằng tiếng Mỹ - Hạnh nhận ra, đó là giọng nói của cô Linda, thư ký của nhà trường.

“Có chuyện gì xảy ra mà họ cần mình đến phòng họp ngay tức khắc? Nếu không nhờ mình thông dịch thì nhờ việc gì đây?”.

Hạnh thăm hỏi, rồi đổi hướng, đi thẳng đến phòng họp.

- Cô Trần... Hạnh, làm ơn đến phòng họp, gặp ông Keith ngay tức khắc.

Thêm lần nữa, tiếng cô Linda lại vang lên trên hệ thống phát âm khi Hạnh chỉ còn cách văn phòng ông Keith khoảng mười bước. Ngay lúc ấy, từ phía công trường, tiếng còi hụ kêu lớn làm Hạnh giật mình, quay lại nhìn: Chiếc xe cứu thương chạy vào trong trường.

“Chuyện gì trầm trọng lắm?” Hạnh thăm hỏi và cảm thấy lo ngại. Cô vội vàng chạy vào phòng họp. Trong khi đó ở ngoài sân trường, bên dưới cột cờ, hai người y tá trên xe hồng thập tự bước xuống. Họ hấp tấp đi nhanh vào phòng y tế. Bên trong, có cậu học sinh VN mang băng trắng trên đầu với vết máu đỏ xẫm, được dìu ra xe để chở đến bệnh viện. Chắc hẳn là em bị thương trong cuộc ẩu đả?

Khi Hạnh bước vào phòng họp thì thấy ông Keith đang ngồi trên ghế, vẻ mặt cau có. Trước mặt ông là ba cậu học sinh VN. Tùng và Minh thuộc thành phần “nhất quý nhì ma thứ ba học trò”. Riêng Lữ, cậu bé hiền lành, được Hạnh cưng nhất lớp, nhưng nay lại vi phạm kỷ luật trầm trọng. Ông Keith nhăn nhó, thuật lại câu chuyện xảy ra và cố gắng nhắc lại từng chữ trong câu nói tiếng Việt mà bọn trẻ con chế nhạo Lữ.

- “Con.... thăng.... hai... tấc” có nghĩa là gì?

Ông Keith hỏi Hạnh như thế. Mặc dù, ông phát âm chậm chạp và không đúng giọng, nhưng bốn chữ “con thăng hai tấc” vẫn có sức tác dụng - giống như lưỡi dao - làm Hạnh

đau buốt trong tim. Hạnh nhớ đến cảnh rùng rợn trên đường vượt biển trước đây, người yêu của cô bị hải tặc Thái Lan đập bẻ sọ lúc chàng ngăn cản chúng bắt đưa em gái của Hạnh mang đi. Câu chuyện đau thương và kinh hoàng này làm Hạnh khôn đốn suốt mấy năm trời. Nhưng khi nhớ lại hình ảnh dũng cảm của người tình, Hạnh đã quyết tâm phần đầu với đời.

Ông Keith nhìn thấy mặt Hạnh buồn thảm, đứng im lặng như kẻ mất hồn. Thật ra, nếu không kiềm chế thì Hạnh đã ôm mặt khóc. Cô gắng sức, lấy lại bình tĩnh. Nhưng bầu không khí vẫn còn căng thẳng khi Hạnh đến gần ông Keith. Hai người đàm luận khá lâu rồi đồng ý, cần phải có biện pháp kỷ luật để ngăn chặn hành động vô ý thức của bọn trẻ con. Ông Keith giao trách nhiệm cho Hạnh và bước ra khỏi phòng.

Hạnh nhìn ba cậu học trò - nhất là Lữ. Trước đây cô nhìn nó 'bình thường', không hề thắc mắc. Nhưng nay, cặp mắt híp và nước da đen bóng của nó làm Hạnh liên tưởng đến dân thuyền chài Thái Lan. Hẳn là vì thế, nên mấy đứa trẻ tinh nghịch, trêu chọc em là "*con thằng hải tặc*"? Dù sao, ấn tượng trên đường vượt biển tiềm ẩn trong tâm trí, làm Hạnh cảm thấy "ghê sợ" cậu bé. Nhưng trong giây phút, cảm giác ấy tan biến. Hạnh nhận ra là mình vô lý. Đoạn cô đóng cửa phòng hóp và nghiêm nét mặt, chỉ tay vào góc tường:

- Tùng, Minh và Lữ đến đây, đứng quay mặt vào tường.

Không những là hình phạt, Hạnh còn có dụng ý, không cho các em nhìn thấy cô xúc động.

- Lữ, kể lại cho cô nghe tùng chi tiết đã xảy ra?

Khi Hạnh hỏi, ánh mắt Lữ lấm lét, cúi đầu xuống. Sau giây lát, cậu bé mới tỏ vẻ bực bội, quay lại nhìn Tùng và Minh đứng kế bên:

- Thằng Tùng... thằng Minh, ngày hôm trước theo em về tận nhà, trêu em là "*con thằng hải tặc*". Sáng nay, em đi đến đâu, cả bọn theo đến đó. Khi gặp con Lan và con Tuyết thì thằng Tùng la lớn:

"*Coi chừng.... Coi chừng con thằng hải tặc Thái Lan.... hãm hiếp....*"!

Chưa nói hết câu, Lữ tức giận đến độ phát khóc. Tùng đỏ mặt, đôi mắt liên thoảng, tổ cáo:

- Tại nó bịa chuyện, chế nhạo mẹ em “*lấy thằng cán ngố Việt Cộng*”. Nó đánh không lại em, bèn lấy đá liêng, trúng ngay thẳng Ân, làm nó chảy máu đầu, phải vào nhà thương.

Tuy là “chuyện trẻ con” nhưng Hạnh cảm thấy đau đớn trong lòng. Cô nghĩ đến hàng trăm ngàn gia đình tan nát sau ngày miền Nam sa vào thảm họa Việt Cộng. Hạnh ngậm ngùi nhớ đến thảm cảnh của gia đình cô và hàng triệu đồng bào trên hành trình vượt biển ty nạn. Hạnh nói lớn để lấn án nổi xúc cảm nhưng không thể nào tránh khỏi ghen ngào:

- Tùng, im.... lặng. Cô... hỏi ai thì người nấy mới được nói.

Ngay lúc ấy, cô Linda gõ cửa, bước vào phòng họp. Linda dự tính nhờ Hạnh thông dịch để ghi vào biên bản thì tiếng ông Keith vang lên trên hệ thống âm thanh. Tất cả mọi người trong phòng lắng nghe phần thông cáo của nhà trường. Tiếp theo là lễ chào Quốc Kỳ Mỹ mỗi buổi sáng cũng được cử hành.....

*

.....Khi cô Linda hoàn tất thủ tục, Hạnh dẫn Lữ, Tùng và Minh trở về lớp học Anh Ngữ do cô đảm trách. Gần 30 học sinh VN, nhiều em đang đi tới đi lui, nói chuyện ồn ào trong lớp. Thấy cô bước vào thì các em tự động trở về chỗ cũ. Vài em ở cuối lớp nhìn cô và thì thầm với nhau về chuyện ẩu đả xảy ra. Làm thủ tục điểm danh xong, Hạnh nhìn đồng hồ treo trên tường rồi lại nhìn Lữ.

Cô còn nhớ, nhiều lần đã trao đổi với Lữ chuyện trong xã hội Mỹ. Nhưng chưa bao giờ Lữ kể cho cô nghe, nỗi buồn của em, kể cả chuyện chứng kiến, bố mẹ gây gỗ với nhau. Lễ dễ hiểu là Hạnh không muốn tò mò đời tư của người khác. Nhưng sự việc vừa rồi xảy ra - liên quan đến trường học - làm Hạnh thắc mắc. Có đúng như lời tụi trẻ con chế nhạo không? Hạnh muốn tìm hiểu để an ủi người phụ nữ xấu số. Chắc hẳn, mẹ em là nạn nhân của hải tặc, rồi bị người chồng nhỏ mọn ruồng rẫy?

Hạnh không ngờ, nhiều lần bố mẹ Lữ vắng nhà cả tuần, đôi khi cả tháng. Cậu bé cảm thấy bị cha mẹ bỏ rơi. Khi em lang thang sang nhà Tùng hay nhà Ân ở kế bên thì nhiều người lớn tuổi ở đó, hỏi em hết chuyện này đến chuyện nọ. Họ đoán, gia đình em lúng củng, vì em là “con thằng hải tặc” hồi vượt biển ty nạn VC.

Biết đâu dư luận đã phản ảnh sự thật? Nếu không thì hẳn là việc ‘đòi đòi’ đột ngột trên xứ Mỹ này làm bà mẹ của Lữ thay lòng đổi dạ? Dù thế nào chẳng nữa, Lữ vẫn là nạn nhân. Nhiều lần em bỏ học, nhà trường đã gửi giấy cảnh cáo. Không may cho em, sáng nay bị bạn bè chế nhạo thì sa vào chuyện ầu đã.

Vào phòng học, Hạnh bắt Lữ, Tùng và Minh tiếp tục hình phạt. Cô còn cấm các em, từ nay trở đi, không được chế giễu nhau như vậy. Hạnh giảng giải tỉ mỉ cho các em hiểu rõ, chỉ có hải tặc Thái Lan can tội ác với người vượt biển. Còn trẻ thơ sinh ra do tai vạ cưỡng hiếp, hiển nhiên là vô tội. Tại sao lại có kẻ vô ý thức, lỗi tai vạ của người khác ra đàm tiếu, hay chế giễu?

Cô nhìn các nữ sinh trong lớp và kể lại những câu chuyện cụ thể, thường thấy trên đài truyền hình phỏng vấn các phụ nữ Mỹ. Họ là những nạn nhân trong các vụ cưỡng hiếp nên nhất quyết, tố cáo cho cảnh sát truy tầm thủ phạm. Nhiều phụ nữ Mỹ đã mạnh dạn xuất hiện trước công chúng. Họ ý thức rõ ràng, đó là tai vạ, nên chẳng có gì là hổ thẹn. Hạnh giảng cho các em biết, chỉ có những kẻ phạm pháp, hay vô luân mới là thành phần đáng khinh bỉ. Còn các nạn nhân, hiển nhiên đều là những kẻ đáng thương, cần được giúp đỡ.....

*

... Đến giờ tan trường, chuông reo, học sinh vừa bước bước ra khỏi lớp, vừa nói chuyện ồn ào. Còn Hạnh thì dùng điện thoại, báo cho văn phòng nhà trường biết: Cô sẽ đưa Lữ về nhà để trực tiếp thông báo cho cha mẹ của em về chuyện ầu đã sáng nay.

Đồng thời, Hạnh còn muốn tìm hiểu thực hư thế nào về chuyện “con thằng hải tặc”? Biết đâu, mẹ của Lữ lại là bạn

đồng cảnh - cùng đi chuyến tàu ty nạn, hay cùng sống với Hạnh trên đảo tạm trú? Nếu vậy, khi nhận ra nhau, hai người sẽ ôm chầm lấy nhau, nhìn nhau qua làn nước mắt rồi nhìn Lữ - “*con thằng hải tặc*” - mà trong lòng xót xa cho thân phận người phụ nữ VN: Họ là những nạn nhân, thoát khỏi thảm họa VC thì lại sa vào tay hải tặc Thái Lan.

Thêm lần nữa, tâm trí Hạnh lại xoay quanh câu chuyện đau thương - đã thật sự xảy ra trên đường vượt biển: Cô bạn xấu số của Hạnh, mang thai với “*thằng hải tặc*” khi bị nó cưỡng hiếp - trước mặt chồng và hai đứa con thơ. Sau đó hơn một năm, Hạnh lại chứng kiến: Nạn nhân vừa ôm ấp “*con thằng hải tặc*”, vừa lau nước mắt, bước theo người chồng - dẫn hai đứa con thơ - ra khỏi trại tạm trú. Hôm ấy, nhìn thảm cảnh, Hạnh thăm hỏi, họ đi Mỹ hay đi nước nào định cư? Dù sống ở đâu mà gia đình có “*con thằng hải tặc*” thì làm sao hai vợ chồng quên được chuyện cũ - đau thương, kinh hoàng và nhục nhã - trên hành trình ty nạn.

Có người cho rằng, hai vợ chồng là người Công Giáo ngoan đạo, nên họ không chấp nhận phá thai - mặc dù Ban Y Tế ở trại tạm trú, sẵn sàng giúp họ? Dù đúng hay sai, Hạnh vẫn cảm phục cả hai. Người chồng thì hào phóng. Người vợ thì xử trí theo đúng lẽ công bằng và lòng nhân ái: “*Con thằng hải tặc*” thì can tội gì mà giết hại, hay hắt hủi nó?

*

... Nhớ lại chuyện cũ, Hạnh càng cảm thấy thương tâm. Cả mấy phút sau, cô mới lấy lại bình tĩnh, đưa tay lên lau nước mắt, rồi gọi Lữ đến gần:

- Mấy giờ thì bố mẹ em đi làm về? Hồi nãy cô điện thoại hai ba lần không có ai ở nhà.

- Em không nhớ rõ. Có khi đêm tối; có khi thì không về; đôi khi em về nhà chừng mười phút thì mẹ em về.

Hạnh thân mật đi bên cạnh Lữ ra chỗ đậu xe. Không lâu sau, chiếc xe của Hạnh từ từ chuyển bánh ra khỏi khu trường học Quimby, hướng về phía nhà Lữ. Giây phút đầu lên xe, Lữ còn e dè. Nhưng sau khi Hạnh ân cần thăm hỏi thì dáng điệu của cậu bé mới tự nhiên. Hạnh muốn hỏi Lữ nhiều chuyện trong gia đình. Nhưng cậu bé mệt mỏi, thỉnh thoảng

lại ho, nên trả lời Hạnh qua loa. Khoảng mười phút thì Lữ ngủ gục trên ghế.

“Chắc là cha mẹ Lữ lúng củng, vắng nhà, nên không có ai chăm sóc nó. Đêm nó thức khuya xem TV? Có lẽ, trời mùa đông lạnh buốt, nên Lữ bị cảm hàn?”

Hạnh thầm hỏi như thế rồi cảm thấy tội nghiệp cho cậu bé. Cô vội vàng ngưng xe ở bên lề đường. Vì muốn Lữ nằm ngủ thoải mái, nên cô ngả chiếc ghế của nó đang ngồi về phía sau chiếc xe.

Làm xong, Hạnh tiếp tục cho xe chạy. Khi băng qua đường White, Hạnh mở ra-di-o để nghe nhạc. Nhưng không ngờ, đúng lúc đài phát thanh loan tin về đời sống của thuyền nhân tỵ nạn tại California. Đối với kẻ bàng quan, khi nghe tin ấy thì chẳng có gì để bận tâm. Nhưng đối với Hạnh, chuyện ‘thuyền nhân tỵ nạn’ lại là biểu tượng cho thảm họa của dân tộc VN.

Quả thật là như vậy. Sau năm 1975, dân chúng VN đã bị VC dồn vào ngõ bí - đói khổ và bị áp bức - nên phải liều mạng bỏ quê hương đi vượt biển. Không những thế, hàng trăm ngàn lương dân còn bị công an VC lừa gạt. Chúng đã tổ chức vượt biển để lấy vàng xong đánh đắm tàu của nạn nhân ở ngoài khơi. Thế nhưng dân chúng vẫn bất chấp hiểm nguy, nếu có phương tiện thì từ Nam ra Bắc, hầu như ai cũng muốn liều mình vượt biển, vượt biển. Vì Tự Do, vì Kinh Tế, hay vì lý do nào chẳng nữa, đó vẫn là chúng có cụ thể cho thấy, đại khối dân chúng muốn phỉ nhổ vào chế độ gian manh VC. Vậy mà bọn VC và đồng lõa, vẫn trâng tráo, cho rằng *“miền Nam được giải phóng năm 1975”*.

Sau khi vượt biển tỵ nạn, nhiều người như Hạnh đã may mắn được vào Mỹ để ‘làm lại cuộc đời’. Hạnh nhận thấy, dân Mỹ được hưởng Tự Do và có đời sống vật chất cao. Tuy nhiên, xã hội vẫn còn nhiều tệ trạng. Thực phẩm thừa thãi, nhưng lại vẫn còn nhiều kẻ quá tham lam, gian lận từng ly từng tí để làm giàu - kể cả giới ‘khoa bảng’. Điển hình là khá đông bác sĩ - gốc là người Việt - ở California, gian lận tiền Medi-Cal. Mặc dù kỹ thuật tiên tiến, nhưng xã hội Mỹ ít quan tâm đến đạo lý. Vì vậy, những chuyện giết người, trộm

cấp, bạo hành, ma túy, tà dâm... và cưỡng hiếp, thường xuyên xảy ra. Tệ trạng đồng tình luyến ái và tình dục bừa bãi, hiển nhiên là nguyên nhân chính làm bệnh AIDS lan tràn. Như vậy, Hạnh kết luận, song song với khoa học tiến triển, rõ ràng là đạo lý cần được phát huy thì xã hội mới ổn định.

Ý tưởng này làm Hạnh nhớ đến thời quân chủ cực thịnh ở VN đời nhà Lý khi xưa. Vua thương dân như ‘thương con’. Tất cả mọi việc của triều đình đều dựa trên nhân bản. Pháp luật cũng lấy chữ NHÂN làm gốc. Học đường thì giảng dạy đạo lý để diu dắt con người hướng đến «chân, thiện, mỹ». Do đó, từ Nam ra Bắc, hầu hết tất cả mọi người đều cư xử chân thành với nhau, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau như anh em một nhà. Mức độ phạm pháp rất thấp - kể như không có...

*

... Trong lúc lái xe, Hạnh dùng mấy con đường quen thuộc làm chuẩn, tìm thấy nhà Lữ dễ dàng. Sau khi đậu xe bên lề đường, cô vỗ vai cậu bé:

- Dậy! tỉnh dậy Lữ.

Hạnh gọi hai ba lần thì Lữ mới ngồi dậy. Cô gượng cười, chỉ tay vào căn nhà màu xanh hỏi nó:

- Nhà em ở đây phải không? Cô theo đúng địa chỉ em cho đây.

Lữ gật đầu. Cậu bé có ảo giác “vừa mới thiếp ngủ trên xe” thì đã về đến nhà. Nó còn ngạc nhiên khi Hạnh đưa cho nó chiếc ‘hamburger’ còn nóng hổi - Hạnh đã mua bên lề đường, lúc Lữ đang ngủ say sưa. Lữ không kịp nói “cảm ơn” mà vội vàng chộp lấy, ăn ngấu nghiến. Hạnh nhìn cử chỉ của cậu bé và càng nghi ngờ, nó bị bỏ đói? Lương tri thúc đẩy Hạnh mạnh bạo hơn, nhất quyết phải tìm ra lẽ, thực hư thế nào?

Khi Lữ vừa ăn xong, Hạnh bảo nó:

- Em vào nhà trước, xem bố mẹ về chưa? Em báo cho bố mẹ biết trước, có cô đến thăm gia đình em. Cô chờ ở ngoài xe.

Lữ xuống xe, lấy chìa khóa đem theo mở cửa. Vào nhà, nó vội vàng đi từ phòng này đến phòng khác, rồi ra ngoài, nói với Hạnh:

- Bố mẹ em chưa về cô ạ.

Ngồi trong xe, Hạnh ngược mắt lên nhìn nó:

- Cô vào nhà, đợi bố mẹ em, được chứ?

- Dạ, cô vào đi, có một mình em à.

Lữ cười để khỏi ngượng khi bị cô giáo đăm đăm nhìn để dò xét. Cậu bé dẫn Hạnh vào nhà, ngồi đợi ở phòng khách. Còn Lữ thì vào phòng trong, mở TV xem. Một lúc lâu, Hạnh nói lớn:

- Lữ, ra đây cô bảo.

Hạnh nói lần thứ nhì thì Lữ mới nghe thấy. Nó vặn nhỏ TV và háp tấp bước ra:

- Dạ, cô hỏi gì em?

Hạnh mỉm cười:

- Xem TV hở?

Lữ gật đầu, rồi hỏi lại:

- Cô muốn xem với em không?

Hạnh theo cậu bé vào phòng trong. Cô đóng vai “thám tử”, chăm chú quan sát căn phòng. Bên cạnh chiếc ghế dài để ngồi xem TV, là chiếc máy co-py. Phía bên phải là chiếc bàn gỗ màu nâu, trên có máy FAX và giấy tờ vứt bừa bãi. Bên dưới, nào là tranh sơn mài, nào là băng video và sách vở, từng chồng nằm ngổn ngang như cảnh ‘mới dọn nhà’. Hạnh hỏi Lữ:

- Em có nước ngọt, hay nước lạnh cho cô một ly?

Cậu bé vô tư, cầm chiếc ly thủy tinh, bước đến chỗ rửa chén, vặn máy nước cho đầy ly rồi đưa cho Hạnh. Cô giáo gượng cười, hỏi cậu học trò:

- Em có có đá lạnh không?

Hạnh theo Lữ đến đứng trước chiếc tủ lạnh, nhìn cậu bé mở ra: Bên trong, gần như trống rỗng, ngoại trừ nửa gói bánh mì và mấy miếng pho-mát đã mốc. Chờ Lữ lấy đá lạnh xong, Hạnh hỏi cậu bé:

- Bánh mì này, mua lâu chưa?

- Lâu rồi cô ạ, trước khi bố mẹ em vắng nhà.

Hạnh lấy ra xem: Bánh mì đã quá hạn cả tháng, nên bị hư, nhiều nơi có lốm đốm xanh. Cô cầm ly nước trên tay và dồn dập hỏi Lữ nhiều chi tiết khác. Cậu bé cũng cho Hạnh biết là mẹ em đi chơi xa, buổi chiều hôm qua về nhà thì lại có người Mỹ đến đón, có lẽ chiều nay mới về. Hạnh suy nghĩ, rồi bảo cậu bé:

- Cho cô mượn điện thoại. Trong khi chờ đợi cô nói chuyện với người khác, em tắt TV, lấy giấy bút ra phòng ngoài ‘làm bài tập’. Cô sẽ hướng dẫn cho em làm.

Được cô giáo săn sóc, Lữ vui mừng. Nó hăm hờ lấy giấy bút ra, làm theo lời Hạnh giảng giải...

*

... Lúc cậu bé đang thân mật, kể với Hạnh về cuộc đời phiêu dạt kèm theo nỗi khổ đau của nó thì có tiếng xe ở trước cửa nhà. Lữ đoán:

- Chắc là mẹ em?

Lữ nhanh nhẹn đứng lên, nhìn ra ngoài cửa sổ. Nó thấy bên trong chiếc xe Mercedes màu đen, mẹ nó và người đàn ông người Mỹ đang ôm nhau trước khi tạm biệt. Rồi Lữ thân nhiên nhìn những cử chỉ xàm xỡ của hai người. Tuổi con thơ, làm sao em hiểu được, khi mẹ nó mở cửa xe bước ra thì gã ngồi trong còn nhìn theo với ánh mắt thèm muốn tình dục. Vì hồi này - lúc nằm bên cạnh hắn ta ở trong phòng ngủ - mẹ nó chợt nhớ đến giờ hẹn điện thoại, từ VN gọi sang, nên hấp tấp về nhà. Mặc chiếc áo ngủ màu hồng, nhìn bên trong rõ như nhìn qua giấy ny-lông mà mẹ nó vẫn xem như còn ở trong phòng. Chị ta thân nhiên bước về phía cửa nhà. Chiếc xe Mercedes chuyển bánh thì chị ta lảm bảm:

- Thằng mắc dịch, cả đêm hôm qua chưa đủ mà lại còn giữ người ta ở lại, bây giờ mới chịu chở về!

Nhìn thấy mẹ, Lữ không mừng tí nào. Nó làm như cái máy, bước tới mở cửa. Vừa thấy nó, chị ta hỏi:

- Mày đi học về hồi mấy giờ? Có ai từ VN gọi điện thoại cho tao không?

- Hôm nay con về nhà sớm với cô Hạnh, khoảng 3 giờ, không thấy có ai gọi điện thoại.

Trong phòng khách, Hạnh đứng dậy, chào chủ nhà và tự giới thiệu:

- Tôi là Hạnh, dậy cháu ở trường Quimby. Chiều nay tôi chờ cháu về để gặp chị.

Trong khi chị chủ nhà không ngờ là nhà có khách thì Hạnh mở tròn đôi mắt: Ánh sáng từ ngoài cửa chiếu qua chiếc áo ngủ mỏng làm Hạnh nhìn thấy nguyên thân hình lồ lộ của người đối diện. Nhiều người vội kết luận, tại anh chồng nhỏ nhen và chị vợ mang mặc cảm - về tai vạ trên đường vượt biển - nên gia đình lung củng. Hệ quả là chị ta sống bừa bãi.

- Dạ, chào chị... chào cô giáo ạ.

Không cần chị ta giới thiệu. Lúc Hạnh xem hồ sơ của Lữ ở trường học đã biết tên chị ta là Hồng, hơn Hạnh cả mười tuổi. Thế mà Hồng vẫn ngon ngọt xưng “em” với Hạnh. Chị ta kể lể, làm như đã quen biết từ lâu:

- Em mới về thăm VN với ông xã. Thăng cha ấy còn ở lại bên đó. Lần này trở lại San Jose, ra tòa án, em sẽ đẩy hắn đi luôn cho xong chuyện.

Dứt lời, Hồng kéo Hạnh vào phòng trong. Bước tới chiếc ghế dài, Hồng ngồi thụp xuống, ưỡn người ra, trông giống hệt gái giang hồ trong quán rượu. Chị ta toe toét cười mời Hạnh ngồi ở ghế kế bên rồi liếng thoắng hỏi:

- Chị sang đây lâu chưa? Chị còn nhiều thân nhân ở VN không? Em có cuốn video mới thu khi về VN... thử chiếu lại chị xem.

Vừa dứt lời, Hồng mở băng video và gọi:

- Lữ, ra đây tao biểu mày.

Cậu bé lấm lét bước ra.

- Mày đi đun nước, pha cho tao bình trà, rồi dẹp gọn đồ đạc trong phòng này lại. Lẹ lên!

Lữ “dạ”, rồi làm theo lời Hồng. Trong khi Hạnh đang lựa lời, kể lại chuyện xảy ra ở trường học thì Hồng vắn nhỏ âm thanh của cuốn băng video, rồi gạ gẫm:

- Thân nhân mình ở VN bây giờ cực khổ lắm chị ạ, nếu không được giúp đỡ thì bê bết lắm. Chị có muốn gởi tiền, chuyển vàng về VN không? Em sẽ trao tận tay cho thân nhân

của chị. Chỗ chị em mình, em tính giá đặc biệt, rẻ hơn người khác.

Sau đó, Hồng thao thao bất tuyệt về chuyện làm giàu. Chị ta cũng khoe tài “xoay xở”, kể cả việc đi ăn “dinner” - mà Hạnh hiểu là “ăn đêm” theo nghĩa bóng - với những người giàu có, để vay tiền, hùn vốn kinh doanh.

Từ ngôn ngữ đến việc làm, Hồng làm Hạnh thất vọng. Cô miễn cưỡng, phải kể lại chuyện xảy ra ở trường học và đồng thời ngồi nghe Hồng thuật lại cuộc sống từ khi có Lữ xuất hiện.

Bỗng nhiên có tiếng gõ cửa. Hồng đứng dậy, bước ra phòng ngoài. Chị ta nhìn thấy hai người cảnh sát đứng chờ ở trước cửa nhà. Hồng thắc mắc, “cảnh sát đến?” và có ý nhột dạ. Chị ta e ngại, có điều gì sơ hở, trái luật pháp? Dù e dè, Hồng vẫn phải mở cửa.

- Chúng tôi tên là Bob... và Tom... cảnh sát thành phố San Jose. Chị có phải là ‘Nguyen Thi Hong’, mẹ của ‘Dang Van Lu’ không?

Phía cảnh sát hỏi Hồng bằng tiếng Mỹ, đạ cương như thế. Hồng đáp ứng, trả lời:

- Dạ... thưa phải. Có chuyện gì... cháu nó... ầu đả ở trường học sáng nay hở?

- Không, chị bị bắt về tội...

Vừa nói, Bob vừa còng tay Hồng lại. Mặt Hồng tái mét, hai bàn tay run lẩy bẩy. Hạnh bước đến, tự giới thiệu mình với cảnh sát. Lữ thì ngạc nhiên nhìn mẹ nó bị còng tay rồi nhìn theo Tom. Sau khi xin phép chủ nhà, anh bước vào phòng ăn, mở tủ lạnh ra, lập biên bản.

- ... Chị bị bắt về tội bạo hành và bạc đãi trẻ thơ.

Bob vừa dứt lời, Hạnh thản nhiên cầm mấy tờ giấy ở trên bàn - ngay bên cạnh Hồng - đưa cho anh ta. Đó là những trang “hồi ký” do chính tay Lữ vừa viết, thuật lại thảm cảnh từ khi vợ chồng Hồng, nhận làm cha mẹ đỡ đầu cho em. Nhiều lần em bị bỏ đói. Nhiều lần em đau bụng, đi tiêu chảy, chỉ vì dùng thực phẩm quá hạn - đã hư, hay bị mốc. Không những thế, Hồng còn chửi mắng, đánh đập và bắt em làm hết việc này đến việc khác.

Khi biết Hạnh hướng dẫn Lữ viết “hồi ký” tố cáo mình thì Hồng nhìn Hạnh, mím môi cắn giận. Thế nhưng Hạnh vẫn điềm đạm, giải thích cho Hồng biết:

- Theo luật pháp ở California, bất cứ ai trông thấy trẻ em bị bạc đãi đều phải báo cáo cho cảnh sát can thiệp. Tôi là chứng nhân, dù muốn dù không, cũng phải tuân theo luật lệ.

Hồng cúi mặt xuống sàn nhà. Hạnh chỉ vào chiếc áo ngủ, nhắc Hồng:

- Chị có muốn xin cảnh sát vào phòng thay quần áo không?

Hồng chưa trả lời thì Bob đoán được ý của Hạnh. Anh nhanh tay, mở còng cho Hồng, rồi bước theo y thị đến phòng ngủ, nhưng đứng ở ngoài cửa.

Hạnh cảm thấy ghê tởm Hồng. Nên cô mong muốn, làm xong bốn phận càng sớm càng hay để ra khỏi căn nhà. Sau khi tìm hiểu, Hạnh biết rõ, Hồng cũng trải qua hành trình thâm trọng cuộc vượt biển. Nhưng sau khi ở Mỹ được mấy năm thì chị ta dờ trò lưu manh, muốn sống phè phỡn trên nước mắt của trẻ thơ - “*con thẳng hái tặc*”!. Vì vậy, Hồng đóng vai “nhân từ”, với danh nghĩa là người mẹ đỡ đầu, để lãnh tiền xã hội và trông coi Lữ. Dã tâm của chị ta là lợi dụng nó để sai khiến như đứa đầy tớ trong nhà. Thảo nào mà Hồng thông đồng buôn bán, làm tay sai kinh tài cho băng đảng Việt Cộng - đang nắm quyền cai trị ở VN! Cổ nhân nói không sai, ‘ngưu tầm ngưu mã tầm mã’ là như vậy.

Trước khi dẫn Hồng ra xe, Bob không quên gọi điện thoại, báo cho Sở Xã Hội - thuộc quận hạt Santa Clara - làm thủ tục, lo chỗ ở tạm thời cho Lữ. Còn Hạnh, sau khi làm xong bốn phận thì ao ước, Lữ sẽ gặp được người đỡ đầu khác - có lòng nhân từ thật sự - đứng ra chăm sóc và dìu dắt em nên người, học hành thành đạt, sống cuộc đời hạnh phúc trong xã hội NHÂN BẢN mai sau.

Đỗ Quốc Anh-Thư

Đen tối

MX / Mai Văn Tấn



Ngồi nhớ lại những gian khổ chính bản thân và gia đình của từng cá nhân chịu đựng nói riêng, và tập thể quân cán chính của QLVNCH nói chung, đã ăn sâu vào tâm khảm như một vết hằn không bao giờ phai nhạt. CSVN đã tạo nên cảnh ly tán, gây đau khổ toàn dân cả nước và trả thù tàn bạo tập thể quân cán chính miền nam VN. Trong khúc quanh tâm tởi của lịch sử, đến ngày hôm nay đã gần 35 năm, hơn 82 triệu đồng bào vẫn còn đau khổ và không biết đau khổ đến bao giờ. Nhưng may mắn chúng ta được vòng tay mở rộng của nhân dân thế giới, đã được đến bến bờ tự do, sống thanh thản tuổi về chiều. Con cái sau thời gian âm thầm chịu đựng trong các khuôn viên đại học, đã thành công trong xã hội mới và có được mức sống đầy đủ cũng như trình độ kiến thức khả quan. Mặc dầu đời sống an nhàn, nhưng ta chưa bao giờ quên những lúc tối tăm cũng như đồng bào còn cơ cực ở quê nhà. Bốn chữ “Tập trung cải tạo” của CSVN, một bản án tù không có ngày ra đã làm mọi người dân sợ hãi, mà ngay cả cán bộ của CS cũng phải e ngại như Vũ Thư Hiên trong “Đêm giữa ban ngày”. CS đã tàn bạo quá mức tương tượng của mọi người, thành thử người chưa đi tù cải tạo thường không tin những gì người khác kể. Những cảnh đày đọa tàn bạo của CSVN qua các trại tù cải tạo sau đây tiêu biểu cho hàng trăm trại cải tạo tất cả Quân Cán Chính VNCH đã gánh chịu. Trước năm 1975 chúng ta từng đọc Trại Đầm Đùn của Trần Văn Thái, chúng ta đã một chút gì hơi nghi ngờ về sự thật nhất là những độc giả miền Nam.

Nhưng sau 1975, khi đã nếm mùi cải tạo của CS, đó là sự thật 100% đã được chứng minh sự bạo tàn của CS không thể tưởng được. Tuy nhiên, trong trại tù cũng như một xã hội thu hẹp. Có những người sống liêm sỉ, tự trọng thì cũng có người sống hèn hạ, cố gắng lập công hại anh em hầu được về sớm theo lời láo khoét của CS. Lịch sử chứng minh đời nhà Trần có những anh hùng như Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng... thì cũng có Trần Ích Tắc. Nhà Lê những nhà vua lo cho dân cho nước thì có Lê Chiêu Thống công rắn cắn gà nhà. Nhưng tôi không kể những người kém liêm sỉ trong trại tù mặc dầu tôi nhớ rõ. Thứ nhất họ dẫu sao cũng suy nghĩ hành động sai lầm sau khi ra tù. Thứ hai con cháu họ không tội tình gì để nghe những lời khó nghe và bị mặc cảm những hành động không phải chính mình làm. Vì thế tôi chỉ thuật lại những điều không chạm đến ai, hầu con cháu có dịp đọc những chuyện trong tù không có một mặc cảm nào.

Sau ngày 30/4/75 CSVN đã cưỡng chiếm miền Nam, lập nên cái gọi là Ủy ban Quân quản để nắm vững và quản trị tình hình trước tiên. Chúng tôi đã trải qua những ngày hoang mang và đầy lo lắng, để cuối cùng bước vào những nhà tù của VC như hàng trăm ngàn sĩ quan, viên chức của chế độ cũ. Bắt đầu những ngày lưu đày từ nam ra bắc. Đó là ngày 24/6/1975 tôi “trình diện” ở trường Tiểu học Hoàng Thụy Năm, trên đường Phạm Việt Chánh, bên hông bệnh viện Từ Dũ. Người bạn cùng Binh chủng mà tôi gặp đầu tiên là Đ/U Phan Văn Trung ở phòng Hành chánh Tài chánh thuộc Bộ tư lệnh SĐ/TQLC. Hành trang mang theo cũng thật gọn nhẹ, vì ra rã những ngày này chỉ nghe cái gọi là “ủy ban quân quản thành phố” do tên tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch, loan báo trên báo chí và phát thanh: “Mang theo quần áo và lương thực đủ dùng trong mười ngày”. Đó là cái bẫy sập thứ nhất.

QUA CÁC TRẠI GIAM Ở MIỀN NAM:

Vào lúc nửa đêm, tôi đang thiu thiu ngủ thì có lệnh tập hợp “hành quân”. Tất cả mọi người có mặt ở sân trường. Vì là quân nhân cho nên chúng tôi nhập vào đội hình rất nhanh

chóng. Từng toán 30 người leo lên những chiếc xe motolova phủ bạt kín bung, phía sau có hai tên vệ binh cầm AK47 ngồi hai bên. Những người ngồi gần những lỗ thủng có thể quan sát được bên ngoài. Chúng tôi đâu có xa lạ gì những con đường mà chúng tôi đã đi qua, nhưng chúng vẫn áp dụng chiến thuật “dấu đầu lòi đuôi”, cứ cho đoàn xe chạy lòng vòng, quanh co, qua lại, từ nửa đêm đến 6 giờ sáng thì đoàn xe dừng lại ở một nơi mà đối với tôi rất là quen thuộc: **Trại giam tù binh phiến cộng ở Tân Hiệp, Biên Hòa**. Trại này còn có tên là Trại Suối Máu. Tôi còn nhớ ngày 21/4/1975 một Lữ đoàn thứ hai được lệnh tăng cường cho Quân đoàn 3. Đó là Lữ đoàn 258/TQLC gồm các TĐ2 (Th/tá Trần Văn Hợp) + TĐ4 (Th/tá Trần Ngọc Toàn) + TĐ6 (Tr/tá Lê Bá Bình). Lữ đoàn trưởng là Đ/tá Nguyễn Năng Bảo, Tr/tá Huỳnh Văn Lượm là Lữ đoàn phó kiêm Tham mưu trưởng và tôi là Trưởng ban 3. Bộ chỉ huy LĐ đặt ngay đây, trong cái khuôn viên của trại tù này. Gần hai tháng sau tôi trở lại đây với một tư thế hoàn toàn khác hẳn. Tôi không biết mình bây giờ được gọi với một danh xưng nào: tù binh, hàng binh chắc chắn là không phải rồi... Những tiếng như là tập trung học tập cải tạo, cải tạo viên... vẫn còn xa lạ quá.

Trước mắt là bọn chúng chia từng đội 30 người được lệnh vào những nhà tôn, vách bằng tôn, hai cửa ra vào ở hai đầu cũng bằng tôn, hai bên có đắp hai cái bệ cao chừng 3 phân để làm chỗ ngủ. Những quân trang, quân dụng rải rác đó đây rất nhiều. Chúng tôi được lệnh gom lại hết, chắt thành đồng trước nhà. Nhiều anh đã lấy những quần áo cũ còn sạch sẽ, những cái ba lô, những bi đồng nước giữ lại còn súng đạn thì đem giao nộp hết. Chúng tôi tiếp tục dọn dẹp bên ngoài lán trại, sát đến những hàng rào kẽm gai. Đã có một tai nạn xảy ra cho một anh bạn tên Hiền, người Huế. Một trái lựu đạn gài đã phát nổ gây cho một số bị thương nhẹ chỉ có anh Hiền là trầm trọng và phải cưa một chân phải. Chúng tôi cũng được tổ chức những toán “anh nuôi”, có nhiệm vụ lo bữa ăn cho toàn trại. Cơ ngơi thì đã có sẵn những bếp lò và những chảo gang lớn mà trước đây dùng để nấu cơm và thức ăn cho đám tù binh VC. Bây giờ chúng tôi lại được thừa hưởng cái di sản

đó một cách đấng cay. Hằng ngày mỗi đội cắt cử một tổ 5 người lo nấu cơm, thức ăn và nấu nước sôi để phát cho anh em. Một cái giếng nước dùng cho ăn uống và tắm giặt cho cả trại.

Những tuần lễ đầu nhà bếp lấy gạo từ nhà kho của TĐ5 Quân cảnh (đơn vị quản lý trại giam trước đây), nhưng thời gian sau đó nhận gạo từ những mật khu của chúng chở về. Đó là loại gạo mốc, cũ và có nhiều đá sỏi lẫn lộn. Nhà bếp không đủ dụng cụ để loại ra hết những tạp chất, cho nên nhiều khi phải nhắm mắt mà ăn chén cơm có mùi hôi, mốc và cát sỏi... Cũng may hằng tháng chúng cho gọi mua một số nhu yếu phẩm từ bên ngoài.



Hằng ngày có hai buổi lên lớp để học tập chính trị với những bài về: chính sách và đường lối mới, về những tội ác trước đây... Thường thì buổi sáng lên lớp, buổi chiều thì chia ra tổ thảo luận. Những tay chính trị viên nói như con vẹt, còn mình thì cũng tập làm con vẹt để nói, nhưng còn gượng gạo và khó khăn lắm. Tôi nhớ trong một câu chuyện của MX Huỳnh văn Phú có kể lại một lời nhận xét của MX Huỳnh văn Lượm nói với anh như sau:

- *“Hình như thằng VC nào cũng có gắn một cục pin ở dưới đít mày ạ. Cứ vặn về “on” là nói, vặn về “off” là ngưng. Tao nghĩ nó nói mà không bao giờ hiểu được những điều nó đang nói!”*

Còn ngòi thảo luận cũng là một cực hình. Đâu có người nào thích mang bà con, anh em và ngay bản thân mình ra để “măng nh��c, chửi rủa” đâu. Nhất là cái lý tưởng phục vụ và cái lập trường chống Cộng của người miền Nam. Bây giờ phải làm ngược lại tất cả. Phải kết án mình. Phải phủ nhận cái chính nghĩa mà mình đã đổ bao nhiêu mồ hôi và xương máu. Phải ca tụng kẻ thù chẳng có gì đáng để ca tụng, một kẻ không ra gì mà trở thành người chiến thắng như ông Thượng nghị sĩ Mac Cain đã nói. Một chủ nghĩa ngoại lai cần phải bị triệt tiêu. Thế mà... Đau lòng thật!

Thế Chiến quốc... thế Xuân thu
Gặp thời thế... thế thời phải thế!

Còn người Mỹ thì sao? Dĩ nhiên, người Mỹ không phải là những người bạn tốt vì họ đã bỏ miền Nam mà tháo chạy, nhưng ít ra hơn 58 ngàn binh sĩ của họ đã hy sinh trên chiến trường VN và hơn 100 ngàn thương binh còn đó. Nhưng chắc chắn người Mỹ không phải là “đế quốc Mỹ” với chính sách thực dân mới như bọn chúng đã nói vì người Mỹ đã có một thuộc địa nào trên thế giới đâu?... Còn chính quyền và quân đội miền Nam cũng không phải là công cụ hay là lính đánh thuê cho Mỹ. Những người lính VNCH chiến đấu cho sự sống còn của miền Nam chứ không phục vụ cho quyền lợi Mỹ. Những người lãnh đạo miền Nam trong giai đoạn đầu không có thực tài và thực tâm, không đủ bản lĩnh và tự tin nên không gây được niềm tin trong lòng dân chúng. Nhưng đó là những điểm sai sót của một nền dân chủ lúc ban đầu và đó cũng là những ngõ ngách để VC cho cán bộ của chúng xâm nhập vào lũng đoạn và phá hoại.

Nhưng tình cảm miền Nam vẫn đầy ắp trong trái tim của mọi người. Bây giờ chúng đã chiếm được miền Nam nhưng chúng vẫn không chiếm được trái tim của miền Nam. Chúng tự cho mình là những người đi làm cách mạng, còn những người ở miền Nam là nguy quân, nguy quyền. Chúng kiêu ngạo một cách lộ bịch khi cho mình là những “đỉnh cao của trí tuệ loài người”. Xã hội của bọn chúng là một xã hội “ưu việt”. Tên tướng Văn Tiến Dũng đã ca tụng “đại thắng mùa xuân” là một cuộc chiến thần kỳ... Thôi thì chúng muốn tô

son trét phần cái gì mà không được. Khoảng tháng 8/1975 một số anh em được chuyển trại về **Trung tâm an dưỡng Biên Hòa**. Sau Hiệp định ngưng chiến da beo 27/1/1973, những quân cán chính của miền Nam bị VC bắt và trao trả tại Lộc Ninh hay Thạch Hãn được đưa về Trung tâm này để bồi bổ lại sức khỏe và cũng cố lại tinh thần chống cộng và lập trường Quốc gia. Sau đó những ai muốn trở về nhiệm sở cũ hay có thể xin giải ngũ. Khu vực này khá rộng và số tù về đây cũng khá đông. Anh em chúng tôi được chia làm 2 khu, mỗi khu là một “trung đoàn”, ngăn cách nhau bởi một hàng rào kẽm gai. Cũng chia từng đội 30 người. Mỗi nhà có 4 đội. Đã có phân chia ra làm 2 khối. Khối A đa số là sĩ quan Quân đội và khối B đa số là sĩ quan Cảnh sát. Ban ngày thì học tập chính trị, thảo luận. Nhưng đêm đến thì tại hàng rào kẽm gai ngăn cách trở thành “khu chợ trời” để cho đám bộ đội và phe ta buôn bán, đổi chác. Bọn chúng rất thích những cái đồng hồ, bút máy và những bộ quần áo civil vải tốt, còn phe ta thì muốn có tiền để gởi mua những thức ăn, thuốc lá cùng những món lặt vặt. Không biết có sự rắc rối nào giữa hai bên hoặc đám chỉ huy của bọn chúng muốn dẹp cái chợ trời này mà vào đêm 31/8/1975, một trái lựu đạn M26 từ phía VC ném qua làm cho một số bị chết và nhiều người bị thương trong đó có nhạc sĩ Minh kỳ, bác sĩ Khá và người bạn cùng khóa của tôi là Đ/U Nguyễn Tứ Đức, cùng nhiều người nữa mà tôi không biết hết...

Tiếng nổ làm anh em trong nhà 21, 22, 23, vội chạy qua bên khối B. Tôi cùng một số anh em còn lại phụ khiêng những người chết và những người bị thương đến khu bộ đội VC và để bên ngoài sân. Nhưng thái độ của bọn chúng chẳng có sự quan tâm. Chúng tôi đề nghị băng bó và tản thương về bệnh viện Biên hòa để chữa trị. Nhưng bọn chúng cứ để mặc. Có những người bị thương rất trầm trọng. Lát sau tên y sĩ của trại đến. Bác sĩ Khá bị một miếng mảnh vào phổi, hơi thở khò khè, hấn bèn dùng một con dao như cái đục của thợ mộc để cắt cuống họng để cho anh thở. Lần đầu tiên tôi được chứng kiến cái lối chữa trị kỳ cục và dã man này. Máu từ cuống họng trào ra, chảy tràn trên mặt đất và anh Khá đã

chết sau đó. Nhạc sĩ Minh Kỳ cũng bị thương nặng, chúng bảo mang vào phòng nhưng không biết chữa trị như thế nào mà vào khoảng 2 giờ sau thì anh chết. Thăng bạn cùng khóa Nguyễn Tứ Đức bị nhiều mảnh vào bụng dưới, chúng đặt anh vào một cái bàn cho buông mùng xuống nói là để giải phẫu tại chỗ. Nhưng anh đã chết vào hai ngày sau đó. Tội nghiệp cho Đức. Có vài lần nó tâm sự cùng tôi về hoàn cảnh gia đình và người vợ mới sanh. Nó nói: Tao chỉ còn ít tiền để lại cho vợ con sống tạm qua ngày chờ tao về. Nhưng nó chẳng bao giờ về nữa. Điều bất nhân là bọn VC không bao giờ báo tin cho gia đình những người đã chết, thành thử mỗi ba tháng gia đình người quá cố vẫn gửi quà đến.

Thời gian 10 ngày đã đi qua từ lâu. Nhiều anh em rất hoang mang lo lắng không biết đến bao giờ thì được về. Những tên cán bộ chính trị thì cứ một giọng điệu: Các anh cần phải học tập cải tạo lâu dài để trở thành công dân của nước CHXHCN Việt Nam. Khi nào các anh học tập tốt, lao động tốt thì được đảng và nhà nước xét cho trở về đoàn tụ với gia đình. Nhưng tiêu chuẩn nào để được xác nhận là học tập tốt, lao động tốt thì chúng nó chỉ âm ờ, không trả lời được. Một anh bạn người bắc tên là Phan Trần Mỹ lặp lại câu nói trước đây của ông Thiệu là đừng nghe những gì CS nói mà hãy nhìn những gì CS làm. Đừng bao giờ trông mong ngày về trong một thời gian rất gần mà hãy giữ gìn sức khỏe và khẳng định thời gian ở tù lâu dài.

Ý kiến này đã bị nhiều anh em phản đối, nhưng càng về sau càng thấy thấm thía. Tôi cũng đã chọn cho mình một thái độ dứt khoát là **không bao giờ chấp nhận sống chung với VC**. Tôi đã bàn với người bạn cùng đội là Đ/U Huỳnh Trung Hiếu sẽ tìm cách vượt trại. Nhưng chưa kịp thực hiện ý định thì Linh mục Đ/U Nguyễn Công Thành, tuyên úy công giáo của ĐD/TQLC đã tìm cách vượt trại trong lúc anh em đang xem Ti Vi. Không thành công và anh bị bắt ngay sau đó. Anh bị một trận đòn nên thân. Cái mắt kiếng cận thị của anh bị chúng đập bể. Cũng may chúng đang chuẩn bị đưa một số đồng anh em ra Bắc nên chúng chỉ nhốt anh vào conex và không lập những phiên tòa xử như một vài anh em trước đây.

ĐỊA NGỤC TRÊN TÀU SÔNG HƯƠNG:

Khoảng tháng 6 năm 1976, buổi chiều chúng tôi nhận được một bữa ăn khác thường gồm cơm trắng, thịt heo và rau cải xào. Mọi người đều thắc mắc vì hôm nay đâu phải ngày lễ lớn để được “ăn tươi”. Nhưng có đồ ăn ngon thì xoi cái đã, có đem đi bán thì cũng chẳng sao.

Khoảng 9 giờ tối, chúng tôi được lệnh chuẩn bị “hành quân”. Phía trước đường một đoàn xe phủ bạt kín, đang đậu chờ sẵn. Chúng tôi được lệnh lên xe. Những chiếc molotova đầy cứng người có một bộ đội ngồi trước với tài xế và hai bộ đội ngồi phía sau. Khoảng hơn 10 giờ thì đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Chúng tôi theo dõi lộ trình và báo cho nhau biết. Đầu tiên xe chạy về hướng Biên Hòa, queo trái ra ngã ba Tam Hiệp rồi queo phải ra xa lộ hướng về Sài Gòn. Đoàn xe lên cầu Sài Gòn rồi queo trái và dừng lại ở bến tàu Tân Cảng. Đây là một bến cảng rất quan trọng mà trước đây quân đội Mỹ sử dụng để thu nhận và tồn trữ những hàng hóa tiếp liệu của quân đội Mỹ và Đồng minh rồi từ đây được chuyển về tổng kho Long bình. Chúng tôi được lệnh xuống xe và di chuyển giữa hai hàng bộ đội súng cầm tay hướng về chiếc tàu mà sau này chúng tôi biết đó là *tàu sông Hương*. Qua khỏi cầu tàu, lên trên boong rồi theo cái nắp tàu rộng độ 2 x 1.5m, có thòng sẵn một cái thang đi xuống hầm tàu. Vai xách nách mang, đồ đạc linh tinh, có nhiều anh bị trượt chân té xuống nhưng đoàn người vẫn tiếp tục đổ xuống và dồn nén trong khoang tàu. Tôi ở trong toán người đi đầu, dành một cái góc bên trái và ngược nhìn lên mà không tưởng tượng nổi là mình đã nhìn thấy cái quang cảnh này một lần nào chưa. Cái thang gỗ như oằn xuống với sức nặng của bao nhiêu người. Nếu cái thang mà gãy thì có ít nhất cũng chục người bị thương hoặc chết. Tôi nhìn thấy được nhiều khuôn mặt quen thuộc, những người bạn trong Bình chủng kể cả Linh mục Nguyễn Công Thành mà lúc này anh đã được tháo còng và hành trang thật gọn nhẹ với cái túi nhỏ, tôi cũng kêu tên và vẫy tay chào những người bạn cùng khóa mà bây giờ tôi

mới gặp lại kể từ ngày ra trường (12/1966). Trong cảnh gặp gỡ ngỡ ngàng và buồn tẻ rất tiết kiệm lời nói. Hàm tàu bị dòn nhét quá đông. Tôi không ước lượng được bao nhiêu, nhưng rất đông, quá đông, đến nỗi không thể nằm hay duỗi thẳng chân mà chỉ ngồi bó gối. Tôi phải ngồi đến nỗi tê cả hai chân, phải ráng tìm một khoảng trống nào đó để duỗi chân ra thoải mái một chút.

Vấn đề ăn uống cũng thê thảm không kém: Từ trên cao chúng quăng những thùng mì gói và những thùng lương khô trung quốc để anh em chia nhau. Tình trạng này chỉ có thiếu chứ không có dư. Những người lãnh sau phải 2 người một gói mới đủ. Còn nước uống thì chúng thông xuống một cái vòi bằng cao su to bằng ngón tay út. Một anh cầm vòi, những người khác đưa lon guigoz đến nhận. Nước hơi âm ẩm vì bình chứa để ngoài ngoài trời trên boong tàu. Cái cách tiếp tế nước như thế này đã lâu, chậm và không đủ cho số người quá đông ở dưới. Anh em đã nhiều lần la lớn lên chúng mới mở tiếp vòi nước. Mỗi người mỗi ngày chỉ được hơn nửa lon gô nước. Mì gói và lương khô phải nhai sống rồi mới uống nước vào. Còn chuyện vệ sinh mới thật là kinh hoàng.

Chúng dùng những thùng phuy đựng xăng cắt ra làm đôi. Bên trên thùng phuy chúng dùng hai tấm gỗ dài hơn đường kính thùng phuy một ít, bên dưới dùng hai thanh gỗ đóng chặt vào hai tấm ván ở trên để chúng không di chuyển ra miệng thùng phuy. Đóng sẵn hai bậc thang rồi đặt sát bên để bước lên bước xuống được dễ dàng. Cầu tiêu lưu động này được gọi là “cầu tiêu XHCN”. Mỗi hàm tàu được đặt một cái. Người nào muốn đi tiêu đi tiểu thì leo lên cái thang và trút bầu tâm sự trước sự chứng kiến của bao nhiêu người. Thật tình không ai muốn đến viếng thăm cái “lăng bác” này trừ những lúc quá cấp bách. Tôi may mắn được ở cách xa, nhưng buổi trưa mùi hơi người và mùi phân bốc lên muốn ngộp thở. Tôi cũng đã sắp hàng chờ từ cả 4 tiếng đồng hồ để được đến phiên mình. Rồi tôi về chỗ cũ và không có can đảm để leo lên lăng bác. Cuối cùng một số anh đã phải dùng lon gô để giải quyết tại chỗ. Và đến khi cái cầu tiêu XHCN sắp đầy thì lại càng kinh khủng hơn. Chúng đưa dây từ trên

boong thòng xuống để bộ đội kéo lên. Phân và nước tiểu sóng sánh tràn ra hai bên. Mặc dầu ai cũng cố tránh “cái của nợ hôi hám” đó nhưng vẫn có một số người bị phân bắn lên đầu, lên quần áo và vật dụng mang theo. Tôi không biết thật sự cái cảnh địa ngục như thế nào? Nhưng thế này tôi thấy là tận cùng của mọi sỉ nhục rồi. Người đối xử với người như những con vật. Tôi nghĩ chắc ở trong quá tủi nhục này mà anh Tr/tá Nguyễn Văn Nhiều, Trưởng phòng 4 SĐ/TQLC đã phần uất và đã tự tử. Hôm khiêng xác lên tàu, mắt anh vẫn còn mở trừng trừng.

Cũng may những ngày này thời tiết khá tốt và biển rất êm, nên sau 4 ngày 5 đêm, chiếc tàu sông Hương đã cập ở một cái cảng nhỏ ở phía bắc cảng Hải phòng. Một buổi sáng đẹp trời, nắng chiếu xuyên qua hầm tàu rục rỡ, bọn chúng mở cửa và dùng một cái loa khuếch đại âm thanh chạy bằng pin để thông báo với chúng tôi: “Các anh đang ở trên phần đất XHCN, điều kiện tốt để cho các anh học tập cải tạo”. Chúng tôi mệt mỏi quá rồi nên những lời nói đó như những tiếng gầm gừ đe dọa của bầy thú dữ. Mãi đến xế chiều chúng tôi mới được rời cái vùng địa ngục của tàu sông Hương. Một đoàn đông đảo gồm công an, bộ đội, du kích kể cả chó săn dẫn chào hai bên. Đoàn người lôi thoi lếch thếch lại được dồn lên những toa xe lửa cách đó không xa. Cứ đêm đầu người như người ta đếm súc vật để nhét lên xe. Toán chúng tôi xuống tàu đầu tiên nên cũng lên tàu sau cùng. Lúc đó khoảng 1, 2 giờ khuya rồi nên được dẫn bộ đến một kho hàng trống để nghỉ đêm. Được ra ngoài hố bom bên cạnh kho hàng để tắm giặt. Mấy ngày sống thiếu vệ sinh và không được tắm nên chúng tôi cảm thấy rất thoải mái, rồi được nằm thẳng cẳng mà ngủ một giấc... thật là đã đời. Sáng hôm sau thức dậy trở lại hố bom để rửa mặt thì mới hỡi ôi! Hố bom chứa nước mưa đọng và chung quanh đầy những phân người phóng uế bừa bãi. Chúng tôi cảm thấy lợm giọng và không thể nào... đứng ở đây lâu được. Biết làm sao khi đã lỡ rồi. Cái đất nước mà chúng rất tự hào đã xưng lên là XHCN là như thế đó. Chúng tôi ăn sáng bằng những phần lương khô Trung Quốc còn lại và uống nước lã, rồi tập hợp hồi hã, sắp

thành hàng một, mang đồ đạc ra những toa tàu đậu sẵn. Rút kinh nghiệm tôi cố chen đến những nơi có những cửa sổ nhỏ nhưng toa tàu là nơi chở than hay súc vật nên không có cửa, cũng may hai tên bộ đội lên sau cùng chúng ngồi gần và hé mở chiếc cửa của toa tàu. Tôi cố nhìn ra khung cảnh bên ngoài nhưng đành chịu. Nhưng khi đến những ga tôi thấy đất đá được liên tục ném vào toa tàu. Hai tên bộ đội phải kéo cửa lại, bên trong tối om và không khí rất là ngột ngạt khó thở. Có những tiếng la hét và chửi rủa nhưng chúng tôi không nghe rõ cho đến khi đoàn tàu đi qua, cánh cửa mới được hé mở.

Thật đúng Mỹ ném bom miền Bắc với ý định biến vùng này trở về “thời kỳ đồ đá”, nhưng không thành công, trái lại đã làm con người ở đây biến thành “đồ đều”, đúng nghĩa cháu ngoan của “bác Hồ”, theo gương và rập khuôn con người đều cẳng của “Bác”.

TRẠI SON LA:

Đoàn xe lửa rời cảng Hải Phòng đi về phía tây, hướng Hà Nội, qua các vùng Hải Dương, Cẩm Giàng, và dừng lại ở phía nam của phi trường Gia Lâm, sát bờ sông Hồng. Tất cả xuống xe để lên phà. Đoàn người lồi thồi, lếch thếch, mệt mỏi, thật chẳng đẹp đẽ chút nào, chỉ gây sự thương hại cho những nhân viên trên phà. Họ lặng lẽ làm việc, không nói không cười. Chắc họ cũng được lệnh không được quan hệ tiếp xúc, mà cũng chẳng có gì để nói vì giữa họ và chúng tôi đã có một lần ranh của những người cùng “ngôn ngữ” nhưng khác “tiếng nói”. Chúng tôi tiếp tục lên những đoàn xe dài đậu sẵn, mui che kín. Trời vẫn còn sáng nên tôi cố quan sát cảnh vật hai bên đường. Không có lấy một bóng người, những thôn xóm xa xa đìu hiu, những đám ruộng trơ những gốc rạ. Con đường nhựa từ bao năm nay chưa được sửa sang lại. Đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Sau này có dịp suy nghiệm lại trên bản đồ về đoạn đường chúng tôi đã đi qua. Tôi đã nhận được lộ trình của đoàn xe đã theo hướng tây nam của Quốc lộ 6 chạy về hướng Hòa Bình, rồi khi tới ngã ba Tân Lộc thì đổi về hướng tây bắc qua các vùng Mai Châu,

Mộc Châu, Yên Châu, Cò Nòi, Hát Nót rồi đến tỉnh lỵ Sơn La tiến thẳng vào một nhà tù đã có sẵn và rất kiên cố do Pháp xây dựng trước đây.

Tại đây nếu tiếp tục theo Quốc lộ 6 về phía tây bắc sẽ đến tỉnh lỵ Lai Châu, còn nếu đến Tuần Giáo đổ về hướng tây nam sẽ đến lòng chảo Điện Biên Phủ sát nách với biên giới Lào Việt. Nhìn địa thế vùng này mới thấy những nhà quân sự Pháp chọn vị trí cho một trận đánh có tính cách quyết định mà lại nằm gọn trong lòng địch, đường tiếp vận thì quá xa, lòng chảo bị khống chế bởi những hỏa lực pháo binh của địch đặt chung quanh trên những ngọn núi. Người Pháp thua trận là phải. Lòng kiêu ngạo hay sự sai lầm trong những ước tính hành quân?

Bây giờ đã quá nửa đêm, trời mưa nhẹ, tôi thấy rùng mình gậy gậy lạnh mặc dầu bây giờ đang là mùa hè. Chung quanh hoang vắng thê lương, tiếng những con ếch ương vang lên nghe buồn thảm quá. Ở đây không có điện, người ta dùng những bó đuốc bằng nửa khô và những đèn bão hương dẫn chúng tôi vào những dãy nhà còn trống. Khi đêm đủ số người thì họ đóng khóa cửa lại. Chúng tôi chen nhau trên những bệ xi măng, gói đầu trên những ba lô, dựa lưng vào nhau mà ngủ. Cho đến khi có tiếng mở cửa chúng tôi mới thức dậy, đi ra ngoài ao nước để rửa mặt và làm vệ sinh cá nhân. Những vũng nước mưa đục ngầu. Khát quá cũng phải uống. Chúng tôi được những người cũ ở đây phát com độn bắp và muối hạt. Họ là những quân nhân bị bắt tại Hạ Lào năm 1971 và những anh biệt kích nhảy toán ra hoạt động tại miền bắc từ những năm trước nữa. Họ buồn buồn nói với chúng tôi là họ rất hy vọng miền Nam sẽ “giải phóng” miền Bắc và họ cũng được “giải phóng”, nhưng khi nghe miền Nam đầu hàng và hy vọng của họ đã tiêu tan và họ đã khóc. Họ cho biết đã có những đoàn người khá đông tới đây trước chúng tôi và họ đang ở những trại bên kia.

Chúng tôi được lệnh bày đồ đạc ra để khám xét. Sau đó chúng lập danh sách từng đội và phát cho mỗi người một bộ đồ tù sọc đỏ. Đến bây giờ chúng mới lấy tên họ, cấp bậc, chức vụ... Đội chúng tôi được đưa vào một căn nhà mới

được dựng lên, mái được che bằng nylon màu xanh, chung quanh chưa có vách và phải trải cỏ để làm chỗ nằm.

Chúng tôi được nghỉ một ngày để tắm giặt và “ôn định đời sống” và ngày hôm sau được phát dao, rựa lên rừng đốn tre nứa gỗ về làm mái, vách và sạp để nằm. Bữa ăn thì toàn sắn lát, khoai lang khô...v ới nước muối. Không có rau mà chỉ có tàu bay... Những thứ này là những nỗi kinh hoàng của tôi. Cái mùi ẩm mốc, chua chua làm cho tôi muốn mửa... nhưng mà lấy gì để dễ dành cái bao tử đang rên rỉ đây. Thôi thì:

*Bất phong trần, phải phong trần
Cho thanh cao mới được phân thanh cao.
(Nguyễn Du)*

Trong thời gian ở đây, tiếp xúc và nói chuyện với những người lính biệt kích, những người bị bắt từ Hạ Lào năm 1971, chúng tôi thấy họ cũng chẳng có một lối thoát nào cả. VC không kêu án, chẳng thấy ngày ra tù. Tình trạng chúng tôi cũng chỉ thế thôi. Ăn uống thì đói khát, làm công việc thì nặng nhọc, bệnh thì không có thuốc chữa... Chúng tôi là những kẻ lưu đày biệt xứ. Đã có những người đã nằm xuống. Trong anh em cũng có rất nhiều người có cùng tâm trạng như tôi. Địa thế ở đây thì hoàn toàn xa lạ, đồi núi chập chùng. Rừng thì không tìm được một thứ gì có thể ăn được. Nhưng anh em tôi cuối cùng đã quyết định phải bỏ đi thôi. Phải đi tìm sự sống trong cái chết. Con đường duy nhất là đi về phía tây, băng qua biên giới Lào và tìm đường đến Thái lan. Nhóm 4 người gồm có: Đ/U Lê Hùng (Địa phương quân Bình Tuy) + Đ/U Nguyễn Văn Nhơn (Phi công khu trực thuộc không quân Biên hòa) + Đ/U Nguyễn Văn Ninh (Phi công trực thăng cũng ở Biên Hòa) và tôi. Lại được Linh mục Tuyên úy TQLC Nguyễn Công Thành hỗ trợ. Cha Thành lúc bấy giờ đang làm trong tổ nuôi heo với anh Thừa nên tìm cách để dành cho chúng tôi cơm khô, cơm cháy lấy ra từ thức ăn của heo. Ngoài ra anh còn cho chúng tôi một số thuốc sốt rét mà anh còn cất dấu được. Hồi ở trong Nam anh đã vượt trại bị bắt lại nên bây giờ anh chẳng còn chi. Hơn

nữa lúc này sức khỏe anh không tốt nên anh không thể theo chúng tôi được, tuy nhiên anh ủng hộ tinh thần và hỗ trợ chúng tôi hết mình.

Nhân một đêm vào tháng 10/1976, anh Hùng đến phiên trực nhà bếp của trại, chúng tôi quyết định ra đi đêm đó. Trời bỗng dưng đổ mưa lâm râm, điều kiện tốt để ra đi. Lán ở gần nhà bếp, vách nứa mỏng manh nên len lỏi qua đây không khó. Chúng tôi gặp nhau 4 người ở nhà bếp, gom hết những mì sợi Trung quốc, một số muối và 4 con dao đi rừng. Chúng tôi bỏ hết đồ ăn vào ba lô và vượt qua hàng rào trại ngay dưới vọng gác của bộ đội. Vượt qua một hàng rào kẽm gai, băng qua một cái rãnh có cỏ cao ngang ngực, tiến gần đến bãi dong cao gần bằng đầu. Chúng tôi dừng lại một chút để nghe ngóng. Chưa có động tĩnh gì cả. Chúng tôi theo đường thông thủy để tiến đến một ngọn đồi từ đây lấy hướng đi về phía sông Mã. Vùng này chúng tôi đã đi lao động vài lần nên địa thế cũng quen thuộc. Nếu vượt qua sông Mã chúng tôi sẽ nhắm hướng tây nam mà đi sẽ đến biên giới Lào, nếu đi ngược về hướng tây bắc sẽ đến vùng Điện Biên Phủ. Nói thì dễ mà địa thế bên ngoài toàn đồi núi chập chùng. Những ngày này trời lại mưa suốt. Mặt trời chẳng có thì làm sao định hướng được. Chúng tôi ngày đi đêm nghỉ. Ban đêm có thể di chuyển an toàn nếu là dân địa phương thì được, còn chúng tôi thì rất khó khăn và nguy hiểm. Chúng tôi phải leo lên đồi cao và giăng võng ngủ. Những ngày này cảm thấy tự do và thoải mái.

Mùa này mưa nhiều nên di chuyển rất khó khăn, nước từ triền đồi dồn về những thông thủy trở thành những con suối nước chảy siết, không thể nào vượt qua được. Sống bằng bắp, khoai mì, khoai lang, bí đỏ của dân trồng trên các sườn đồi. Chúng tôi hạn chế mì sợi đem theo. Đó là tang vật để cho dân chỉ điểm và bộ đội theo dõi đường đi của chúng tôi. Chúng tôi cố tìm cách vượt qua sông Mã càng sớm càng tốt. Chúng tôi đều còn trẻ, còn sức lực và lòng quyết tâm cao, Ninh trẻ nhất mới có 24 tuổi.

Chúng tôi đi được 14 ngày. Cả một khoảng thời gian dài. Ngày cuối cùng mưa lớn, chúng tôi ở trên một ngọn đồi cách

một cái bản làng không xa. Trời mưa từ sáng đến chiều không dứt. Phải băng qua cái bản này sẽ đến bờ sông. Không thể dừng ở đây được. Chúng tôi quyết định xuống đồi và băng qua một con suối. Nước chảy mạnh quá. Chúng tôi đang đi dọc theo con suối để tìm chỗ băng qua thì bỗng dừng một toán dân quân du kích khá đông có trang bị súng đạn và mã tấu bao vây. Chúng tôi không thể nào chống cự được mặc dầu chúng tôi có 4 con dao. Chúng trói 4 người rồi dẫn vào làng. Chúng đưa chúng tôi vào một trường học không có vách và trói mỗi người vài một cái cột tre. Chúng quấn dây trói từ đầu đến chân như những đòn bánh tét. Quần áo chúng tôi ướt đầm và gió từ bên ngoài thổi vào làm chúng tôi run lên cầm cập. Bọn chúng không cho ăn. Chúng tôi là người cho đến ngày hôm sau. Chúng bỏ mặc trong cái trường học đó.

Khoảng 10 giờ sáng, bộ đội từ trại đến nhận. Chúng mở “bốn đòn bánh tét” ra khỏi bốn cây cột, rồi trói quặt tay ra sau lưng dẫn về trại. Hôm đó trời mưa dai dẳng, đường trơn lại bụng đói nên tôi cứ trượt chân té hoài. Dọc đường dân chúng từ các bản làng kéo ra mừng chửi thậm tệ và xông vào đánh chúng tôi bằng tay chân, gậy gộc. Bọn bộ đội cứ tỉnh bơ không can thiệp, bọn dân Tày, Mường thấy thế càng hăng máu nhảy vào đánh chúng tôi túi bụi.

Anh Hùng, anh Nhon bị chúng dùng cây đánh trúng đầu, máu chảy tràn ra cả mặt bọn bộ đội mới can thiệp. Hình như chúng cố tình dẫn qua các bản làng, qua trại 7 nhốt tù cải tạo, tôi có thấy Trần Gia Bảo thằng bạn cùng khóa, nhưng chắc lúc này nó không nhận ra tôi. Đến trại khoảng 6 giờ chiều, chúng tôi cố lê lét, đau đớn ê chề vì những trận đòn dọc đường. Tâm trạng chúng tôi lúc bấy giờ ai nấy muốn chết hơn là muốn sống. Mỗi chúng tôi được đưa vào những cái chòi bằng tre lợp nứa, sàn đất, phen nứa, bề ngang khoảng 8 tấc, bề dài 2m. Có lẽ chúng chuẩn bị những căn nhà này trước khi chúng tôi bị bắt. Hai chân bị cùm bằng hai khóa sắt hình móng ngựa, phía dưới có một thanh sắt lòn ra khóa từ bên ngoài. Tay bị cùm ra sau lưng bằng hai tấm ván dày 2cm, dài khoảng 4 tấc, ngang 1 tấc ở giữa có khoét hai lỗ

hình bán nguyệt để xỏ hai tay vào. Hai tấm ván này được khép lại có chừa lỗ để cột lại bằng kẽm gai. Những dụng cụ này chắc được truyền lại từ thời trung cổ được những “đỉnh cao trí tuệ” của cái xã hội “ưu việt” nghĩ ra mà thôi. Những ngày đầu chúng tôi thật thê thảm với cái thế cùm kẹp dã man này, vì muốn ngồi cũng không được, muốn nằm cũng không xong. Chỉ có cách là khom lưng về phía trước. Hai chân thì không nhúc nhích, cục cựa gì được. Suốt một tuần lễ như thế. Cho đến khi chúng tôi sắp kiệt sức, chúng mới đưa cái cùm tay từ phía sau ra phía trước để chúng tôi có thể nằm được. Khổ nỗi tấm phen nửa nằm trên đó tôi bị đâm kiến ở đầu xúm lại thăm viếng và hành hạ, không tài nào ngủ được cũng không có cách nào đuổi chúng đi. Hình như chúng được lệnh của đám giặc cộng này hành hạ tôi suốt đêm. Ngày hai bữa ăn khoai mì luộc và một chén nước lạnh. Không bao giờ cho ăn đúng giờ. Cũng trong thời gian chúng tôi bị bắt thì Linh mục Thành cũng bị bắt và bị đánh hết sức là thê thảm. Cha Thành vốn nhỏ con lại bị những tên bộ đội thay phiên nhau đánh và đập vào người cha, chúng tôi nằm nghe tiếng kêu la của cha mà lòng xót xa. Tôi nghĩ chắc cha chết mất rồi những trận đòn như thế. Nhưng sức chịu đựng của cha thật khủng khiếp, cha Thành vẫn còn sống và đang định cư tại Nam Cali. Tên Thừa, phường trưởng Vĩnh Hội, một tín đồ công giáo thuộc giáo xứ Bùi Chu đã báo cáo cha Thành có liên quan đến vụ trốn trại. Tôi không hiểu lòng dạ con người sao mà tệ bạc đến thế. Người ta bán rẻ lương tâm của mình để đổi chác cái gì đây.

Sau 10 ngày, chúng gọi từng người lên hỏi cung và bắt làm kiểm điểm. Chúng còn bày ra một tòa án để xét xử. Chúng cho tập hợp toàn thể anh em trong trại vào ban đêm tại hội trường. Đêm không trăng sao, không có đèn đóm gì cả, chỉ có những bó đuốc cháy bập bùng và trên bàn chủ tọa có 3 cái đèn bão. Chúng đọc bản cáo trạng và ghép chúng tôi là những “thành phần chống đối, không chịu cải tạo”. Mặc dầu chúng cố tạo cái không khí quái đản đó nhưng trong lòng tôi không có sự sợ hãi chút nào cả. Tôi nghĩ đến cái chết như một sự giải thoát. Chúng còn cho vài tên cò mồi lên phát

biểu ý kiến, yêu cầu tử hình để làm gương. Nhưng tất cả chỉ gây nên lòng khinh ghét và sự căm thù trong lòng anh em chúng tôi. Cuối cùng chúng tuyên bố khoan hồng để cải tạo và chỉ cùm trong nhà kỷ luật một tháng. Phần ăn bị giảm xuống tiêu chuẩn còn 9 kg/tháng.

Chúng tôi chẳng có gì buồn phiền hay hối hận vì ít ra chúng tôi cũng được 14 ngày tự do thoải mái, được hưởng những khoảng trời của riêng mình mặc dầu những ngày ấy có mưa to gió lòi. Sự tự do nào cũng được trả bằng cái giá của nó.

TRẠI NGHĨA LỘ (HOÀNG LIÊN SƠN):

Chúng tôi được chuyển đến trại 1, liên trại 2 trong vùng Nghĩa Lộ thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đoạn đường đi cũng thật là gian lao vất vả. Từ trại tù Sơn La chúng tôi đi ngược về phía nam về Cò Nồi rồi lên phà Tạ Khoa trên sông Đà qua Bắc Yên, Gia Phú, rồi đi ngược lên Phù Yên, qua đèo Lũng Lô, đến Ba Khe, Văn Chấn rồi đi vào vùng Bản Kéo. Trại tù nằm trong vùng đất của người Mường. Nói là trại chứ thật ra đây là vùng đất hoang vu, tất cả 300 người tù phải dọn dẹp khai phá để làm lán trại cho tù và nhà ở cho bộ đội. Riêng 4 anh em chúng tôi ngày đi cũng phải mang thêm cái cùm chân vì còn 3 tuần nữa mới mãn hạn. Đây là những ngày thê thảm nhất vì trời đã vào đông. Cái lạnh ở đây buốt đến xương, đến óc. Lại thêm cái đói đến xót xa. Lại phải lao động cật lực để làm lán trại chỗ ăn chỗ ngủ, chõu nằm trên rom cỏ giữa mùa đông giá lạnh này chịu sao nổi. Có những hôm trời lạnh mà phải xuống ruộng lấy bùn nhồi với rom để làm vách. Lạnh đến độ chân tay đều đỏ rần lên và tê cóng, không còn cảm giác gì nữa. Ai đã từng ở tù ngoài bắc mới cảm thấy được “cái lạnh ở Hoàng Liên Sơn”. Thôi thì đã mang kiếp tù thì phải:

Đón tre dẫn gỗ trên ngàn,

Hữu thân, hữu khổ phận nàn cùng ai...

Nhà làm toàn bằng tre nứa, lợp tranh, không có một cây đinh, chỉ đóng bằng mộng và cột bằng lạt tre. Ở đây mới thấy cái tài năng của phe ta. Phải vào rừng đẵn những cây to

về làm cột, kèo, đòn tay, rui mè... Cuối cùng thì đã có những căn nhà khung trảng, những nhà bếp và hội trường. Cũng không quên làm những hàng rào tre để nhốt tù vào giữa và những nhà kỷ luật để nhốt những tù “chống đối”.

Cơ ngơi vừa tạm yên thì chúng tôi phải đi phát rẫy để lấy đất trồng khoai mì và rau cỏ. Những dãy đồi trồng khoai mì bắt đầu vươn cao, những khu vườn trồng su hào, bắp cải, khoai lang... nhưng qui định vẫn là “nằm thì vượt kế hoạch, ăn thì theo tiêu chuẩn”. Ngoài ra trại còn đưa nhân công ra ngoài làm công cho Hợp tác xã để cuốc cỏ, hái chè. Tôi thích ăn những đợt trà, lúc đầu thì đắng nhưng uống nước lạnh vào nó có cái hậu ngọt và lại no bụng nữa. Nhưng coi chừng ăn nhiều quá có thể bị say trà. Còn những cô công nhân trà ở đâu cũng chửi thề, ăn tục nói phét không chịu được. Các cô cứ tỉnh như “người Sài Gòn”, lời toàn những chuyện ăn chơi ở Hà Nội, Hải Phòng ra mà nói khiến bọn tôi cũng thấy nóng mặt luôn.

Khu trại chúng tôi cách đường lộ một thửa ruộng nước, chúng tôi phải lên rừng đốn gỗ về làm cầu bắc qua. Những anh bạn Công binh trở tài khiến đám bộ đội rất nể phục. Cũng làm những chuồng nuôi gà, nuôi heo và dĩ nhiên phải có một “khách sạn Hilton” 3 phòng bằng tre nứa mà tôi là người được hân hạnh cắt băng khánh thành vì đánh tên ăng ten báo cáo làm hại anh em.

Khoảng gần Tết năm 1977, trong lúc đi lao động cuốc đất để trồng su hào, tôi nhớ anh Huỳnh Tự Trọng (Sĩ quan Tiểu khu Quảng Nam) tâm sự với tôi là anh muốn được ăn một bữa sắn luộc nhưng anh không dám lấy sợ bị cùm. Tôi bèn nói với Ninh “mở một phi vụ” ra ngoài rẫy sắn và mang về cho anh một túi khoai mì. Hôm sau anh cảm ơn rồi rít và nói được ăn một bữa sắn no nê. Anh còn nói hôm nào gần Tết trại phát bánh chưng anh sẽ dành cho hai đứa tôi nữa cái. Nhưng cái ngày đó không bao giờ đến với anh, anh bị bệnh và chết trước ngày 30 Tết. Bọn VC đem xác anh đặt ngoài khu vườn rau. Một số anh em bạn thân đem những lát bánh tét đến... mời anh. Xác anh được đem chôn dưới chân đồi sắt

bên vườn rau. Bánh chưng cúng anh nhan chưa tàn, một anh bạn vì đói quá đã lén ăn mất.

Sau Tết chúng tôi đi làm cỏ đồi trà cho Hợp tác xã, khoảng 3 giờ chiều có một người Mường đến báo cho chúng tôi biết nhà tù 9 căn của chúng tôi đã bị cháy rụi hết. Tên bộ đội tập hợp chúng tôi để dẫn về trại.

Tất cả những lán nhà ở đã cháy tiêu chỉ trừ khu nhà bếp. Mền mùng, chiếu gối, quần tư trang gì cũng cháy tiêu hết. Chỉ còn mỗi người một bộ đồ dính da mà quần áo tả tơi, vì quần áo còn lạnh lặn để ở trại để về mặc ngủ. Bây giờ mới đúng là “vô sản chuyên chính”. Ý nghĩ này làm chúng tôi thấy đặc ý và ngửa mặt lên trời cười vang. Tên cán bộ quản giáo rất lầy làm khó chịu hỏi sao lại cười và bắt chúng tôi phải làm kiểm điểm. Có hai đội cũng đi lấy mắm từ Phù Yên cách trại hơn 20 cây số đường đồi núi nhất là khi băng qua đèo Lũng Lô. Khi về đến trại thì hơi oi. Một lần đội tôi cũng đến Phù Yên để lãnh rau. Hai người khiêng 20 kg mà cũng lết bết, nằm la liệt dọc đường.

Những ngày sau đó lại phải lên rừng chặt cây đốn gỗ làm lại nhà cửa. Tôi thấy chán nản và cuộc đời không lẽ tiếp tục vô nghĩa như thế sao...

Tôi và Nhon định trốn trại một lần nữa. Lần này được anh Quang K24 ĐL và Long cũng đồng ý. Chúng tôi chuẩn bị mọi thứ cần thiết và đem vào giấu trong rừng. Nhưng một hôm anh Quang đem chôn dao thì bị tên bộ đội bắt gặp và chúng bắt anh Quang nhốt kỷ luật và điều tra. Nhon, Ninh và tôi cũng không được ra ngoài lao động. Vài ngày sau chúng cũng đem cả ba nhốt vào nhà kỷ luật nhưng không cùm chân. Chúng tôi rất lo lắng không biết anh Quang có khai gì không? Nhiều đêm tôi nghe tiếng thở dài của anh Quang mà rầu quá không ngủ được. Một hôm chúng tháo cùm cho anh Quang làm vệ sinh. Anh Quang nói thêm thuốc lào quá. Gặp tên vệ binh cũng dễ nên nó hỏi vọng vào: anh nào có thuốc lào cho anh Quang? Tôi bèn vội vàng đem thuốc lào chạy ra, già bộ điều đóm và lợi dụng lúc tên vệ binh không để ý tôi đã hỏi nhỏ anh Quang có khai gì cho tụi tôi không? Anh Quang nói không. Tụi tôi như vậy là yên trí rồi. Một tuần lễ

sau, anh Quang chỉ bị cùm chân thôi nên ngủ được và lấy lại sức khỏe.

Một tháng sau thì chúng tôi được đưa ra khỏi nhà kỷ luật và đi lao động. Lần này đích thân tên trại phó ra chỉ tiêu cho mỗi người phải đào một thước khối đất. Vừa ở nhà kỷ luật ra, sức khỏe đâu còn được bao nhiêu thì làm sao đào nổi một thước khối đất. Anh Quang thở dài (lại cái bình thở dài). Tôi bảo anh Quang cứ đào thành hình tròn và sâu xuống khoảng một tấc. Cuối ngày tôi làm một bài toán lấy diện tích hình tròn nhân với chiều cao thành khối lượng đất đào được. Tên trại phó mặt nám, trông rất đần độn nên chúng tôi gọi là B40. Hắn bảo tôi tính cho hắn coi. Tôi nói dễ thôi lấy bán kính bình phương nhân với số pi rồi nhân với chiều cao sẽ ra số khối lượng đất đào. Hắn hỏi bán kính là cái gì? Số pi là cái gì. Các anh rắc rối quá rồi hắn bỏ đi.

Một lần tôi và Ngọc SQKQ được lên làm vệ sinh cho khu nhà của đám bộ đội. Tôi thấy nguyên một ổ trứng gà 10 trứng ở phía sau nhà vệ binh. Tôi chia cho Ngọc một nửa rồi hút hết. Vỏ thì moi đất chôn. Tên quản giáo Thanh (Trung úy bộ đội) tức lắm bảo cả đội làm kiểm điểm. Hắn đe dọa đã biết anh nào rồi nhưng chờ các anh “thành thật khai báo”. Ngọc hỏi tôi bây giờ làm sao? Tôi nạt cho mấy câu: Mày ngu quá, nếu nó biết thằng nào thì nó đã đem vào nhà kỷ luật đánh cho một trận nhừ tử rồi...

Tôi cũng để ý thấy cách trại không xa có mấy cái cối giã gạo bằng sức nước từ con suối chảy từ trên cao xuống. Lâu lâu đi chặt giang nửa tôi thường ghé qua kiểm vài lon gạo về nấu cơm ăn.

Khoảng tháng 6/1977 trại 4 liên trại 2 dẹp bỏ, một số khoảng 40 người, đa số cấp Trung tá được chuyển về trại 2, trong đó có Tr/tá Vũ Văn Hồ, Trưởng khối CTCT Trường Võ Bị QGVN và Tr/tá Nguyễn Khắc Đệ ở Bộ TTM tức nhà thơ Dương Tử. Anh Đệ đã làm nhiều bài thơ trong lao tù CS và anh đọc cho tôi nghe hay lắm. Bây giờ anh đang định cư ở Toronto (Canada) không biết anh có xuất bản tập thơ nào không? Còn anh Hồ, khoảng gần Tết năm 1978, anh nói với tôi anh cần tiền để mua thuốc Lào. Vì tôi buôn bán đổi chác

với đám Mừng nên có tiền, tôi cho anh hai đồng. Nhưng anh không mua thuốc Lào mà anh mua rượu sắn (làm bằng khoai mì). Bị bộ đội bắt gặp và kêu lên hỏi cung. Khi anh về ngang chỗ tôi anh nói vì sợ bị chúng nó đánh nên anh đã khai là tôi cho anh. Anh thật tình xin lỗi tôi và mong rằng tôi thông cảm vì anh thèm rượu lắm. Vài ngày sau tôi bị gọi lên. Khi đến nơi thì tôi thấy anh Nhon từ phòng hỏi cung đi ra hai tay ôm cái đầu đang chảy máu (sau này anh cho biết bị tên cán bộ Phú đánh bằng K54). Đến phiên tôi tên Phú cũng đặt cây K54 xuống bàn và nói:

Có gì thì anh phải thành thật khai báo. Nếu anh dấu diếm tôi sẽ bắn anh bằng cây súng này!

Nhờ anh Hồ đã báo trước cho nên tôi chẳng còn gì để dấu diếm nữa.

Tên Phú có vẻ khoái chí với lời khai của tôi nên hắn nói:

- Anh đã thành thật khai báo nên hôm nay tôi tha cho anh. Anh phải lo cải tạo tốt đừng có mua bán linh tinh nữa.

Đầu năm 1978 chuyển trại làm 2 đợt. Đợt đầu gồm toàn cảnh sát, tâm lý chiến, CTCT, an ninh quân đội về Phù Yên do công an quản lý. Đợt sau chỉ có 5 “nhân vật đặc biệt” là: Nhon, Ninh, Hùng, Quang và tôi về trại 5 cũng thuộc liên trại 2. Chúng tôi đi bộ có bộ đội mang súng “theo hầu”. Hôm sau lên Hội trường tên trại trưởng đem 5 chúng tôi ra răn đe mọi người. Chia 5 người ở 5 đội khác nhau. Ở đây tôi có gặp Đ/U Từ Đức Thọ (TĐ4/TQLC) và Đ/U Trần Đình Lợi (TĐ8/TQLC). Trại này đặc biệt là Chúa nhật nào cũng phải đi lao động XHCN.

Khoảng một tháng sau, 5 anh em tôi được lệnh lên xe đi chuyển đến địa điểm tập trung có rất nhiều người để chuyển về trại Phú Sơn 4 (Bắc Thái) giao cho công an quản lý. Bộ đội được điều động về phòng thủ sáu trại phía bắc.

TRẠI PHÚ SƠN 4 (BẮC THÁI):

Trại Phú Sơn ở vùng Bắc Cạn, Thái Nguyên đầu nguồn của sông Cầu, dưới chân của rặng núi Pia Bioc (1578m). Nếu đi thẳng về phía bắc sẽ gặp hang Pác Pó (bó bác) ở Bản Giời thuộc Hà Quảng. Đã có nhiều người ở đây rồi.

Những ngày đầu năm, buổi sáng trời lạnh lạnh và có nhiều sương mù. Lần đầu tiên đi trại tù ở miền Bắc tôi được thấy ánh đèn điện và nhà thì xây bằng gạch, lợp ngói. Chỗ ngủ có hai tầng, tầng dưới tráng ciment, tầng trên bằng sườn sắt và lót ván. Mỗi khu nhà có cửa được khóa lại và gài then vào buổi chiều. Khu nhà có 2 dãy, ở giữa có một cái sân rộng để tập hợp xuất công đi lao động. Ngày nghỉ không được quan hệ giữa các buồng. Mỗi nhà được chia cho 2 đội. Có một đội “đặc biệt” khoảng 30 người gồm toàn sĩ quan trốn trại từ bên quân đội. Tôi thấy có Tr/tá Trần Đăng Khôi, Th/tá Trần Công Hạnh, Trần Tấn Hòa, Nguyễn Văn Nghiêm (Nhảy Dù), Th/tá Hồ Văn Hòa, Vương Mộng Long (BĐQ), Đ/U Trần Tiến Bích (Không quân), Đ/U Chu Trí Lệ (BB), Đặng Quốc Trụ và nhiều người nữa mà tôi không nhớ hết. Một đội toàn sĩ quan Trung quốc và Kampuchia. Đội mộc có Tr/tá Hồ Quang Lịch (TĐ5/TQLC), Trần Thanh Thiện K21... Một đội gồm các Tuyên úy Công giáo, Tin lành, Phật giáo... Đội này ở một buồng riêng và không đi lao động. Còn một đội gồm những nhân viên hành chánh VNCH trong đó có Đ/tá Sơn Thương (BĐQ) [Không biết vì sao ông lại lọt vào trong đội này và về sau Ông đã tự tử vì buồn phiền cái gì đó...].

Đội tôi được giao nhiệm vụ đúc gạch. Ngày đầu tiên tên quản giáo Túc điếm danh để nhận diện. Hắn đã chọn anh Nguyễn Văn Nghiêm làm Đội trưởng, Nguyễn Văn Ninh làm Đội phó còn tôi làm Thống kê. Được hai tháng hắn cho tôi xuống nhồi than thay cho Chu Trí Lệ lên làm thống kê.

Một ngày vào buổi chiều, quản giáo Túc gọi tôi lên cho anh Chu Trí Lệ hớt tóc. Tôi nói tôi không hớt ngày hôm nay vì trời lạnh không tắm được, ngày mai tôi sẽ hớt. Tên Túc xông tới định đánh tôi. Tôi lùi bộ thủ và nói: “Chính sách của đảng không cho phép đánh tù nhân. Nếu cán bộ đánh tôi, tôi sẽ đánh lại”. Có tên công an lái xe xuống can, Túc và anh Trần Đăng Khôi cũng can tôi. Hôm sau tôi ở nhà để gặp tên cán bộ an ninh. Lại nữa anh Trần Tấn Bích đang in gạch bị chóng mặt nên ngồi nghỉ, tên Túc cũng hỏi: Anh Bích không

in gạch đi, bộ anh muốn gì? Bích trả lời ngay: Tôi muốn chết. Bắn đi!

Sở dĩ tôi đưa hai dữ kiện trên để minh xác một điều: Tất cả anh em chúng tôi cho dầu có bị đê bẹp, họng súng kề bên trong lúc anh em tôi không có một tác sát, nhưng chúng tôi vẫn phản ứng, vẫn không sợ hãi, nao núng trước bất cứ áp lực nào. Đó là sự liêm sỉ và lòng tự trọng của một sĩ quan trong hoàn cảnh cùng cực nhất và đen tối nhất.

Tháng 2/1979, Đặng Tiểu Bình xua Tàu cộng tấn công 6 tỉnh phía bắc với mục đích dạy cho Việt cộng bài học về sự phản bội. Các trại phía bắc lập tức được chuyển về phía nam. Trại Phú Sơn 4 cũng được chuyển về trại Nam Hà (Hà Nam Ninh).

TRẠI NAM HÀ (HÀ NAM NINH):

Đoạn đường chúng tôi được chuyển từ Phú Sơn về Nam Hà khá xa. Phải đi qua Hà Nội về Phủ Lý (Nam Định) rồi đổ về hướng tây qua vùng Thanh Liêm, Chi Nê (Lạc Thủy) rồi đến vùng Kim Bôi. Tôi nhớ đã nghe một bài hát của Phạm Duy:

*Ai về sau dãy núi Kim Bôi...
Nhấn rằng tim tôi chưa phai mờ
Hình dung một chiếc thắt lưng xanh
Một chiếc khăn màu trắng trắng
Một chiếc vòng sáng lóng lánh
Với nụ cười nàng quá xinh...*



Phạm Duy đã nhớ người em gái ở sau dãy núi Kim Bôi, còn tôi thì không bao giờ quên được những ngày khốn nạn nhất cũng như hào hùng nhất ở trại Nam Hà.

Đây là vùng núi đá vôi. Nắng thì tăng nhiệt độ còn lạnh thì tê cóng. Không khí nồng nực mùi vôi. Những người nào có buồng phổi yếu là vi trùng bệnh suyễn xâm nhập ngay.

Trại Nam Hà gồm có 4 phân trại: A, B, C và MỄ. Trại A là nơi đặt bộ chỉ huy của Liên trại, có trại trưởng tên Xuyên, cấp bậc Trung tá. Trại được xây dựng từ thời Pháp có tên là trại Đầm Đùn, bây giờ được củng cố xây dựng thêm. Các dãy nhà đều xây bằng gạch, mái ngói, có cửa ra vào cho mỗi khu hai nhà. Các nhà hình chữ U, ở giữa là một sân rộng để tập hợp đi lao động. Cuối sân là nhà văn hóa (thư viện), một góc là nhà bếp và góc đối diện là bệnh xá. Có cổng ra vào khu tù nhân bằng gạch có chòi gác ở trên cao. Bên dưới là nhà trực trại và một cái keng báo thức làm bằng vỏ bom Mỹ cũ. Kế bên đó là khu nhà ở của công an. Ở đây chúng tôi gọi bọn chúng là CHÈO.

Khi chúng tôi về đây thì trại đã khá đông người. Đa số từ các trại phía bắc chuyển về, một số chuyển về các trại Thanh Phong, Thanh Cẩm (Thanh Hóa) và một số được đưa về đây. Riêng trại Nam Hà A cao điểm đã phải chứa hơn ngàn người. Mỗi nhà nhốt tù được chia ra làm 2 tầng. Tầng dưới là những bệ ciment, tầng trên có khung sắt và lót ván. Giữa là một lối đi dẫn vào nhà vệ sinh. Nhưng vì nhân số quá đông nên phải dùng lối đi ở giữa lót ván và ngủ trên đó.

Ở đây công an quản lý tù nhân rất chặt chẽ và rất chuyên nghiệp. Chúng dùng bản nội qui như những sợi dây trời siết chặt mọi người. Lao động ban ngày có tính cách khổ nhục và đầy ải nhiều hơn. Buổi chiều sau giờ điếm danh, chúng khóa chặt cửa từ bên ngoài. Công an là thành phần bảo vệ chế độ và thực hiện những chủ trương, đường lối của đảng cộng sản mà không cần phải suy luận hay phán đoán gì cả. Người ta còn có một nhận xét đúng đắn nhất là: **chế độ cộng sản là chế độ công an trị**. Bên ngoài dân chúng cũng thế. Ở trại Nam Hà có những tên chèo gian manh và độc ác nhất như tên Thịnh và Lực. Chúng làm khổ rất nhiều người nhiều khi

những vi phạm nhỏ nhất như là lấy rau, liên hệ với các buồng khác cũng bị chúng đem ra đánh đập rất dã man. Từ những năm 1978, 1979 tình trạng ăn uống thiếu thốn, lao động khổ sai nên đã có nhiều người không chịu nổi và những nắm mộ bên triền đồi đá vôi ngày càng có nhiều người đến “đăng ký”. Lao động của chúng tôi ở đây thường là đập đá, lấy đá từ các triền núi về để xây nhà tù cho thêm kiên cố, rải đường bị những cơn mưa lũ phá hại hằng năm. Xuống khu đầm lầy trồng lúa. Thường thì phải dùng hai người để kéo cày thay trâu, tôi chưa thấy ai chụp được “bức tranh vãn cảnh, vẽ người tang thương” này. Đào mương lấy đất đắp thành những bờ cao để trồng rau. Mỗi mùa mưa lũ cuốn đi và san bằng tất cả, chúng lại bắt tù đào đắp trở lại như “con dã tràng xe cát biển đông” vậy. Dụng ý của chúng thì ai cũng thấy rõ, miệng thì chúng bảo cố gắng lao động để tạo ra của cải vật chất để cải thiện đời sống... nhưng đời sống ngày càng suy sụp trầm trọng.

Trại Nam hà A là nơi nhốt nhiều người già nhất từ bên hành chánh cấp trung ương như cựu thủ tướng Nguyễn Văn Lộc, các thượng nghị sĩ và dân biểu như các ông Hoàng Xuân Tựu, Nguyễn Văn Ngu, Vũ Văn Quý. Thành phần quân đội thì có các vị cấp tướng, tá, kể cả thành phần “tạp lục” như binh nhì (phục quốc) đến cán bộ xã ấp. Chúng tôi thấy có cựu Th/tướng Huỳnh Văn Cao, Đ/tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ đoàn trưởng LĐ3 Dù bị bắt ngày 25/2/1971 tại căn cứ 31 Hạ Lào. Riêng Binh chủng TQLC tôi thấy có các Đ/tá Nguyễn Thành Trí, Nguyễn Năng Bảo, Nguyễn Thế Lương, Hoàng Tích Thông, Tr/tá Lê Bá Bình, Th/tá Trương Công Thông, Lê Văn Hiến, Lâm Tài Thạnh... một số K21 như Cao Văn Lợi, Đồng Duy Hùng, Nguyễn Hồng Thành, Nguyễn Đăng Số, Trương Văn Thành... Tất cả tướng lãnh còn lại đều nhốt ở đây.

Thỉnh thoảng cũng có những phái đoàn ngoại quốc đến thăm viếng để tìm hiểu đời sống của các quân cán chính VNCH trong các nơi gọi là “Tập trung cải tạo”. Thường vào những ngày đó, chúng tôi được dồn vào các khu canh tác của trại B để “ém quân”, khi nào phái đoàn đi rồi mới được về

trại. Chúng chừa mỗi nhà hai người cho ăn mặc sạch sẽ, có vẻ khỏe mạnh để làm “cò môi”. Những người nằm ở bệnh xá thì trên đầu giường có để hộp sữa, thuốc men... Sau khi phái đoàn đi rồi thì tất cả “đồ chung bày” đều được thu dọn lại và mọi việc “vũ như cũ”. Có lần Th/tướng Huỳnh Văn Cao được chọn ở lại tiếp phái đoàn. Không biết ông được hỏi và trả lời như thế nào mà sau khi phái đoàn ra về thì ông cũng được đưa vào nhà kỷ luật, ban đêm đưa vào trại B cùm, ban ngày về trại A lao động trong vòng 2 tuần lễ. Đó chỉ là cảnh cáo thôi. Còn nếu tuyên bố “thoải mái” thì cũng được “cùm thoải mái” và bị đánh đập rất dã man.

Tình trạng sức khỏe của anh em càng ngày càng xuống cấp trầm trọng, số người được “thuyên chuyển về vùng 5” mỗi ngày một đông. Như vậy là đúng chính sách và chủ trương của bọn đầu nậu Hà Nội rồi, nhưng dư luận quốc tế đã bắt đầu theo dõi những kế hoạch giết người một cách có hệ thống của bọn chúng, hơn nữa chúng cũng không thể cắt đứt những quan hệ của những người bà con ruột thịt giữa hai miền, nên cuối cùng bộ nội vụ VC phải ra lệnh cho các trại cho phép thân nhân được tiếp tế cho những người thân của họ. Những đợt thăm nuôi đã lần lần vực dậy và cứu sống được nhiều người. Có những cảnh thương tâm cũng đã xảy ra. Tôi xin kể lại một trường hợp của Ông Phạm Thư Đường, trước đây ông là chánh văn phòng cho ông Ngô Đình Nhu. Lúc đó đội lao động của ông từ trại C về trại A. Một đoàn người lồi thối lếch thếch trên con đường lên dốc ngang qua nhà thăm nuôi. Vợ con ông Đường nhận ra ông, ông cũng nhận được vợ dầu chỉ liếc mắt nhìn nhau, âm thầm đổ lệ nghẹn ngào. Chúng tôi cũng chạnh nghĩ đến thân phận mình. Lòng cảm thấy bùi ngùi và căm giận. Chính sách gì mà hận thù, đày đọa con người cho đến chết mà trên đầu môi chót lưỡi thì “khoan hồng, nhân đạo”, “đánh người chạy đi, không ai đánh người chạy lại”... Cái chế độ chỉ dạy con người luôn luôn lừa dối nhau. Không ai tin được những điều nói thật vì nói sự thật bao giờ cũng là sự lừa dối kèm theo những âm mưu thủ đoạn hại người...

Tù có ăn thì chèo cũng được cho ăn. Bây giờ ra ngoài lao động chỉ cần cho vệ binh, quản giáo một gói mì hay một điều thuốc có cán thì muốn làm gì thì làm, tùm năm tùm ba bàn những tin tức từ thăm nuôi đưa vào hoặc từ chiếc radio lén lút có được trong tù. Tin mừng thì nhiều mà tin buồn cũng không thiếu. Bọn cán bộ, kể cả trực trại, an ninh cho các tù hình sự mang thịt cá, rau cải vào bán, những chợ trời được lập ra... Chúng tranh nhau khai thác tiền bạc của tù. Đời sống sinh hoạt trong trại cũng dễ chịu. Phong trào hát nhạc vàng, nhạc chính huấn và tù khúc vang lên trong các buồng hàng đêm. Có những nhóm bàn luận chính trị, thời cuộc, những nhóm kể chuyện Kim Dung. Không khí ban đêm thật là sôi động tạm quên đi những ngày tháng lưu đày khốn khổ.

Vào khoảng giữa năm 1980, vào một buổi chiều Chúa nhật, các đội đều được nghỉ ở nhà, Tr/tá Huệ (thuộc Bộ TTM) đi qua buồng kế bên thì bị tên chèo Lực bắt và dẫn lên nhà trực trại rồi đánh anh Huệ trước mắt mọi người. Anh em thấy vậy bèn đồng thanh la lên và hô đả đảo CS. Tên chèo Lực bắt buộc phải trả anh Huệ về đội. Hấn rất tức giận và hậm hực vô cùng. Thật ra hành động chống đối này không phải lần đầu mà đã nhiều lần anh em phản ứng lại thái độ xử dụng bạo lực của bọn chúng. Một phần trại thường xuyên có những phái đoàn ngoại quốc đến thăm viếng và điều tra và đã có nhiều tù nhân chấp nhận hình phạt và nhà kỷ luật để nói lên những chính sách hà khắc và dối trá của VC như Th/tướng Huỳnh Văn Cao, Y sĩ Tr/tá Ngô Văn Nhâm... Một phần tên Liên trại trưởng là Tr/tá Xuyên sắp đến tuổi về hưu nên nó không muốn gây căng thẳng với tù nhân và tên trưởng trại A là Tr/U Huy thì lại lo buôn bán làm ăn với tù nên cũng không muốn nhiều rắc rối. Tuy nhiên bản thân của chèo Xuyên và chèo Huy cũng không phải là những quyết định tiên quyết mà bọn chúng còn có chi bộ đảng nữa. Cho nên chúng phải đưa ra những biện pháp mạnh bạo như ta thấy hành động đối với Đội 20 và nội vụ cái radio đưa đến cái chết của Th/tá Cảnh sát Trần Hàn mà tôi sẽ kể trong những trang tiếp.

Sáng hôm sau, khi tập họp ở giữa sân để đi lao động các đội rĩ tai nhau là không xuất trại. Ở trại A không có một Ban Tham Mưu để thống nhất hành động như ở trại B mà ở đây rất đồng lòng với nhau. Hăng hái nhất là Đội 20 đồng thanh la lên là không lao động và yêu cầu tên trại trưởng là Tr/U Huy giải quyết vụ đánh người của chèo Lực ngày hôm qua. Tên Huy bảo cứ đi lao động rồi giải quyết sau... Lúc đó anh Mai, đội trưởng 16 gồm đa số anh em ở cấp bậc Đ/tá, đứng dậy định báo cáo xuất trại. Tôi đang ở đội 29 thấy vậy bèn la lên: Ngồi xuống, ngồi xuống! Tên chèo Chi, quản giáo đội 20 đã ghi tên tôi. Đội 20 gồm những anh em trẻ bị bắt từ những hành động chống đối trực diện mà chúng gọi là “âm mưu lật đổ chính quyền” như là Đặng Hữu Nam, Lưu Việt Cương, Lý Thành Hồ. Tôi còn nhớ tên một vài người như là Hồng Trọng, Dương Khải Quân (Quân đội), Bình, Kinh (Tuyên úy Phật giáo), Tín (Tuyên úy Tin lành), Nguyễn Văn Hồng (Tr/U Pháo binh), Trần Văn Khương (giáo sư nhân văn tại Trường Võ bị Đà Lạt)...

Kết quả ngày hôm đó anh em được lệnh về buồng và không đi lao động. Chắc chắn chúng đã họp chi bộ đảng và quyết định đưa Đội 20 trong đó có cả tôi vào trại Nam hà B.

Trại B cũng có những phong trào đấu tranh rất mạnh, nhưng nó có vẻ “yên âm” hơn. Từ ngày đội 20 vào đây mang theo cái không khí đấu tranh hùng hực từ trại A. Mỗi đàn áp dù nhỏ cũng gây ra phản ứng của toàn trại khiến tên trại trưởng trại B đã đề nghị đưa đội 20 ra kiên giam tại trại Mẽ.

Hôm đó sau khi cho các đội xuất trại thì đội tôi được lệnh về buồng lấy tư trang ra sân khám xét. Có khoảng 30 tên công an vũ trang đầy đủ, có cả chèo Xuyên. Hai xe bit bùng chờ sẵn. Chúng tôi hai người một bị còng lên xe và chuyển ra trại Mẽ.

Trại Mẽ là nơi để chữa những bệnh “bất trị”, nghĩa là hết thuốc chữa rồi, nhưng thật ra có thuốc đâu mà chữa. Những chiến hữu TQLC có mặt ở đây cũng khá đông như Tr/tá Đoàn Thức, Tham mưu trưởng LĐ369/TQLC, bị bệnh sơ gan cổ trướng, sắp đến thời kỳ sau cùng rồi nên chúng đưa ra trại Mẽ, rồi cho về nhà ở Phú Nhuận, Sài gòn và 2 tháng sau thì

anh mắt. Tr/tá Nguyễn Văn Cát, Trung tâm trưởng TTHQ thuộc SĐ/TQLC đã chết ở đây. Riêng Th/tá Đặng Văn Học và Đ/U Nguyễn Kim Thân cũng được đưa về đây vì kiệt sức nhưng may mắn thoát chết.

Phía bên trong gồm có những nhà gạch xây rất kiên cố để nhốt những thành phần chống đối. Trại này cũng có một số tù hình sự sắp mãn án được xử dụng cho nhà bếp và những tạp dịch trong trại giam. Chúng tôi xuống xe từng hai người một và được đưa thẳng vào các nhà kiên giam. Đó là những căn phòng nhỏ, hai bên có bệ ciment để nằm, giữa có một lối đi nhỏ khoảng 3 tấc, cuối phòng có một hố tiêu. Cửa bằng gỗ dày có then gài từ bên ngoài, trên cửa có một lỗ thông hơi có đan song sắt cao khoảng 3 tấc. Ở tù VC đã khổ mà kiên giam còn khổ hơn gấp bội. Tôi đã từng đi qua những nhục hình này rồi nên những cái “lẽ tẻ” này có thể chấp nhận được. Tôi bị cùm bằng hai khoen sắt hình móng ngựa gắn chặt trên một thanh sắt dài thông ra bên ngoài và được khóa lại ở đó. Cùm như thế này chỉ có ngồi hoặc nằm chứ không thể đứng hay đi lại được. Tôi bị cùm suốt 3 tháng không mở. Đại tiêu tiện tại chỗ. Thức ăn chỉ toàn khoai lang luộc, sắn lát phơi khô, bo bo... Giờ ăn bất thường để hành hạ bằng cái đói. Mỗi phòng kiên giam chúng cho thêm một người để phụ giúp cho hai người kia và phải nằm ở lối đi ở giữa. Được đi tắm mỗi tháng một lần nhưng 8 tháng sau tôi mới được đi tắm. Phòng kiên giam xây tường dày và kín nên về mùa đông thì cái lạnh buốt xương còn mùa hè thì như cái lò hỏa diệm sơn. Nhiều tên chèo thay phiên nhau coi phòng kiên giam nhưng có tên chèo tên Đảng là gian ác nhất. Hắn dùng mọi cơ hội để hành hạ tù nhân. Những ngày ăn tươi, hắn bảo nhà bếp chỉ phát mở và cho uống nước lạnh để tù bị tiêu chảy. Chính tên này cùng với một chèo cái y tá đã chích thuốc cho anh An chết. Anh Nguyễn Văn An là Th/tá LLĐB đã trốn trại ở trại Nam Hà B bị bắt lại và đã đưa ra trại Mễ. Anh đã tuyên bố là nếu ra khỏi đây anh sẽ tìm cách trốn đi vì không chấp nhận sống chung với VC. Đội 20 gồm 26 người và 4 người của trại B là các anh: Đ/U Phạm Tấn Mới, Đ/U Nguyễn Văn Sanh, Tr/tá Nguyễn Văn Trọng (KQ) và Th/tá Nguyễn Văn An. Tất cả

30 người, trong hai năm kiên giam đã chết hết 6 người là các anh: Nguyễn Văn An, Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Sanh, Nguyễn Văn Trọng, anh Quân và một người nữa mà tôi đã quên tên. Đến năm thứ hai vì số người chết đã lên cao, hơn nữa lúc này tên chèo Xuyên đã về hưu, tên chèo mới tên Hán đã thay thế, hẳn đã cho khoảng mười người về lại trại A và đúng hai năm sau vào khoảng tháng 10/1982 số còn lại trong đó có tôi cũng về lại trại Nam Hà A. Đa số anh em không đi nổi, phải kiêng hoặc nhờ người khác dìu vào. Sức khỏe của tôi cũng đã đến mức báo động nhưng tôi vẫn còn sống. Đa số anh em đã được chuyển về Nam từ tháng 8/1980, chỉ còn “tam đại cao thủ TQLC” là các Đ/tá Nguyễn Thành Trí, Nguyễn Năng Bảo và Nguyễn Thế Lương. Tôi nghĩ như vậy là sống rồi. Chắc chắn các Mũ Xanh không bỏ mình cô đơn đâu. Về đây tôi cũng được nghe kể lại câu chuyện thương tâm về cái chết của Th/tá Cảnh sát TRẦN HÂN, Chỉ huy trưởng Cảnh sát tỉnh Quảng Tín. Câu chuyện được Tr/tá Hoàng Mã (Khóa 20 Trường Võ bị Đà Lạt) là Trung đoàn trưởng TrĐ2/SĐ1 Bộ Binh kể lại sau này khi anh và gia đình đang định cư tại thành phố Anaheim, California và tiện đây tôi cũng xin được ghi lại như là một trong những biến động của trại Nam Hà:

“Cũng như nhiều ngàn anh em khác, năm 1976 tôi bị đưa ra bắc trên tàu sông Hương, lúc đầu thì tôi ở Yên Bái (Hoàng liên sơn), một thời gian sau chuyển lên Văn Bàn, Dương Quỳ. Đây là vùng núi non trùng điệp, không có đường cho xe hơi mà chỉ có những con đường lên dốc dành cho ngựa thồ và người đi bộ. Trên đỉnh núi thì có người Mèo, lưng chừng ở giữa triền núi là người Lô Lô và ở dưới chân núi là người Thổ và những xóm nhà lều tều của người Việt bị “chỉ định cư trú” từ năm 1954. Họ là những thành phần thuộc “ché độ cũ” thời Pháp và những “tư sản dân tộc”, trước ngày 20/7/1954 họ là những công thương nghiệp giàu có ở Hà Nội và các thành phố lớn, họ không di cư vào nam hoặc không đi lọt vào nam mà ở lại. Tài sản đã dâng hết cho nhà nước và VC đã cho họ một mảnh đất để khai thác ở vùng thâm sơn cùng cốc này. Đến tháng 8/1978 chúng tôi được

chuyển về Nam, đến trại Nam Hà A. Từ quân đội đưa qua công an. Thời gian này te tua thê thảm nhất. Nhiều người đã chết và bọn chúng phải cho gia đình ra thăm nuôi. Trại Nam Hà có 4 phân trại A, B, C và Mẽ. Ngày nào cũng có người thăm nuôi. Có người nhận được cả hơn 100 kg quà và tiền bạc. Nhất là những gia đình có thân nhân ở ngoại quốc.

Bây giờ về mặt vật chất thì đã khá lắm rồi, còn về mặt tinh thần thì vẫn còn đói. Đói tin tức về tình hình thời sự quốc tế và trong nước. Nhưng cái quan trọng nhất là cái thân phận của mình rồi sẽ ra sao. Tất cả đều bị bỏ quên để rồi chết lần chết mòn hay được chỉ định cư trú tại một cái xó xinh nào đó ở cái vùng Việt bắc lưu đầy này. Anh em bỗng có ý định tìm mua một cái radio bắt được những đài ngoại quốc như VOA, BBC hay Á Châu Tự do. Lúc đó tôi ở đội 16 chung buồng với đội 15 do anh May làm đội trưởng. Anh Nguyễn Văn May, cấp bậc Đ/U Cảnh sát chung nhiệm sở với Th/tá Trần Hàn ở Quảng Tín. Tánh anh nhanh nhẹn, hoạt bát, hay mua bán đổi chác với đám chèo. Nếu ai cần gì như thịt cây, rượu mơ hay cà phê thì đưa tiền cho anh May là có ngay vào ngày hôm sau. Bản thân anh cũng muốn có một cái radio để nghe nên anh đồng ý ngay. Anh liên lạc với tên chèo vẫn mua bán với anh, tên chèo đồng ý với giá tiền khá cao là 200\$ (giá một chỉ vàng lúc bấy giờ là 36\$). Anh em đồng ý và bắt đầu mở cuộc quyên góp, có cả những “nhà đại tư bản” là Đ/tá Phạm Kim Qui và Đ/tá Phạm Kim Lân đóng góp. Lúc giao hàng thì tên chèo bảo 3 băng nhưng đem về thì chỉ có một băng cho đài địa phương còn 2 băng kia thì không còn nghe được. Anh em thấy nản lòng nhưng tôi nghĩ là phải tìm cách sửa chữa. Tôi bèn liên lạc với Tr/tá Tôn Thất Phương, phòng 7/Bộ TTM (hiện đang ở Úc). Anh Phương xem xét thấy khó quá nhưng với sự thôi thúc, góp ý của nhiều anh em nên sau 2 ngày anh Phương bảo sửa được nhưng phải có nhựa thông để hàn những con chip lại trong cái hệ thống bán dẫn (transitor). Người ta dùng nhựa thông để gắn phân gỗ ở giữa thùng đàn. Tôi đã khai bệnh và lên mượn cây đờn ở thư viện về cạo lấy chất nhựa đó. Cuối cùng anh Phương đã hoàn thành được tác phẩm quan trọng

và ung ý nhất trong cuộc đời của anh. Công việc kế tiếp là chọn người nghe và vấn đề cất dấu sau khi nghe.

- Tôi góp ý với anh Tr/tá Nguyễn ngọc Tấn (Khóa 14 Đà Lạt) đang làm trực buổi, đào phía sau cầu tiêu của buồng một khoảng trống, gỡ một miếng gạch block và bỏ cái hộp đựng radio vào đây. Mỗi buổi chiều trước khi vào buồng thì anh Tấn sẽ ra lấy hộp dấu vào đóng tủ mà anh em khi đi lao động lấy về để nấu ăn ngay cạnh cửa sổ của anh May. Khi nghe xong thì đưa cho anh May bỏ ra ngoài cửa sổ và sáng hôm sau anh Tấn sẽ đem bỏ vào chỗ cũ. Như vậy nếu chèo ập vào buồng thì anh May cũng kịp thời đưa cái radio ra ngoài.

- Th/tá Trần tấn Hòa (Nhảy Dù), Tr/tá Ninh (Bộ TTM) và tôi có nhiệm vụ theo dõi tin tức vào buổi tối và buổi sáng hôm sau tôi “hộp báo” tường trình lại cho đại diện 19 đội kể cả đội nhà bếp. Tôi chỉ tường trình mà không diễn dịch, tóm gọn bản tin mà không bình luận.

Anh em rất vui mừng khi nghe được những tin tức từ bên ngoài. Tình hình thế giới và phong trào vượt biên ồ ạt được cả thế giới ủng hộ đồng thời cũng lên án chế độ hà khắc của VC. Những nước bắc Âu như Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy... trước đây ủng hộ trong cuộc chiến đã nhận thấy sai lầm và đã rút lại những phần viện trợ. Nhưng quan trọng nhất là thế giới dang tay cứu vớt thuyền nhân VN và mở rộng cửa cho phép định cư nhất là tại Mỹ. Việc này đánh động đến lương tâm thế giới và Quốc hội Mỹ bắt đầu quan tâm đến những người bạn đồng minh mà mình đã bỏ rơi hiện đang bị đày đoạ trong những ngục tù VC. Anh em rất vui mừng và hy vọng hết sức. Như thế mình không phải là những kẻ bị bỏ rơi. Và trong tương lai không xa chắc phải có những diễn tiến tốt lành. Đời sống trong trại rất thoải mái, lao động thì cầm chừng. Tụi chèo cũng không thể khống chế được anh em. Những hệ thống ăng ten, cò môi hình như hoạt động rất yếu ớt.

Cho đến một hôm tên chèo mua giùm radio đến bảo anh May hãy đem cái radio xuống đi, đừng giữ lại không tốt đâu. Anh May về nói lại anh em. Có người tiếc bảo cứ giữ một

thời gian nữa. Có người bảo cái radio đã bị lộ rồi hãy đem phi tang ngay, kéo nguy hiểm. Vì ai cũng biết trong thế giới CS vấn đề tin tức từ bên ngoài đều bị ngăn chặn bởi những bức màn sắt hay những bức màn tre. Đối với dân cũng triết để không được bắt đài ngoại quốc mà chính quyền chỉ cho lưu hành những loại radio chỉ có một băng bắt luồng sóng của chế độ. Các nhật báo, tuần báo cũng đều phải rập khuôn một luận điệu. Chứ đừng nói gì tù. Nếu vỡ lở ra có thể bị bắt, bị đánh đập và đưa đến tử vong. Cuối cùng anh trực buồng Tân đã quăng cái radio vào lò lửa nhà bếp.

Mất cái radio như mất một món ăn tinh thần rất quan trọng. Ai nấy cũng đều thần thờ như thiếu vắng một cái gì đó trong đời sống hằng ngày. Băng đi một thời gian, chẳng thấy động tĩnh gì. Một số anh em ở buồng 12 như Tr/tá Yên (Không quân), Đ/U Hằng, buồng 15 đến nói với anh Trần Hàn nhờ anh May mua lại cái khác. Thật sự anh Hàn cũng muốn nghe tin tức hằng ngày nên anh đồng ý. Còn anh May cũng rất nể anh Hàn vì là “xếp cũ” của mình. Anh em lại vận động tiền bạc để mua. Chính tôi cũng bán một bộ quần áo mà vợ mới đem ra thăm nuôi.

Cái radio mới nhỏ và gọn hơn và có đủ 3 băng, nghe được đài ngoại quốc mà không sửa chữa gì cả. Được một tuần lễ sau thì tôi phải chuyển buồng 6 vào đội bóng chuyên của các anh Lê Kim Lợi, Bảo Thái... nên công việc nhận và phát tin giao cho anh Trần Tấn Hòa và anh Ninh.

Được 3, 4 tháng sau thì đợt chuyển trại đầu tiên về miền Nam (8/1980) xảy ra càng làm cho anh em vui mừng và tin tưởng vào những tin tức phát đi hằng ngày. Nhưng cũng có một sự kiện quan trọng; đó là hằng ngày đi lao động về anh em có thấy một đám công an lạ mặt đặt trên đỉnh núi Đầm Đùn một giàn máy mà sau này anh em biết được là máy trắc giác dò tìm làn sóng phát đi mà chúng nghi từ trong trại A. Nhưng cái radio chỉ là cái máy thu mà thôi.

Một buổi sáng sớm, anh em còn đang ngủ thì một số đồng công an lạ mặt và các vệ binh của trại ập vào hai buồng 15 và 16. Chúng ra lệnh cho tất cả ra ngoài và người nào được gọi tên thì vào đưa đồ đạc ra để khám xét. Chiếc radio mà

anh Hòa và anh Ninh nghe đêm qua đã được bỏ vào hộp thiếc và chuyển qua bên anh May nhưng anh May chưa kịp bỏ ra ngoài cửa sổ mà vội vàng quá anh vất đại trên đường đi. Anh May là buồng trưởng nên được khám xét lúc gần chót. Trước đó anh Hồ Hoàng Khánh hỏi anh Hòa cái radio để đâu thì anh Hòa báo đang để chỗ anh May. Tới phiên anh Khánh được gọi vào để khám xét thì anh thấy nó nằm trên lối đi giữa nhà nên khi đi ngang, bằng một động tác rất nhanh và gọn anh đã hất nhẹ cái hộp thiếc đựng cái radio vào đồng hồ đặc đã khám xét rồi mà không có thằng chèo nào thấy được. Anh Khánh là Trung sĩ trong Liên đoàn Người Nhái, là một võ sư về Karaté. Năm 1973 anh được đưa qua Nhật để học 2 năm và thi đấu đệ ngũ đẳng huyền đai về không thủ đạo (Karatedo). Anh bị bắt năm 1978 vì những hoạt động “phục quốc” từ bên ngoài. Cho nên mặc dầu khám rất kỹ 2 buồng 15, 16 mà chúng vẫn không tìm thấy cái radio, tuy nhiên chúng cũng tìm thấy được một “tang vật”. Đó là tờ giấy mà khi mua chiếc radio đầu tiên, anh May đã yêu cầu chèo viết cho anh mấy chữ nói có nhờ anh sửa chữa cái radio. Sau đó thì anh May bị bắt lên điều tra thêm. Chúng dùng nhiều cực hình nhưng anh May nhất mực nói là đã giao lại cho tên chèo đó rồi. Chúng nhốt anh May vào nhà kỷ luật trong 3 ngày và cho người xác minh lại với tên chèo kia. Sau đó chúng đoán quyết là anh May còn giữ cái radio kia. Anh May chấp nhận bị đánh và không khai cho ai cả. Riêng anh Trần Hàn thấy lòng mình nặng trĩu và có phần nào hối hận mặc dù anh không nói ra. Còn cái radio thì sau đó được anh Khuyên, trực buồng 15 đem đi “hỏa táng” an toàn. Sau đó chúng bắt thêm một số người nữa trong đó có hai anh Phạm Kim Qui và Phạm Kim Lâm. Riêng phần tôi, anh Hòa và anh Ninh cũng chuẩn bị tâm tư và chấp nhận chịu đòn và nhất định chối là thượng sách vì chúng đã không tìm thấy tang vật. Khoảng 10 ngày sau chúng thả anh May về, xơ xác và bầm dập hết sức. Anh em nhìn ai nấy cũng đều ái ngại. Riêng anh Trần Hàn thì có vẻ suy nghĩ lung lăm. Khuôn mặt anh có vẻ trầm tư nhưng thái độ anh vẫn trầm tĩnh. Tôi thường đến trấn an và nói với anh:

Mình ráng chịu một thời gian rồi mọi việc sẽ đi qua vì nó không có bằng chứng nào để buộc tội mình cả. Nhưng anh Hàn chỉ cười nhẹ mà không nói gì. Dầu sao tôi cũng chỉ là dân “tác chiến” nên có những suy nghĩ khác với những anh em trong ngành cảnh sát đặc biệt và an ninh tình báo. Chắc chắn anh có những suy tính và quyết định mà tôi không thể nào biết được. Chúng tiếp tục bắt một số người vào chiều hôm trước trong đó có anh Trần Hàn và sáng hôm sau thì chúng tôi nghe tin anh Hàn đã chết. Đa số anh em đều nghĩ là anh Hàn đã bị công an đánh chết, nhưng tôi lại có một suy nghĩ khác và tôi tin đó là sự hy sinh có tính toán của anh. Dĩ nhiên tôi không biết được những tính toán có vẻ nghề nghiệp của anh, nhưng tôi linh cảm là như vậy. Bởi vì sau đó thì không còn bắt bớ nữa và nội vụ cái radio cũng chìm xuống luôn...

Đó là những biến động ở trại Nam Hà, đa số là ở trại A. Dĩ nhiên vẫn còn những sự kiện khác nữa mà tôi không thể ghi hết được. Hôm nay ngồi viết lại những sự kiện có thật 100% đã xảy ra trong quá khứ, một thời kỳ đen tối nhất của lịch sử Việt Nam. Điều này không phải để gợi lại một niềm đau, một nỗi khổ hay sự thù hận mà để nhớ lại và ghi nhận một sự chịu đựng của cả một thế hệ đã bước vào một khúc quanh cực kỳ đau đớn tủi nhục, tù đày, chết chóc mà hơn 100.000 quân cán chính VNCH đã phải gánh chịu một sự tra thù tàn bạo nhất, hèn hạ nhất mà miệng thì luôn luôn nói những điều nhân nghĩa, nhưng đó chỉ là sự lường gạt và dối trá. Bao nhiêu người đã bỏ thân trên biển đông. Bao nhiêu người đã chết trong những khu rừng âm u trên đường trốn chạy.

Viết để cho thế hệ con cháu thấy một điều: ***bản chất của chế độ cộng sản vẫn là độc tài, độc đảng và độc ác.***

Qua gần 35 năm rồi cái bản chất đó vẫn không thay đổi và sẽ không bao giờ thay đổi khi con quái vật của thời đại là cộng sản vẫn còn đó. ***Chỉ có một điều duy nhất là phải diệt nó đi.***

Mặc dầu mọi chuyện đã đi vào quá khứ, nhưng tôi muốn kể lại một chặng đường tù cải tạo tương đối giống nhau mà

tất cả Quân cán chính đã trải qua một thời gian đen tối, gánh chịu mọi sự trả thù tàn bạo do CSVN gây nên. Lúc rảnh rỗi mọi người đọc lại để nhớ lại câu “Mất nước là mất tất cả”. Trong lúc trà dư tửu hậu kể lại con cháu nghe, để nhắc nhở chính ta và un đúc tinh thần con cháu chưa hiểu CS, biết bản chất tàn bạo của CS không bao giờ thay đổi và mãi mãi không thay đổi. Thái độ dứt khoát không sống chung với CS và luôn luôn không chấp nhận CS.

“Muru sự tại nhân thành sự do thiên”, CS muốn diệt tất cả Quân Cán Chính VNCH và cả gia đình họ để trừ hậu họa. Nhưng trời không chiều kẻ ác tâm nên chúng ta vẫn còn sống đến ngày hôm nay, thanh thân tuổi về chiều bên cạnh con cháu có mức sống khả quan và ổn định. Luôn tích cực tham gia cũng như yểm trợ các phong trào giải thể chế độ CSVN để quang phục quê hương và mang lại sự no ấm cho hơn 82 triệu đồng bào đang đau khổ dưới sự đày đọa của chế độ CSVN.

MX / Mai Văn Tấn



Tân mạn



Sơ bồng



Để nhớ những ngày đầu dưới mái trường Võ Bị.

Khi quyết định sẽ vào Đà Lạt, lúc đó, tôi vẫn không hiểu rằng mình đã quyết định đúng hay sai, ở tuổi 21, đủ chín chắn chưa? Cũng chẳng biết, có lẽ chưa thì phải, đang học ở Đại Học, mà học gì đâu? Lệnh động viên nằm ngay sau lưng, nó hả cái còng sau gáy, thử sơ sẩy coi, nó túm lấy cổ quật té cái rầm liền, con số theo đuổi được việc học quá ít, mình lại ở con số quá nhiều, gọi là đa số đấy, bị các quân trường chực chờ cuốn hút, các quân trường như cái hố đen trong vũ trụ, hút hết đám thanh niên, ôi 21 tuổi, đáng lẽ còn là tuổi vui chơi, nhưng chiến tranh đã ở đâu đó rồi, dần dần hiện ra rõ ràng ở khắp nơi, ngay tại cái thành phố này, gọi là Thủ đô, những bộ quân phục trên hè phố nhiều không kém gì những tà áo mầu, những chiếc xe nhà binh chạy qua lại trên đường

phố không kém gì với taxi, đêm nằm ngủ, thỉnh thoảng có tiếng ì ầm từ xa vọng về.

Vậy là chiến tranh to rồi đấy, vậy là ta phải làm sao đây? có mấy cái hồ đen đầy thối, đưa đầu vào cái hồ nào cho nó hút: Đà Lạt, Thủ Đức, Không Quân, Hải Quân, đang phân vân sao xuyên thì hôm tới nhà thằng bạn thân gặp anh nó ở quân trường về phép, ông ấy đang học khóa 19 Đà Lạt, ông tên Đức, Nguyễn Chí Đức, rồi được đưa đi chơi, buổi tối dự sinh nhật bạn gái nó, tôi thấy mình hơi thừa trong buổi tiệc này, mấy cô gái hỏi chuyện anh Đức nhiều hơn, có phải trông anh rần rở? Có phải anh có đôi má rám hồng của người hoạt động nhiều ngoài trời lạnh? Có phải trông anh oai vệ hẳn lên với bộ worsted? Có phải, có phải... có nhiều cái có phải nơi anh Đức và vì thế, có phải tôi biết mình sẽ chui vào cái hồ đen nào.

Khóa 21 ấy được hai trăm bốn mươi mấy người, mỗi người có hoàn cảnh khác nhau để vào đây, cuối năm trời lạnh, lòng bơ vơ xao xác, xao xác chứ không phải sao xuyên, xao xác rồi thành xào xạc, tóc tai dựng đứng, áo quần toi tả, rồi biến thành cục bột cho người ta nhào nặn, khi người ta moi tay để nhào nặn thì tự mình nhào lộn, ngay ngày đầu tiên, bộ civil trên người te tua, chạy khờ người, bắt đầu lạng quạng, lờ quờ rồi thì gặp vị khác hét toáng chỉ ngọn đồi bắt chạy tuốt lên đó mà lặn xuống:

Chạy lên đồi cao làm cục đá lặn lặn xuống đường mương thành con cá sấu bị bõm mà bò mặt mày lơ lảo rồi đứng lên báo cáo bò thêm.

Ngày tháng lặng lẽ trôi, cũng chẳng lặng lẽ gì đâu, tiếng quát tháo ban đầu còn làm sợ hãi, lâu dần, mất hết cả tri giác, bị phạt lúc đầu, mặt mày thất sắc, sau mặt trở ra như cục đường phèn. Tôi nói cục đường phèn chứ không phải cục đá vì cục đá thì nó còn giữ được nguyên dạng, đường này, mặt mày nào có được nguyên dạng, lúc bắt cười, lúc bắt mếu, lúc hô, lúc hát... tóm lại mình chẳng còn là mình. Tôi nhớ giữa lúc ăn cơm, Nguyễn Hữu Chính bị bắt đứng lên ghé cười, nó cười nhưng bụng nó đang mếu vì tôi thấy cặp mắt kiếng nó xệ xuống, lấm tấm mồ hôi, cười gì mà mặt mày thất sắc, môi

run run. Hai tháng cũng đủ làm mình biến dạng, tóc ngắn trắng hếu, da dẻ đen nhem nhưng lạ là ai cũng lên cân, Nguyễn Hữu Chinh một bữa nó ăn 11 chén cơm thì làm gì mà không lên cân, người ta nói không tin, cây garant lúc mới vô cầm nặng chình chịch, hai tháng sau, đưa lên nhẹ nhàng!

Tất cả rồi cũng qua, lần đi phố đầu tiên, cũng bày đặt làm quen được với người Đà Lạt, mới sống chuồng mà, phần cũng bởi sự tuyên truyền lúc còn ở SG: Sĩ quan Đà Lạt oai lắm, tưởng mình oai thiệt, thấy hai cô gái bèn cười toe sán lại làm quen, có phải vì mặt mày ngơ ngáo, có phải bộ kaki trên người trông ngô nghĩnh nên người ta thương hại bắt chuyện, bước vào Tùng, hai tháng không được hút thuốc, giờ phun phì phì, rung đùi cầm ly cà phê trịnh trọng như Khang Hy uống sâm, trông oai lắm, thấy đàn anh bước vào, giật thót cả người, giật hơi sớm đấy, lát nữa về trường tha hồ mà giật, đúng y như tin tức rò rỉ ra từ trước, cả lũ bò lồm ngồm từ ngoài bò vào, trước đó tập họp ở cổng Nam Quan bị nghe kể đủ thứ tội của cuộc đi phố hôm nay, bò cạnh tôi, Lê Đình Long cùng ĐĐ lăm bằm: ù má, thẳng nào mà ngu thế, đứng ở hồ Xuân Hương mà đái để bị bắt gặp, tôi nói nó im đi mà bò, vậy mà nó vẫn còn ầm ức, tối lèm bèm về đưa nào đái ở Hồ Xuân Hương, tôi nạt nó: sao mày ngu thế, phạt ngày đi phố đầu tiên là truyền thông, sưng rồi khô, khô rồi sưng, thợ giặt họ không nói trước mấy ngày rồi là gì, mà thợ giặt ở đây hay thiệt, cái gì họ cũng biết” - các ông đi phố lần đầu về là tui tui mệt lắm, phải giặt cật lực, áo thì cùi chỏ, quần thì đầu gối dính đầy đất và cỏ”. Lê Đình Long ra trường chưa được một năm thì chết.

Giữa năm thứ nhất, thằng bạn viết thư cho biết anh Đức của nó đã tử trận trong một cuộc phục kích ở Bến Cát, Bình Dương (SD5), tối đó, tôi đọc kinh cầu nguyện cho anh, anh cũng Công Giáo như tôi, cầu xin anh đã dẫn dắt tôi vào đây thì xin phù hộ cho tôi được bình an, anh đã phù hộ tôi thật, cho tôi cuộc sống bình an kéo dài nhưng là một cuộc bình an trong trần ai khoai củ, mười năm tù, vượt biên tàu hư máy suýt vùi thây đáy đại dương, rồi phải tha hương nơi xứ người, cao huyết áp, đái đường, cholesteron... chẳng biết

sống, chết cái nào sướng hơn.

Một lần ra phố, gặp một cô gái Bùi Thị Xuân có đôi má hồng như hai trái cà chua chín, thấy cô bé vào tiệm sách tôi cũng lò mò vào theo, cái gì không giỏi chứ tán gái thì tôi cũng có chỉ số, cô ta đang chọn lựa cái gì đó, tôi lại cạnh làm bộ như cũng đang tìm cái gì, khi thấy không có ai chung quanh, tôi nói nhỏ: bán cho hai trái cà chua đi - cô bé ngược lên nhìn, ôi đôi mắt màu hạt dẻ, đôi má đã hồng giờ lại càng hồng thêm, làn da trắng bóc làm say đắm lòng người thấy ghét - bán không? - Cô bé thể mà bạo dạn: không bán đâu, mắc lắm. - A, chịu trả lời, tôi chỉ cần có thể, cá đã mở miệng cắn câu, chuẩn bị sốc tới thì cô bạn cô ta lại kéo tay: “Thôi đi Hiên, trễ rồi”, ngẩn ngơ hụt mất cơ hội, tiếc quá, tiếc như lúc Bùi Bồn nó dẫn banh gần sát khung thành của đội Sinh Viên Đà Lạt rồi sút ra ngoài, thôi cũng được, biết tên nàng là Hiên, ở đây thôi, thể nào rồi cũng có ngày gặp lại.

Quả nhiên, trời không phụ lòng người, ở hiền gặp lành, chủ nhật sau ra phố thì gặp lại nàng, vẫn mái tóc chấm vai, vẫn là hai trái cà chua mắc lắm không bán đâu, tôi định tiến đến nhưng rồi khựng ngay lại, đi bên cạnh nàng là thằng bạn cùng khóa Nguyễn Công Bình ở ĐĐ. B, hai người chuyện trò vui vẻ, thân mật, ôi, lâu đài chưa xây mà đã sụp, tan nát cả cõi lòng. Vậy mà, xem nào, hơn bốn chục năm sau, năm 2008, “gặp” lại Nguyễn Công Bình trên Diễn đàn khóa 21, tôi hỏi nó về cô gái tên Hiên năm xưa, nó bảo: tao cũng có sơ múi gì đâu, Hiên lấy một ông nào K20 mà.

Thôi, thể cũng hả dạ, cứ ám ức là thua nó vì nó đẹp trai hơn mình, còn mồm miệng thì chắc gì nó đã hơn tôi, mỗi hận lòng hơn 40 năm sau mới được giải tỏa, thể rồi sau đó lại để ý tới người đẹp tên Lan ở phố Đắc Tín, nàng là con gái của ông chủ tiệm, chả nước nôi mẹ gì, này nhé, từ sáng sớm tới chiều nàng cứ đứng cạnh thùng phở xúc bánh lia lịa, có thấy bước ra ngoài đâu mà hồng đòi mua cà chua với cà pháo, con gái Đà Lạt sao mà ai cũng có hai gò má đỏ hồng thấy ghét, Lan lúc nào mặt cũng ửng đỏ có lẽ vì đứng gần bếp và làn da rất bóng bẩy, chắc tại hơi mỡ gâu bay lên chằng. Thế rồi cũng mãi 40 năm sau ở nước ngoài, hỏi thăm mấy khóa đàn

em về người đẹp tên Lan thì được trả lời: cô ấy lấy một VB khóa hãm mấy gì đó, tay này đi Không Quân thì phải, thôi thế cũng được, toàn là Võ Bị cả, lọt sàng xuống nia, không đi đâu mà mát, đừng lấy Cảnh sát Dã Chiến là được rồi.

Có một điều tôi “hạnh diện” là suốt 2 năm ở đó, chưa một lần nào phải trình diện Bác Sĩ Giá, có lẽ mình ở hiền gặp lành hay mình tác xạ dở, mà tôi tác xạ thật, hôm bắn carbin, bắn bao nhiêu viên mà chẳng có viên nào chui vào cái hình bia VC đội nón cối, chính lỗ chiếu môn hết qua phải lại qua trái, vẫn vậy, bị phạt bò lồm ngồm từ thêm bắn lên bia rồi từ bia bò về thêm bắn, có mười hai mét rưỡi mà mệt muốn chết, sau đổi cây súng của ai bắn xong để cạnh đây thì trời thương, bắn như gom bi vậy, viên nào viên ấy cứ chui tọt vào tâm điểm, hôm chào cờ thứ hai, được kêu tên lên lãnh bằng thiện xạ, Nguyễn Văn Hải chung phòng nó cứ tùm tùm cười vì hôm tôi bị bò nó bắn cạnh tôi chứ đâu, nó bảo tôi là thiện xạ bò làm tôi mắc cỡ không dám đeo cái huy chương thiện xạ trước ngực như bao đứa khác.

Có một điều nữa mà Hồ Văn Các- dit- Công Tử Bến Tre cứ lèm bèm là hồi trong trường, thằng Xuyên này nó sượng lắm, chẳng phải đi gác gì cả, chỉ lo tập đờn địch không thôi, mà thật vậy, có gác chẳng là hai tháng tân khóa sinh, còn lên năm thứ nhất thì trong ban văn nghệ, bận tập tành nên được miễn gác, rồi đi phát thanh, lúc đó còn khóa 20, ban nhạc có NT Quách Vĩnh Trường chơi đàn Mandoline, sau khi ra trường, ông bị trái lựu đạn trở thành tàn phế, cụt một tay và một chân, bàn tay còn lại cũng cụt mất mấy ngón. Năm 70, tình cờ gặp lại ông tại phi trường T.S.N. hôm đưa người quen đi du học Tây Đức, tôi gặp NT Trường khi vừa Tây Đức về, ông qua đó để các BS ráp chân tay giả cho ông, tôi nắm tay NT Trường ngậm ngùi nhớ lúc trước đi thâm thanh, ông với chiếc Mandoline say sưa đệm cho người hát.

Năm thứ hai, tôi ở trong Ban 5 và làm trưởng ban Văn Nghệ, cứ mỗi buổi sáng một ngày trong tuần (lâu không nhớ là thứ mấy), ban văn nghệ ra đài phát thanh Đà Lạt để thu thanh cho tiếng nói Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, ban văn nghệ có Nguyễn Đức Bông, Nguyễn Đăng Lâu, Hồ

Đặng Xứng, Nguyễn Tứ Đức (đã hy sinh, Dương Minh Đức, Nguyễn Quang Thuật... và mấy khoá 22.

Xứng và Lâu gù được 2 Bùi Thị Xuân, thỉnh thoảng những lần đầu thanh, hai người đẹp chờ tại đài phát thanh. Ít lâu sau, thêm một người nữa xuất hiện, bạn của hai cô nọ, tôi quen với người thứ ba này, tên là Hoa. Năm 66 họ mới học đệ tam hay đệ tứ thì phải, Hoa không đẹp xuất sắc nhưng dễ thương, cách nói chuyện, cư xử rất ngây thơ, thật thà. Cuối năm mãn khóa, tôi chẳng có gì mà phải xách va ly đi cửa sau, vì nàng thật thà quá nên mối tình cũng rất thật thà, tức không dám đụng chạm gì tới thân thể của nàng, chuyện chia tay cứ như cái lương: em về đi, anh đi, anh là trai bốn phương trời, có giọt nước mắt nhưng có gì đâu để mà níu kéo, mà níu kéo thế nào được, ngay chính anh cũng còn chưa biết đời mình rồi sẽ tung hô đi mãi đâu, anh hứa sẽ quay trở lại, nếu lâu anh không về nữa thì em cứ xù anh đi Hoa ạ, tội nghiệp người tình thật thà. Hơn 40 năm sau, lạ thật, những người mình quen cứ phải hơn bốn mươi năm sau mới biết tin, Hồ Đăng Xứng từ Mỹ cho biết Hoa hiện đang ở San Jose, mới bị tai nạn xe phải chống nạng. Thế mà năm 2006 qua đó, ở chơi mãi San Jose với Nguyễn Đức Bông với Lê Hồng Điều mà không biết. Có thể Xứng nó thấy tôi có mang rờ mọc theo nên nó lờ tịt, chắc nàng cũng đã là bà nội, bà ngoại rồi. Xin được gửi lời chào người tình thật thà năm xưa.

Trong cuốn Đặc San K21 năm 2006, tôi có viết là khóa 21 có những cái tên hơi lạ mà những cái tên này lại trùng tới 2 người mang như Luy, Truy, Răng, mãi bây giờ tôi mới biết Luy là phiên âm của Louis, thế ra là hai ông Tây lấy tên Việt, vậy mà lại quên bém mắt ông Tây 100% là Rô Be, tội nghiệp, hồi mới vô Rô Be cứ bị phạt vì cái tên: “Tây nó đi lâu rồi anh còn vào tính kiểm chuyện gì đây”. May là khóa 20 không biết Luy là Louis, nếu không 3 ông thực dân này bị phạt một nghỉ. 2006 qua Mỹ, gặp Rô Be, tôi nhận không ra, nó ốm và già đi nhiều, đi ngoài đường đụng nhau, chắc tôi không thể nào nhận ra.

Trong lần về diễn hành Quốc Khánh ở Sài Gòn tháng 11-65, sau ngày diễn hành, SVSQ K.21 được đi phố, lúc ngang

qua Mai Hương, thầy Nguyễn Như Chương ĐĐH đang đứng xớ rớ ở đó, thầy tôi, nó túm lấy: ùm mạ, mi đi mô, cho tao đi theo với - hóa ra chàng ngoài Huế, chưa hề biết SG, chắc nó sợ lạc đường không biết lối về lại trại. Cũng tại Mai Hương vài năm sau, hôm đó về phép gặp Liên Khi Gia, nó rủ tôi đi chơi, nó vỗ bụng bôm bốp: đi chơi với tao, đừng lo thiếu tiền, nhiều lắm. Tiền nó để đầy trong bụng, chàng là trưởng trại LLDB mà, Liên Khi Gia mới qua Úc chơi, mấy 21 bên này tiếp đón vui vẻ. Hơn 40 năm sau, gặp lại bạn bè cũ, tất cả đã già, dĩ nhiên là phải già rồi nhưng tại trong đầu chỉ giữ được hình ảnh của người SVSQ năm 1966 thành ra lúc gặp nhau, cứ nghiêng nghiêng ngó ngó: phải nó không, thì ra ai cũng tàn tạ quá mất rồi! Ôi thôi, một ngày nào, tụi mình sẽ như ông đồ của Vũ Đình Liên:

*Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.*

Phải, ông đồ không còn nữa, Lê Khương không còn nữa, mai một sẽ từ từ theo nhau không còn nữa, vậy mà còn kính nhau cái gì, thương nhau đi chiều hôm tối rồi.

TRẦN NHƯ XUYỀN E/21



DC Tạp Chuyện

Trưởng áp Thái Phiên: Trần Quang Duật



Người viết: Năm 1932, một trận tuyết lớn đổ xuống DC, lúc đó quý vị KPTT chưa có mặt trong cõi đời ô trọc này. Tuyết rơi khoảng 13 inches. Cuối năm 2009, một trận snow storm giáng xuống DC, khoảng 15 inches. Trưởng áp chịu trận, đây là trận bão tuyết lớn nhất, đã 10 ngày, tuyết vẫn như đồi núi Đà Lạt dọc bên đường. Đọc email của những nhân vật trách nhiệm về đặc san. Tớ còn nợ quý dzị một bài. Bài viết về khóa. Đang loay hoay tìm chủ đề, thì từ dưới basement vọng lên: “... Ngày vui nào còn dài” qua tiếng hát của Vũ Khanh. Thế là trời không nỡ hại Sa Dzê rồi. Chủ đề đã có. Bây giờ gõ computer để trả nợ “Khóa” như đã hứa.

Theo thông lệ, cho tớ được gửi lời chúc sức khỏe an vui, hạnh phúc đến tất cả những niên trưởng vẫn thường xuyên sinh hoạt với khóa, các bạn khóa đàn em và những người vẫn còn nghĩ mình Không Phải Tầm Thường...

I. NGÀY VUI NÀO CÒN DÀI.

1. Niên Trưởng Lý Văn Mẹo

Tớ là dân Bắc kỳ 72 phần dẫu. Nhớ lại ngày đầu đạt chân đến Sài Gòn, chỉ vì chữ “vào” với chữ “dzô, phụ thêm câu “Bắc kỳ ăn cá rô cây, ông trời quả báo hàm răng đen thùi” mà đã ứnh lộn với mấy anh chàng “giá sống” không biết bao nhiêu trận, để rồi khi về binh chủng TQLC đa số anh em binh sĩ lại là người Sè Gòn. Cho nên gần mực thì đen, gần **Đút Bống** thì tối om. Tớ quen cái dể dãi và phóng khoáng của dân giá sống, không còn cái khách sáo, màu mè của dân rau muống hoặc ớt nữa. Đi tù về, cưới dzợ, dzợ tớ là Nam kỳ 100 phần dẫu, không sai một ly ông cụ, thế mà khó khăn và hay sửa lưng tớ một cách rất ư là Bắc kỳ. Chính hiệu Bảo Hiên Rồng Vàng...

Mấy năm gần đây, gần đến mấy ngày lễ hoặc Tết là thế nào Lý chường môn cũng gọi phone chúc các cùi, đặc biệt là C lớn C nhỏ. Khô một nỗi, mỗi lần Đại ca gọi là có bà xã ngồi cạnh, sau phần chúc Tết thế nào cũng bị bà xã cho một bài disceptation moral, Bô phải nhớ gọi chúc trước mới phải đạo. Phải nhớ câu: “Tiên học lễ, hậu học văn chú, anh Mẹo là đàn anh, mình là đàn em, giấy rách phải giữ lấy lề. Đâu phải ở Mỹ, mà quên đi đất lề quê thói của Việt Nam mình được, cá đối bằng đầu v.v...”. Ậm ừ cho qua cơn động não theo lời khuyên của Mai Văn Tấn... Năm nay, Xmas Eve, dzợ hỏi:

“Bố đã gọi phone chúc niên trưởng Mẹo chưa?”

Tớ hiên ngang như hồi hô anh em TQLC xung phong ứnh Vịt Con trong các trận đánh trên bốn vùng chiến thuật.

“Rồi” một cách oanh liệt.

“Thế ai phone trước, anh Mẹo hay bố?”

“Trăm phần trăm là bố”.

Dzợ tớ liếc xéo, phán tiếp:

“Good job, nhớ còn Tết ta nữa nhé. Mình là người Dziệt mà”. Một niên trưởng đầy tình thương với khóa đàn em, luôn có mặt trong tất cả đại hội của Cựu Sinh Viên Sĩ Quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, sự hiện diện của Chường

môn đều được đáp lại một chân tình ấm áp tràn đầy nghĩa Huynh đệ chi binh của các khóa đàn em dành cho **Niên trưởng Lý Văn Mạo**. Đại đội trưởng Đại đội C. Riêng với gia đình tôi xin giữ chân tình này như một bảo vật trong cuộc sống phù phiếm nơi xứ người. Luôn cầu mong Niên trưởng và gia đình an vui và hạnh phúc.

2. Niên trưởng Tô Văn Cấp - K.19

Của đáng tội, nếu về TQLC mà là khóa lẻ, chắc chắn đường công danh, thăng quan tiến chức trong binh chủng không thể nào bằng các khóa chẵn được. Không tin quý vị cứ hỏi Bùi Bôn, Nguyễn Kim Thân, Nguyễn Trung Việt, Mai Văn Tấn hay Nguyễn Quang Đan thì rõ. Xin đừng ngạc nhiên khi đọc bài của Niên trưởng Tô Văn Cấp viết đẹp cho những chàng KPTT ở trong binh chủng của tớ. Riêng tớ, tớ rất thích phong cách đàn anh của vị Niên trưởng này, đặc biệt hỏi ông quận Củ Chi hay Chi Cu thì rõ, khi hai người cùng chung một trại tù. Ông đã giúp quan huyện Lê Xuân Sơn như thế nào để Sơn không gặp những khó khăn với bọn cai ngục. Thế mà, đến Mỹ, Sơn vẫn quên chưa một lần thăm hỏi cho đủ nghĩa ân tình anh em một Mạ. **What's wrong with it?** Khi quận Sơn có trong người một bồ điển tích chữ Hán, chữ Tàu. Để hiểu rõ thêm chắc phải hỏi ông quận Phú Giáo Nguyễn Văn Hải, đệ tử ruột của tướng sạch Lê Nguyên Vỹ xem trong Hán học có câu nào, tích nào có thể áp dụng trong trường hợp của ông quận Chi Cu này không?

3. Niên trưởng Trịnh Trân - K.20

Sau tám tuần lễ sơ khởi, được sắp xếp ngồi cạnh bàn của Niên trưởng, ông nói với khóa 20 cùng bàn như sau;

“Tụi bay ăn thì cũng phải đi lấy com, không có lý do gì bắt mấy anh khóa 21 lấy hoài. Mấy anh đó đâu có nhiều thời gian, họ còn bị phạt nữa”.

Nói xong với khóa 20 xong, ông quay sang bàn tôi nói:

“Từ nay khoá 20 lấy com tháng chẵn, khóa 21 lấy tháng lẻ”.

Tôi liếc nhìn vị Niên trưởng bị khóa 21 đặt cho cái tên là “Làm giường như ổ bánh mì” đẹp trai, vui tính. Nhà văn Ngô Kim Thu, vì anh, chị đã viết về **Một thời cho Alpha Đỏ** và **Một đời cho mũ Nâu**, bây giờ tặng Niên Trưởng Trịnh Trân, một tác phẩm để đời **Chú Cọp Con**. Năm 1966, gặp lại Niên trưởng trong bộ quân phục BÐQ tại Biệt Khu Thủ Đô, ông có vẻ không được vui, không hiểu lý do gì. Tôi chào ông, ông đứng dậy bắt tay và nói:

“Ra trường, cẩn thận thời gian làm trung đội trưởng, dễ chết nhất, học kinh nghiệm qua hạ sĩ quan và binh sĩ để tồn tại”.

Tôi cảm ơn ông. Thế rồi, những năm 70, tại nhà tù Tân Lập, Vĩnh Phú với bộ đồ tù Hilton, vẫn vậy, vẫn tiếng cười “hí hí” và thêm câu nói:

“Thôi, Duật ơi, nhắc chi chuyện cũ, cho đau lòng”.

4. Lưu Đức Tờ - K.25

Không hiểu người **K.P.T.T** Đông Duy Hùng khi làm Tiểu đoàn trưởng ở sư đoàn 5 đánh đấm và chỉ huy nằm thao mà nhân vật khóa đàn em này trong bất kỳ party nào của lính hoặc của võ bị đều nói:

“Khóa 21 là khóa ông Thầy của tôi, qua ông Thầy Đông Duy Hùng v.v... ông nào cũng dữ cả, chửi thề như máy, ứnh giặc như điên, bênh đàn em thì tới bến”. Từ đó tớ được thom lây nhờ thằng bạn giảng hồ từ ngày còn mang Alpha đỏ.

Đây là một người khóa đàn em rất tốt và rất trọng khóa 21. Nhờ “Mắt Sâu Tội Lỗi” mà K. 21 ở DC sáng giá lắm. Xin một lần cảm ơn mày nhe Hùng.

II. HAI NĂM ĐẠI DIỆN KHOÁ.

Hùng Sùi bắt tớ viết về thời gian làm Đại diện khóa. Không hiểu nó có ý định tranh cử với Trung hoặc Trần trong nhiệm kỳ tới hay không mà nó nói viết để rút kinh nghiệm. Thôi thì bạn bảo cũng quan trọng như dzợ vậy. Đứng theo nghĩa bạn, bây giờ đếm không đủ năm đầu ngón tay. Cho phép tớ sơ lược thời gian làm tư lệnh những chàng trai “Không Phải Tầm Thường” theo nghĩa dân gian là “mát”

nhất là ở thời điểm tạm cho là già, già thì yếu đủ mọi mặt, nhưng mạnh về hẹp hòi, cố chấp, định kiến, nhỏ mọn và thủ cựu. Đúng không quý dzi?

Đến đây, nếu thấy mình không đúng những gì mà Trường Ấp viết, cho tở hai chữ đại xá **Dzà dzôi**. Hay quên lắm, không nhớ mình đã dziết gì.

1. Bản tin.

Trong hai năm, làm tư lệnh Ủ li bản tin được trình làng bao nhiêu lần là bấy nhiêu lần gia đình tở có “big fightings”. Nhiều khi thấy hai cô công chúa ngồi khóc, cô em út của bà xã phải nhảy dzô cứu bồ. Để cease fire. Hai vợ chồng tở hát đồng ca nhưng hát bằng hai vẻ khác nhau vì sở học computer của tở được Nguyễn Thái Dũng phang cho một câu xanh dờn: “**ngu không tương được**” thì cãi nhau là đúng 100%. Ngẫm lại, Nguyễn Thái Dũng nói đúng. Anh em H.O sang Mỹ làm gì có thời gian đi học. Đến Mỹ, là cày ngày, cày đêm (Bông Sơn đừng hiểu theo nghĩa cày của Bông Sơn nhe!) để con cái không bận bịu, có thời gian học hành, nhờ vậy, mà thế hệ thứ hai này đã không làm hổ danh H.O. Như con Út của Phan Văn Ngọc nói với bố:

“Con cái của sĩ quan tù cải tạo, thông minh, học giỏi và rất thành công”.

Bây giờ, nhờ chúng chỉ vài chiêu căn bản để gỡ bài nộp cho đặc san của khóa là dzui dôi.

Nghĩ lại thời làm đại diện khóa, mà nổi da gà, vẫn dzun như nghe đạn pháo 130 ly của con cháu già Hồ trong lần bị bao vây tại căn cứ Barbara vùng I.

2. Thượng Phong Bùi Văn Trọng - Đi Houston.

Trong tháng đầu, mọi việc in ấn bản tin của khóa do Thượng Mã Phong Bùi Văn Trọng giúp đỡ. Một chuyện hiểu lầm, vì cái tính hay đùa quá u là cả chớn của tở, Trọng tắt vô tuyến. Bất chước những người sống ở Mỹ lâu, tở gọi phone đến nhà, đến sở để xin lỗi nhưng Trọng không nhắc phone, mà chỉ nghe “Please, leave a message”.

Tớ sợ quá, đêm đầu khi nhận nhiệm sở tại Houston, loáng thoáng đã đến tai, giao chức đại diện cho thằng Duật, như giao trứng cho ác, lại giống Nguyễn Đăng Lâu, cứ ù lì hai năm bàn giao là OK, đâu có chết thằng khủng bố nào. Bản tin không có, đặc san không in, thì đừng mong gì có hộp khóa... Cậu Lâu dzậy thì cậu Duật cũng dzậy. Nhưng khô một nỗi cậu Lâu là cậu Lâu, cậu Duật là cậu Duật. Tâm sự đang rối bù, chỉ còn cách đến nhà ông Thượng Mã Phong để báo phục như Lưu Bị tam cố thảo lư mời Khổng Minh ra giúp mới ăn thua. Chưa kịp thực hiện, đừng một phát, một buổi sáng đẹp trời, Phan Văn Ngọc phone:

“Thằng Trọng nó dọn về Houston, nó bảo không có nó, cho thằng Duật chết bố nó luôn, anh em đừng mong có bản tin, đặc san hay hộp khóa nữa... Mà nghĩ sao?” Tôi ậm ừ cho qua. Nhưng với bản tính của một thằng ù lì, thì nhằm nhò gì ba cái lẽ tẻ đó, ban ngày đi hốt rác, tối đến nhà mấy cô em dzợ nhờ chỉ dẫn cách in label, đánh tiếng Việt, chia cột... trong vòng ba ngày mọi chuyện lại đầu vào đó cả. Bản tin in ra, như không tin vào mắt mình, đưa dzợ xem. “Được”. Trong case này, TQLC gọi là quá đã! Bà dzợ, từ ngày nạp mạng, chưa khi nào mở miệng khen lấy nửa lời, chỉ có trách móc, chê bai và sửa lung, lần này cóc cái mở miệng:

“Mấy ông khóa 21 gồm thiệt, bị dồn vào đường cùng, cái tự ái, cái tài, cái khả năng mới trỗi dậy.”

Bản tin được trình làng đúng hạn, đều đặn. Anh em khen rối rít. Trọng về Houston “No problem”. Ngồi rung đùi, nhìn thành phẩm của mình, không dám bắt chước Phó Tổng Thống Trần Văn Hương gãi, tớ ngâm khe khẽ:

“Trọng đi một nửa hồn ta chết,
Một nửa hồn ta vẫn bình thường”.

3. Đào Đức Bảo - Chơi với chó.

Nghề của chàng là “hát rock” đọc sang tiếng Việt nó chệch chạy thành “hốt rác” đúng như ông Bô la khi tớ không chịu học. “Mày không học, lớn lên chỉ đi bốc rác” chẳng biết nó ám vào vận lúc nào không hay, bây chừ đi hốt rác thiệt.

Một buổi tối, check building, gặp bà luật sư ở lại làm việc trễ, vào tán gẫu. Sau một màn đấu về thời tiết, về foot ball bà luật sư này nhìn, nói:

“David, mày biết không, trước khi về DC làm việc, chồng tao có nói như sau, khi về làm việc ở DC thì có ba chuyện phải nhớ là:

- a. Có baby.
- b. Nuôi một con chó.
- c. Ly dị.

Hôm nay, tao đã có cả ba thứ, một baby để vui, một con chó để thấy được sự trung thành và đã ly dị với chồng tao ngày hôm qua. Không biết Đào Đức Bảo có dọn về DC hay không, nó gọi phone và nói nguyên văn như sau:

“Tao thấy bản tin mày in đẹp, tao đọc chơi, còn tất cả các bản tin khác tao vất vào thùng rác cả” (**đúng là giọng đại dzăng hào**). Sau đó một màn si và anh em khóa 21 nặng nề. Bảo nói tao không chơi với bất cứ thằng nào trong khóa cả, tao ở nhà chơi với hồ cá và hai con chó của tao... Tớ thâm nghĩ lại một thằng nhà giàu kênh kiệu đây. Thôi thì, ở Mỹ lâu nên bị ảnh hưởng của Mỹ, cũng no way jose. Đợi cho Bảo hạ cơn sốt miền nhiệt đới xong, tớ nói:

“Anh em **bắt** tao làm Đại diện khóa, không chọn tao để lên chửi lộn với mày. Tao hy vọng khi xuống, mày còn nói cái giọng đó, không yên đâu. Mấy thằng tù ở Z30 D đụng tới trường Đà Lạt, đến TQLC tao học Bồng Sơn, cho một đám té từ trên giường xuống đất, hướng chỉ mày chửi khóa và hơn ai hết mày biết tính tao khi còn ở tù tại K5 Tân Lập chứ”.

4. Lời cảm ơn muộn màng.

Ngày tổ chức họp khóa 21 tại DC với chủ đề “40 năm hành trang Alpha Đỏ” được anh em đánh giá là “đạt” chính là nhờ những ù lì của khóa đã tiếp tay.(Khi còn là một SVSQ của đại đội C, tớ như một sinh viên không có gì sáng giá). Bốn thằng Truy, Hùng, Dũng và Duật hay chơi với Đại ca Lúu Thịnh, Liêm và Hiền. Cứ tối đến là có mặt tại CLB chú ba Tàu nhậu xin về ngủ. Cuối tuần ra phố lai rai ba sợi. Ở Đại đội C đâu có sợ cánh gà. Thế mà, trời thương đãi kẻ

khù khờ, trong hai năm làm Đại diện anh em đã giúp tớ làm được những việc sau đây:

- Trục và Bông hoàn thành DVD kỷ yếu trong thời gian kỷ lục.

- Đặc san họp khóa được in ấn đẹp qua tay Nguyễn Thái Dũng.

- Xe cộ chuyên chở tiếp đón nhờ Nguyễn Kim Thân, Trương Văn Thành và Bùi Văn Trọng.

- Âm thực thì có Huyền Châu một đầu bếp xuất sắc, rồi chị Bông, chị Thành và nội tướng Hồng Thu của tớ nữa chứ.

Riêng MC Nguyễn Đức Bông khi đến DC hỏi:

“Mày cần bàn với tao về chương trình đêm họp khóa không?”.

“Mày điều hợp chương trình, trách nhiệm của mày, mày làm hư tụi nó chửi mày, đâu có chửi tao, phân hành mày, mày lo, phân tao, tao làm”, tớ trả lời. Một điều không thể phủ nhận Nguyễn Đức Bông đã out standing trong vai trò MC tại DC.

5. Tắm check ký muện.

Đứng ở living room, mọi người lãng xãng lo việc, phu nhân của ông CSVSQ cán bộ LĐT/LĐSVSQ Lê Đình Lay ký check đưa dzợ tớ. Lay nhìn và cười. Tớ hỏi dzợ “Chị Lay ký check gì vậy?”.

“Chị ấy sợ thiếu nên yêm trợ thêm”.

Quả thật, Lê Đình Lay thì trong khóa ai cũng ngại, vì tính kỷ luật của nó, lúc nào cũng lo cho anh em, chừ đến phiên dzợ nó cũng rất ư là chơi đẹp với những lần họp khóa. Một cặp uyên ương chí tình đối với khóa.

Xin một lần cảm ơn phu nhân của quan Thái tá lái C.130 và thêm một chút lái gì cũng giỏi cả. Quý thay!

Hôm đưa anh em ra phi trường, Lê Quý Trấn nói:

“Mày tính đi thừa thiếu bao nhiêu, post lên diễn đàn, tui tao sẽ phụ”. Thực ra, hồi học ở trường Hồ Ngọc Cẩn thì Trấn thua tôi một lớp như vậy Trấn là **đàn em**, sang Chu Văn An thì Trấn và tôi bằng nhau thành **đồng môn**, vào Đà Lạt thì đồng khóa. Chỉ théc méc không hiểu cái khóa xe đạp của nó

gắn ở ghi đông xe bây chừ ở đâu. Nếu còn mang đầu giá, chắc Lê Hồng Đều mua ngay. Thằng này mât xé tại trường Bắc kỳ Hồ Ngọc Cần. Xe khóa cần thận, vẫn bị thối.

Dear Đồng Duy Hùng,

Viết về hai năm làm đại diện là như dzậy đó. Khi Trọng về Houston, đi chu du Bắc và Nam Cali, một vài điều ong tiêng ve đến tai, không cải chính. Chỉ nhớ lại câu nói của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, khi báo chí hỏi:

“Tổng thống nghĩ gì về câu nói mà Phó Tổng thống vừa phát biểu...”

Tổng thống Thiệu đã trả lời như sau:

*“Có những điều Phó tổng thống nói, Tổng thống **không nên** nói. Có những điều Tổng thống nói, Phó tổng thống **không được** nói”*

Viết vậy có nghĩa là có những điều khi đang làm Đại diện thì viết được, khi xuống làm dân đen thì viết không được, hoặc ngược lại, để sự đoàn kết của khóa được tốt hơn và trong bài hát của best seller của Mỹ năm 2008 bài Bleeding love, tớ sửa lại một chút “You don’t know the truth!”. That’s it.

III. A FRIEND IN NEED IS A FRIEND INDEED.

1. Hồ Đăng Xứng - Bán thuốc lá.

Khi mới ra tù về địa phương, mỗi ngày thứ hai là phải đăng ký trình diện công an phường (chữ của VC). Vừa Tết xong, quần áo chỉnh tề, nghĩa là đi giày, áo bỏ trong quần, thả bộ tà tà ra phường công an, gặp Hồ Đăng Xứng cũng gọn gàng như tở. Hai thằng làm ra vẻ không quen nhau, ký sổ trình diện, sau đó, theo Xứng, qua khuất chỗ công an, Xứng dừng lại hỏi:

“Về lâu chưa?”

“Mới một tuần”.

“Làm gì chưa?”

“Chưa”.

“Đến nhà, tao chỉ cho”.

Đến nhà, Xứng giao cho tôi hai cây thuốc lá Mai và bảo:

“Trong vòng một tuần, tao đến lấy tiền vốn và giao thuốc mới cho mày”.

Đúng hẹn, Xúng đến, tiền vốn đã không lấy được còn cho thêm 5 bao nữa, khi về nó nói:

“Khi cần, ghé tao lấy thuốc hút. Mày không hợp với nghề này đâu”.

Vài tuần sau, có tiền viện trợ, đến rủ nó đi nhậu, biết nó đang ở Mã Lai.

2. Lê Thắng - Bàn đồ phụ tùng xe đạp.

Nếu không bị thương, Lê Thắng sẽ là một trong những ngôi sao sáng của khóa 21 ở binh chủng TQLC. Nó chịu đựng một quái nhân của khóa 16 làm Tiểu đoàn trưởng trong một thời gian dài, rất ngang ngạnh mà này không làm gì nó được. Còn Việt Nhi vài tháng chịu không nổi, chạy lên gặp Robert Lửa:

“Nếu 216 không giúp tôi chuyển chuyển khỏi Tiểu đoàn của Trung tá Đề thì tôi đào ngũ”.

Một ngày xấu trời, (sống với VC thì làm gì có ngày đẹp trời), lang thang vào chợ bán phụ tùng xe đạp, thấy vợ chồng Thắng ngồi trên xạp, Thắng gọi, giới thiệu với vợ, kêu một ly Café đá, một điếu 555.

“Tù về làm gì mày?”.

“Làm gì được mà làm, với lý lịch của tụi mình!”.

“Tùy mày, nếu thích thì sáng hoặc chiều ra đây, tao giao cửa tiệm cho bán. Tao vốn, lời mày lấy”, Thắng nói.

Tôi nhìn Thắng:

“Hai vợ chồng mày cần hơn, tao độc thân, ngày hai bữa là đủ, cảm ơn mày”.

Thình thoảng, tở hay ghé Thắng tào lao cho quên đời và bây giờ không hiểu tại sao Thắng ít liên lạc với anh em trong khóa dù tiền quỹ vẫn đóng đều chi. **Que sera, sera!!!**

3. Mai Văn Tấn - Bán Beer

Bàn về nhân vật này, không bút mực nào tả xiết. Một buổi trưa mùa đông tại Quảng Trị, đang ngồi điều chỉnh hải pháo từ Đệ Thất Hạm Đội với thiếu tá Trần Văn Hợp, bỗng tôi

nghe trên hệ thống truyền tin của Lữ đoàn, giọng Mai Văn Tấn:

“Nếu Đại Bàng đ. m. tôi, tôi đ. m. lại à”.

Niên trưởng Hợp nhìn tôi, nói:

“Khóa 21 ghê thật, dám đùa với lửa”.

Do đó, dù làm Trưởng ban 3 Lữ đoàn rất lâu, theo cấp số là trung tá, (mấy vị nào ở văn phòng mà nắm được function này thì hai mai bạc trên cổ áo 99 phần trăm là chắc), nhưng đến ngày dứt phim, Tấn vẫn hai bệt trắng bằng nhau trên vai. Đúng là binh chủng sống hùng sống mạnh, nhưng sống không lâu. Huy chương thì đơn vị tặng phái cho, cấp bậc binh chủng phát như những giọt café fin.

Nhắc lại nhận xét của các cấp chỉ huy trong binh chủng về khóa 21 như sau:

“Khóa mấy chú, nhiều người có khả năng nhưng ba gai cũng không ít”. Ba gai hay không hỏi Đan Khùng xem Phạm Tuấn Anh, Việt Nhi và Trần Quang Duật ba gai như thế nào!

Đi tù, hãnh diện có một Mai Văn Tấn, cho khóa, cho trường Mẹ và cho quân đội.

Một buổi chiều, sau khi dạy Anh Văn cho một trung tâm gần chợ Bến Thành, thấy Mai Văn Tấn đang phụ chất Beer lên xe ba gác. Tấn hỏi:

“Bây giờ làm gì mà?”.

“Dạy Anh Văn”.

“Nếu không đủ sống, chiều ra đây phụ tao, tao nhường cho mày bán giờ cao điểm, tao lấy vốn, mày lấy lời”.

Bây giờ, nghĩ lại, trong cái cùng cực của cuộc sống, Thượng đế đã cho tớ những người bạn khóa 21 thật đáng để trân trọng. Xin cảm ơn trời, tạ ơn đời, biết ơn ngôi trường Mẹ cho tôi cuộc sống với những chân tình của lính, của tình người.

IV. TẠP GHI.

(Xin quý phu nhân của khóa KPTT đừng đọc những dòng chữ này. Nếu có lỡ đọc thì xin cũng đừng nhớ, vì khi tôi viết

những chữ này thì dzợ tôi đang dzia bên ngoài, nên bà không hay. Lạy trời cho mọi chuyện xuống sê).

1. D..r..anh ngôn

Sờ đế ngạ- Trong phần này, tớ đụng hai dzị đang cầm cây nậy mực cho đặc san kỷ yếu của khóa, nếu say “No”, bài tớ sẽ không được đăng, không một chút buồn phiền, tớ đi ngủ. Ngủ vẫn là Dzua. C’est la vie...

a. Trần Như Xuyên: Ông bạn tiểu học Chi Lăng, Bà Chiểu, Gia Định viết trên diễn đàn của khóa như sau: “Ồ cái tuổi này mà còn nóng nẩy nữa thì đâu phải là già”. Theo diễn nghĩa của trưởng áp thì thằng nào hờ một tí mà xùng cò thì đi chỗ khác chơi. Chỗ này dành cho các bậc trưởng thượng trà dư, nước ngọt hậu.

Không có tầu đâu nhe. Đến như Bùi Bồn, chừ còn lạnh, thì còn ai mà nóng được. Phải không Bồng Sơn. Nghe nói, kỳ này, Bồng Sơn và phu nhân sẽ đi họp khóa. Lâu quá không gặp cũng nhớ. Chi sợ Việt Nhi nó dẫu Bồng Sơn như hồi đại đội C thì mất vui năm phút.

Nói về văn chương, thi phú thì bạn tớ rất ư là ướt át, lai láng, đa tài, đa tật, lâu lâu xuất hiện trên diễn đàn chích nhe một phát lại lẫn mất... Chắc bạn dành thời gian để xem ảnh của nhà triệu phú Trần Ngọc Linh, một người thích ngâm cứu hình... Ấn Độ.

b. Mai Văn Tấn: Phải công nhận, khóa 21 chàng nào hót cũng có duyên cả. Đề nghị Nguyễn Đức Bồng cho tớ vài phút để mời hai chàng bán dưa hấu (Hiền Đen và Tân An) của khóa lên sân khấu để thi hót thì chắc chắn Nguyễn Kim Thân phải cười 36 kiểu. Hồi Tân khóa sinh thì ông bạn Khỉ Vàng đã khóc 36 kiểu vì câu hát “Bạn ơi mai này ai hỏi đến tên tôi...”, trong màn này Bùi Bồn phải làm trọng tài, vì cô con gái cưng của Bồng Sơn nói ngày Bồng Sơn lên DC chơi với tớ, là “Trông mấy Bác, Bác nào cũng ôm trong bụng một trái dưa hấu cả, rất hiền lành, thế mà ở nhà khâu chiến thì B.52 cũng không nỏ bằng”. Để im cửa, im nhà Bồng Sơn hãy nghe Tân An nói nè:

“Không nói thì tức, nói ra thì cãi lộn, thôi thì không nói, mà đi”, câu này chắc chắn là đúng với những đấng mày râu của khóa. Ủ lì nào dám cãi tay đôi với mấy mợ, cho tớ biết tên, tớ đến xin bái làm Si Phụ (Ngọc đen đại đội C đã dán câu này ở cửa ra vào, tú lạnh để tự răn mình, không làm người đẹp nổi giận!).

2. Tiếng Việt hay Dziel-

Xa quê hương đã lâu, nhất là những chàng quyết không nghe lời xí gạt của VC là khúc ruột ngàn dặm về **dzia** Việt Nam chứ không phải **tới** Việt Nam nhe Hậu thối chân.

Thì những mẩu chuyện sau đây, tớ chỉ ghi lại no comment.

a. Đổng Duy Hùng. “Xoa đầu - Vuốt đầu”: Một buổi chiều Chủ Nhật, đang xem đội gà nhà Redskin bị đội Cowboy của Dallas quân toi tả, chuông điện thoại reo. Ông bạn Hùng gọi, không biết có gì đây?

“Duật ơi, Mày đang làm gì dzậy?”

“Coi football”.

“Mày có biết tao đang hạnh phúc không?”

“Giờ này bên Mày là giờ lunch, mà Mày đang hạnh phúc coi chừng thượng mã phong nhe em”.

“Bậy nào. bà xã tao đang vuốt cái đầu trọc của tao”.

Nói xong bạn tớ cười khoái chí, giống như cái thời Alpha Đỏ vay được tiền chị Chúc đủ cho bốn tháng đi ăn trưa.

“Mừng cho mày”, tớ đáp.

Hùng cúp máy. Hỏi bà dzợ:

“Kỳ họp vừa rồi, em thấy anh Hùng còn tóc không?”

“Còn chứ sao không? Mà ông hỏi mần chi dzậy?”

“À, không”, tớ đánh trống lảng và vội kiểm tra lại vốn liếng tiếng Việt, Dziel của mình, các cụ nói “xoa cái đầu trọc” chứ đâu có nói “Vuốt cái đầu trọc” động từ vuốt phải kèm theo một khúc có chiều dài, còn động từ xoa theo sau là một vật có đường kính. Vậy Hùng ơi, mày vui lòng giải thích cho bà con cô bác nghe rõ lộn lỏi tai hay không nhé, vì giữa xoa và vuốt - dzuốt nó khác nhau như hai đường song song không bao giờ gặp nhau dzậy. Bà ấy dzuốt là vuốt kí gì dzậy,

Hùng? Chuyện thật 100%. I did not make up in this story. You can check with Mr. Heroe. Thanks.

Bạn tở dzà dzòì vẫn bị Hồ Chương Tặc cho uống thuốc lú, tiếp tục làm thủ quỹ cho khóa, Hồ Vung Tay, hễ ai kêu, ai gào là xuất quỹ, năm hết Tết đến, tiền quỹ hết, năm nay anh em ở VN không có tiền đi hành hương ngó trường Mẹ (Vi Si nó đầu cho vào mà thăm), thông kỏm dùm, nhất là xứ này đang bị recession nên thủ quỹ bình lũng rồi!

b. Lê Hồng Đều. “Mần dzường - Làm giường”: Trong thời gian tân khóa sinh, Nguyễn Kim Thân và tở thù nhất Tân khóa sinh Lê Hồng Đều, báo cáo mỗi khi thi hành lệnh phạt (Phá giấc giấc mộng nam kha của Khi Vàng và tở). Bậy chừ, thỉnh thoảng tở hay phone cho đương sự:

“Mày đang làm gì dzậy Đều?”.

“Tao đang **mần dzường**”.

“Mày đang **làm giường** hả, mới sáng sớm mà đã...”.

“Làm sớm cho nó khỏe, mát dễ chịu, bà xã tao thích dzậy, cho sướng”.

Trăm lần như một, tức quá tở hỏi:

“Ê, Đều, tao hỏi thật mày, thằng Khâm nó cho mày mấy chai rượu rắn mà mày khoẻ dzậy, sáng sớm đã mần rồi?!?”.

“Dân chơi mà mày, thích làm là làm, đâu cần thầy Khâm”.

“Mày ngon héng”. Cũng không chừa tính phá làng phá xóm, thiên bất dung gian, tở gọi. Bà xã nó ngồi cạnh, bóc phone trả lời:

“Tụi tôi nói là **M.. à... v..d.. ù . ơ n.g**. Đánh vắn cho anh nghe Vờ vờn vưỡn huyền V.. Ù.. Ở N chứ không phải là GIƯỜNG đâu anh Duật ơi. Dzà dôi, làm gì nổi nữa mà làm, nghèo không ham đâu anh”.

Ba hôn chín vía, tở giả lả cho qua chuyện, nếu có hiểu lầm, thì cũng “gắng” chịu nghe chị Đều. Chị đọc tiếng Dzieret còn tôi đọc tiếng Việt. No sorry.

c. Nguyễn Đức Bông. “Lên hoài mệt quá”: Nói đến thiền sư Bông Nhụy này, thì trong khoá ai mà không biết tài chơi chữ của thiền sư. Ngày nọ thiền sư gọi phone nói:

“Duật ơi, dạo này tao bị đau đầu gối quá”.

“Mày là thiên sư, con một sách, Dza dzòi, mần ăn điều độ thì làm gì mà đau đầu gối”.

“Mẹ kiếp biết rồi, nhưng không lên không được, mà lên nhiều thì mệt lắm”.

“Mệt thì xuống”.

“Xuống cũng không xong”.

“Bất chước mấy chú Thượng, không có đi đi về về như người Kinh, cho an toàn xa lộ”.

“Sư nó, được vậy thì quá tốt, mày biết không, thằng con, mới mua nhà mới nhường cho khứa lão và mẫu hậu master bed room, tầng cao nhất, mỗi lần lên là một lần dứt hơi, không muốn xuống nữa, mỗi lần xuống khó khăn lắm... Đúng là C'est la vie. Lên rồi thì muốn xuống, cái dzụ này là gì dzậy trời!”.

Làm thầy lay, khuyên thiên sư Bông Nhụy câu nói của thiếu úy Khanh dạy chiến thuật: “Lên không được, xuống không xong, nằm im, không nhút nhít, nhút nhít địt bần chết”. Thiên sư áp dụng xem sao?

V. LÂM CẢM CHỢ CHIỀU.

(Nhận xét cá nhân tứ khi các vị Đại đội trưởng này còn ở tại trường)

1. Đại đội trưởng /Đại đội D.

Hai sinh viên sĩ quan Đại đội D, hai sự kiện xảy ra, tứ ghi lại để các bạn đánh giá :

a. Một sinh viên vác khẩu 57 ly, chẳng may đụng vỡ cửa kính đại đội. Ra trung sĩ.

b. Một sinh viên vô ý súng cướp cò, vẫn đề nghị làm sinh viên cán bộ trong hệ thống Tự chỉ huy (Cùng quê chăng!).

Dza dzòi, nghĩ lại vẫn thương cho sinh viên thứ nhất, sinh bất phùng đại đội.

Kinh tởm thái độ của một sĩ quan cán bộ trường Võ bị Quốc Gia Việt Nam nhỏ nòi, ích kỷ, thiếu độ lượng của một người đàn anh!

2. Đại đội trưởng /Đại đội A.

Hãy nhìn vào sự chọn lựa mà vị sĩ quan cán bộ này đưa các sinh viên sau đây vào hệ thống Tự chỉ huy: Lê Đình Lay, Lê Văn Ngôn, Trần Văn Ôn và Nguyễn Quang Đan.

Những sinh viên này đến nay vẫn được anh em cùng khóa, khóa đàn em mến và kính trọng vì tư cách của họ trong trường và trong đơn vị. Các bạn đồng ý với Dzua Quậy chứ.

Bạn nào không đồng ý hỏi SVSQ/CB/TĐT/TĐ I đợt II thi chắc sẽ có câu trả lời. Đúng không Tân An?

VI. TERROIST... ÁO GIÁP.

Trong thông điệp Liên bang, Tổng thống Obama có đề cập đến vấn đề an ninh của Hoa Kỳ, chợt nhớ thừa xa xưa đi giết giặc. Áo giáp phòng thân, vài hình ảnh về áo giáp và công dụng của nó với từng ù li. Xin ghi lại, như một bút ký chiến tranh.

1. Việt Nhi: Năm 1972, trước khi hành quân, tiểu đoàn cho lệnh kiểm tra áo giáp, mặc dù là mùa xuân, nhiệt độ khá cao. Cả tiểu đoàn ai cũng mặc cả, riêng Việt Nhi mới từ trung tâm huấn luyện ra, mặc ngược, theo thể underwear. Không ai dám hỏi, Thiếu tá Tổng kêu tôi hỏi:

“Duật xem, sao Vân Nam mặc áo giáp kiểu gì kỳ dzậy?”

“Thiếu tá để tôi hỏi xem sao. Chắc là có lý «vo»”.

Tôi khều Việt Nhi ra chỗ vắng hỏi:

“Ông Tổng, ông hỏi tao, mà mặc áo giáp kiểu chi mà lạ rứa!”.

Vốn tính hiền lành, như em to trong trường, vừa cười vừa nói:

“Mày biết, tao làm Trưởng phòng Tâm lý của trung tâm, thăm viếng thương bệnh binh, hầu như tuần nào cũng đi hai ba lần, thấy anh em mình bị VC nó bắn mất một khúc, mất bong bóng nhiều lắm, để an toàn cho xa lộ, tao mặc vậy để bảo vệ **giống**



nhà. Vợ chồng tao có con trai, phải kiếm một nàng công chúa, cho dzui với anh em chứ...”.

Đó là chuyện xảy ra năm 1972, vừa rồi đọc email của Hùng Sùi gửi cho Việt Nhi có đoạn như sau:

“Tao không có ý dẫm chân... lên của mày đâu Việt...”.

“Hùng ơi, với thằng Việt, mày muốn dẫm đâu thì dẫm, miễn là đừng dẫm bẻ bong bóng nó là OK. Nó vẫn chưa có con gái mà”.

2. Khi Vàng: Với Nguyễn Kim Thân, tứ rành sáu câu lẩm.Bị thương rất nhiều, trúng tim, trúng phổi, trúng lung tung nhưng vẫn không sao. Lúc Khi Vàng làm Trưởng ban III cho Robert Lửa, tứ thấy Thanh Hóa, cắt áo giáp thành một cái Mask che miệng. Lạ mắt tứ hỏi:

“Áo giáp hộ thân, mày không mặc, mày lấy áo giáp che để che miệng nà nằm thao?”

Sau nụ cười méo miệng, Thân trả lời:

“Dầu Tiếng thấy đó, tứ bị thương đủ nơi rồi, no problem, tứ phải bảo vệ cái lưỡi để về Dza dùng chứ, VC mà bắn trúng lưỡi là từ chết đến bị thương thôi!”.

Thật đúng C lớn, C nhỏ ít ai thông minh và tính xa như Nguyễn Kim Thân, tóc mỗi ngày một ít đi vì suy “Lưỡi” xin lỗi vì si nghĩ nhiều quá chăng ? Và quả là nhờ lưỡi mà đại hội nào Thân cũng lú lo cả.

3. Hùng Xiu: Đang viết, chợt nhớ anh bạn ngũ đoản này, gọi phone hỏi bạn tứ dùng áo giáp như thế nào. Trả lời không suy nghĩ:

“Từ ngày ra đơn vị, đến ngày dứt film.Tao bắt thợ may tiểu đoàn lấy hai chiếc áo giáp, may thành hai cái ống bọc hai chân, cho an toàn”.

“An toàn cái kiểu chi kỳ dzậy”.

“Mày biết, VC tao không sợ, tao sợ mấy nàng tao quen, chém giò, bắt con chim thì chết. Bằng mọi giá phải chạy cho thoát. Muốn thoát phải giữ đôi dzò. Tao cột áo giáp che chân là dzậy. Sang Mỹ, không có áo giáp che chân, bị bắt liền đó mày thấy không?”.

Ngẫm lại, đúng thiệt. Không áo giáp che Dzò bị trói chân, ở tù chung thân, hết chạy.

Cảm ơn chị Hùng, đã giúp Hùng Xiu cải tà qui chính, một vợ một chồng.

4. Nguyễn Đức Bồng : Hồi chàng ở bộ binh thì không nghe nói gì. Nhưng sang BĐQ thì Niên Trưởng Trịnh Trân dùng 106 hồi tở:

“Duật hè, thăng Bông, áo giáp thì không mặc, mà nó lại may như cái thùng, không ai dám hỏi, sợ nó bắn. Duật cùng khóa hỏi nó coi sao?”.

Tôi chưa kịp hỏi, thì thấy một cái thùng làm bằng áo giáp, di chuyển, một giọng trầm âm, ướt át, đúng là giọng thiên sư nhà ta rồi. Giọng hát vang lên giữa Bắc Cali:

“...Thịt da này là của Mẹ, thịt da này là của cha, con tim này là của Nhụy, ôi cái áo giáp này nhờ mi mà ta có ...Nhụy!!!”.

Chắc niên trưởng Trịnh Trân đã có câu trả lời.

5. Hồ Đăng Xướng: Tay chơi này, nghe nói sau khi ra đơn vị chỉ một ngày, được thương cho về làm chánh văn phòng. Không khi nào thấy nó mặc áo giáp cả, anh em cùng khóa gặp nó hỏi:

“Mày không có áo giáp. Để tao cho mày một cái, mặc cho an toàn”.

Vốn đặc nhân tâm, nó cười hì hì đáp:

“Tụi mày dân đầm đá, mặc áo giáp là an toàn, tao ở văn phòng an toàn là áo mưa!”.

Thế có khổ không hả trời!

6. Bồng Sơn: Bàn đến đại ca này như truyện dài nhân dân tự dzận dzậy. Chỗ nào có Bồng Sơn thì đạn nổ tứ bề. Sĩ quan Đà Lạt mà không biết Bồng Sơn, chắc chắn là Sĩ quan Lạc Đà. Thủy Quân Lục Chiến mà không nghe danh hiệu Bồng Sơn chắc là lính quân lao...

Với danh hiệu này, Đại ca sai thợ may tiểu đoàn lấy áo giáp may thành hai cái găng đeo tay. Buột miệng hỏi Bồng Sơn:

“Sao Đại ca lại không che thân, mà lại bảo vệ hai bàn tay?”.

Với tính thật thà, chung thủy và volang (chữ bác sĩ Cồn hay dùng), xin lỗi Bồng Sơn, ga lang với phái đẹp nhất là bà xã. Bồng Sơn trả lời phát một:

“Trên dương thế, đôi bàn tay này đã đưa tên tuổi Bồng Sơn vào quân sử, mai một lên Thiên đàng, cũng chính đôi bàn tay này sẽ đưa tên Bồng Sơn vào sổ thiên sử, do đó tớ phải bảo vệ nó”. Vừa nói Đại ca dơ hai bàn tay bọc áo giáp lên, khiếp quá tởm linh mất.

7. Nguyễn Minh Hiền: Như đã viết ở đoạn trên, sinh viên bán cà ri này có rất nhiều giai thoại, mà một trong những giai thoại tởm nhất là, hồi trong trường, thứ Bảy gần lễ hai Bà Trưng, trước cổng Nam Quan hàng hà sa số người đẹp vào thăm các chàng U lì, sáu thằng bọn tớ chẳng ai ngó ngang tới. Hiền ta tức quá hét lớn:

“Đ M có ăn thì ăn một tô thôi, ăn hai tô hết tiền trả, đầu tháng vay tiền, chị Chúc không cho, đêm nằm lại vẽ bản đồ cho mà xem”.

Không hiểu các nàng có hiểu không mà cuối tuần sau đó vắng bóng giai nhân, thiếu bóng ăn chùa. Di Ba bán CLB của chú ba Tàu gọi Hiền vào trong bếp, tí tê gì không biết. Chỉ nghe Hiền nói:

“Từ nay, tụi mình gọi đồ ăn, nhớ vào cho di Ba thấy mặt, thì những tô mì, tô phở của mình sẽ có thêm thịt ở dưới đáy. Khi về dzô chào di Ba sẽ có xúu quách mang về nhậu”.

Chủ Nhật xuất trại, Hiền mua một áo giáp, tháo bên trong ra, chỉ còn vỏ áo bằng nylon để nhét xúu quách cho năm thằng nhậu. Nguyễn Minh Hiền là người mặc áo giáp đầu tiên của khóa. Anh em giang hồ hỏi Hiền di Ba nói gì dzậy. Hiền nói:

“Chú ba Tàu kêu di Ba nói với tao là hứa đừng chửi lớn tiếng nữa, để các nàng ăn chùa dzô ăn. Tao hứa, tụi mày được ăn xúu quách”.

8 Lê đình Lác: Một Sinh viên gương mẫu, kỷ luật, một sĩ quan đầy triển vọng, thế mà không bao giờ thấy SVSQ/CB/LĐT/LĐ/SVSQ/TVBQGVN Lê Đình Lay mặc áo giáp cả. Có xâm mình tớ cũng không dám hỏi nó, vì nó đạo mạo,

đàng hoàng nhất khóa. Gặp mấy thằng cùng khóa hỏi, thằng nào cũng lắc đầu quầy quậy, ngại đụng lớn.

Chiều ngày 30 tháng Tư năm 1975 buồn chán, lang thang ở Tân Sơn Nhất, bỗng dung lọt dzô BTL Không quân, lại vào chính văn phòng Tư lệnh. Chợt nhìn thấy một tờ đơn Xin Phép của Thiếu úy Lê Đình Lay viết năm 1967 như sau:

“Đơn Xin không mặc áo giáp.

Lý do: Khi mặc loại áo này, tôi không lái máy bay được, nhiệt độ sau lưng tăng, độ ngứa cũng tăng theo...”.

Nhìn xuống phía dưới, thấy bút phê của TL Không quân như sau:

“Sĩ quan gương mẫu, tác phong đúng đắn cho phép sĩ quan đương sự không mặc áo giáp. Lý do bị lác mãn tính...”.

Thì ra là dzậy đó, Bạu tở ạ.

VII. THE BEST COUPLE.

Chủ Nhật vừ qua, chở cô con gái Út đi mua bóng sinh nhật cho dzợ. Bước vào Party Company, thấy mọi người nhộn nhịp, chạy toi chạy lui. Hỏi người cashier thì được biết câu chuyện như sau:

Hai ông bà Mỹ trắng, đang đứng ở cửa ra vào, cưới nhau được 50 năm. Năm nào cũng vậy, sau sinh nhật của vợ được một tuần, ông xì hơi quả bóng ra, xếp lại. Năm sau, mang ra tiệm mua một quả bóng mới và nhờ bơm lại những quả bóng cũ. Ông chủ tiệm thấy vậy, đề nghị kỷ niệm 50 năm kỳ này, tiệm sẽ take care từ A đến Z. Tở đi lại phía bà cụ, định mân một màn phỏng dzấn. Chưa kịp mở màn, bà cụ hỏi tôi:

“Are you Việt nameese?”.

“Yes, M’ m”.

“I can speak Vietnamese”.

“Really”.

“Tôi đã ở VN trong 9 năm. Tôi dạy tiếng Việt cho quân đội Mỹ ở Sài Gòn. Chông tôi là Sĩ quan, sau đó chuyển sang phục vụ tại... Chúng tôi vừa trở về Mỹ sau hai năm ở Việt Nam”.

“Bà có thể so sánh Việt Nam trước năm 75 và bây giờ được không?”.

“Được chứ, ngày xưa người dân miền Nam thật thà, chất phác và hiếu khách hơn bây giờ. Đa số dân Sài Gòn đã bỏ tất cả để xây dựng một tương lai mới tại nước ngoài. Họ đã thành công. Tại Sài Gòn bây giờ đa số là người Bắc, họ thiếu sự tế nhị, họ không chịu làm việc lương thiện, chỉ lo tranh dành nhau để sống. Để khi nào rảnh mời ông ghé nhà tôi, uống nước trà, ăn bánh ngọt, tôi sẽ kể ông nghe, chồng tôi và tôi thích gặp những người Sài Gòn năm xưa lắm, ông đã về Việt Nam chưa?”.

“Tôi chưa về VN, tôi sẽ về khi nào VC không còn cầm quyền tại quê hương tôi, hôm nay, tôi xin được đại diện cho người Sài Gòn tại Mỹ, xin chúc bà có một ngày Sinh nhật thật tuyệt vời, xin có một câu hỏi, nếu bà cho phép là:

Trong 50 năm sống chung, có khi nào ông bà có big fighting không? và nếu có thì ai là người làm hoà trước?”.

“Có chứ, nhưng tôi không để xảy ra, mỗi khi mà chồng tôi định lớn tiếng, thì tôi xuống giọng nói Honey, Honey là ông xã tôi dịu giọng ngay”.

“Tại sao vậy?”.

“Tại vì hồi mới quen, gia đình không muốn gả tôi cho ông ấy, vì ông là sĩ quan tác chiến, dễ chết lắm. Tôi nhất định chống lại ý kiến của gia đình, do đó hôm đám cưới ông ấy nói: về sau nếu anh có nổi nóng, em cứ nói hai chữ Honey là anh nguội liền. Và ông ấy đã giữ lời hứa, sau này chỉ cần nhìn là ông nguội ngay”.

“You have the best husband in the world”.

Và rồi, tứ kiếm trong khóa tứ, đi từng đại đội để tìm The best Couple cho từng đại đội và những couple not very good để đưa vào đặc san của khóa.

1. Đại đội A

The best: Nguyễn Quang Đan, Lê Hồng Điều, Lê Đình Lay, Lâm Đức Vượng.

Not very good: Không có.

2. Đại đội B.

The best: Trần Văn Khâm, Nguyễn Đào Đất.

Not very good:

- **Nguyễn Đức Bông:** Hay tròng mắt nhìn bà xã. Chiếu theo luật Hồng Đức, nếu mang xử sẽ bị chọc đui mắt bên phải.

- **Đào Ngọc Tố:** Thợ lặn, where are you?

3. Đại đội C:

The best: Chương môn Lý Văn Mẹo, Trương Văn Thành, Nguyễn Trung Việt.

Not very good:

- **Bùi Bôn:** Hay dơ tay đâm dọa bà xã và các cháu. Chiếu theo luật Gia Long nếu mang xử sẽ bị chặt bàn tay phải.

- **Trần Quang Duật:** Không được very nice với bà xã. Theo luật Louis XVI nếu xét sẽ bị chặt hai ngón tay tình yêu. Ai muốn biết hai ngón tay tình yêu là ngón nào, xin xem lại phim Người Tình Không Chân Dung sẽ rõ.

- **Phạm Quang Hậu:** Hay mượn rượu để la dzợ. Tội này xét theo luật Tự Đức sẽ bị cắt lưỡi.

- **Đổng Duy Hùng:** Hay bỏ bà xã ở nhà một mình đi xoa mặt chược. Tội này xét theo luật Hồ Xuân Hương cột chân nằm chèo queo vào những ngày cuối tuần.

- **Nguyễn Kim Thân:** Hay nhả nướ với bà xã. Chiếu theo luật La Mã, nếu bị xử sẽ bị treo trên cây vào tháng tám. Nếu quý vị muốn biết tại sao vào tháng Tám xin đọc truyện Miền Nam tự Truyện của Dầu Tiếng.

4. Đại đội D

The best: Hoàng Ngọc Hải, Võ Minh Hòa, Trần Văn Khiết, Mai Văn Tấn.

Not very good:

- **Liên Khi Gia:** Hay nhậu, quên nghĩa vụ quân sự. Tội này mang xử sẽ bị thiến.

5. Đại đội E

The best: Châu Đồng Áu, Nguyễn Văn Hải, Đinh Vĩnh Thịnh.

Not very good:

- **Đình Gia Rững:** Hay nhe răng nhát vợ. Tội này xét theo luật dentist, nếu bị xử sẽ bị nhổ hết hai hàm răng. Không cho làm răng giả.

- **Trần Như Xuyên:** Vẫn còn mơ dư âm ngày cũ. Tội này xét theo Sư phụ Chu Văn An sẽ bị ngồi quay mặt vào tường trong những ngày lễ lớn

6. Đại đội F.

The best: Huỳnh Duy Thiện, Lê Quý Trán, Nguyễn Xuân Hợp, Đặng Quang Phước.

Not very good:

- **Nguyễn Minh Hiền:** Hay trốn vợ đi họp một mình. Xét theo luật Ấn Độ sẽ bị lột da.

7. Đại đội G.

The best: N/A.

Not very good:

- **Hồ Đăng Xứng:** Chưa ổn định. Luật Congo ba năm trong phòng tối và cho ăn đậu phụng với đuôi bò.

- **Nguyễn Đăng Lôu:** Vẫn bị bà xã canh chừng như hồi còn xuân thì. Tội này nếu xử theo thiền sư Nhất Hạnh bắt ăn rau dăm hai năm.

8. Đại đội H.

The best: Nguyễn Đắc Song Phương.

Not very good: N/A

Ghi chú: Dza dzôi, hay lắm lắm, dziết bậy viết bạ, ai thích thì đọc, không thích thì delete. Đọc hay không Dzua Quậy cũng xin cảm ơn.

Lời Trần Tình Mùa Đông:

Nghe xúi dzại, của bạn bè, Trưởng ấp có ít dòng tâm sự, gửi đến quý dzị, trước mua dzui, sau trả nợ khóa. Lời nói theo gió bay đi, muốn nhớ cũng không được, **Dzà Dzôi**, chỉ quên thôi, **Dzà dzôi**, chữ viết thì còn, còn mãi, để đọc, buồn đọc, vui đọc, thích đọc, **Dzà Dzôi** đọc để nhớ quân đội, trường Mẹ, khóa đàn anh, đàn em và bạn bè. **Dzà Dzôi...**

...Một thời vàng son, một đời binh lửa, một kiếp khổ sai, một nỗi bênh bồng, một thoáng phù du, **Dzà Dzòì**, súng đạn qua đi, bạn bè đũa nầm, đũa ngòi, đũa còn đũa mất. **Dzà Dzòì**, quanh đi quẩn lại... thời gian **Dzà Dzòì**. Thôi thì.. **Dzà Dzòì**... giận hờn mà chi... **Dzà Dzòì**... buồn vui còn đó... **Dzà Dzòì**... **Dzà Dzòì**...

DC Tuyết lại đang rơi... Tháng Chạp năm Kỷ Sửu.

Truyện Cười:

BẰNG CHỨNG HÙNG HỒN

Cặp vợ chồng già không con sống với nhau trong điều kiện rất thiếu thốn về vật chất.

Một hôm, cụ ông bảo cụ bà:

- Tôi nghĩ đã đến lúc phải lên quận xin trợ cấp tuổi già.

Cụ bà băn khoăn:

- Nhưng ông không có giấy tờ gì chứng minh tuổi tác, làm sao xin được?

Cụ ông quả quyết:

- Bà yên tâm, tôi có cách rồi.

Sáng hôm sau, cụ ông lên quận để rồi chiều mang về cái chi phiếu đầu tiên.

Bà cụ hỏi:

- Làm cách nào mà ông chứng minh được vậy?

- Thì tôi cởi hết cúc áo ra, chỉ cho họ thấy bộ lông ngực bạc trắng của mình.

Cụ bà thờ dãi:

- Vậy sao sẵn đi mà ông không cởi cả quần ra để xin trợ cấp tàn phế luôn thế?!!!

YAMAHA

Nhớ Trường

Và

Nhớ Chiến Trường Xưa



*Tôi vẫn nhớ ngôi trường xưa ngày cũ
Bên đồi thông hồ Than Thở sương mù
Đỉnh Lâm Viên mây ôm núi chiều thu
Trong hơi lạnh của đất trời Đà Lạt
Từ ngày đó Quân trường vang tiếng hát
Đoàn sinh viên theo nhịp bước quân hành
Hai ba bốn trong sương sớm lạnh tanh
Tay xách cặp mắt long lanh ngời sáng*

*Được huấn luyện từ những gì căn bản
Để trở thành chiến sĩ của ngày mai
Vì nhân dân chiến đấu tỏ tài trai
Vì Tổ Quốc hy sinh không luyến tiếc*

*Quân trường ơi ngày ra trường tạm biệt
Hẹn sau này oanh liệt sẽ về thăm
Tuổi thanh xuân trong sáng tựa trăng rằm
Ơn nghĩa Trường Mẹ bao giờ quên được*

*Rời từ đó ra chiến trường xông lướt
Cùng đoàn quân chiến đấu diệt quân thù
Gót giầy nào dẫm nát khắp mặt khu
Tháng ngày qua không lúc nào ngơi nghỉ
Cần Thơ Sóc Trăng Chương Thiện Long Mỹ
Những địa danh lừng lẫy sét U Minh
Bạc Liêu Cà Mau Rạch Giá Thới Bình
Vang chiến tích bao giặc thù tan tác*

*Rời một chiều bên bờ kinh Thác Lác
Nghe đầu dây véo chát tiếng AK
La xung phong vang động cả rừng già
Ôi xác giặc máu ta hòa lệ thấm
Vì Tổ Quốc hy sinh, gương can đảm
Máu hùng anh thấm đẫm cả Giang San
Chưa tàn Xuân, lệnh buông súng đầu hàng
Ôi nhục nhã bàng hoàng trong nước mắt*

*Rời ngục tù khổ hình trên đất Bắc
Vẫn một lòng tin tưởng ở tương lai
Rời lưu vong nơi đất khách lạ loài
Ngôi Trường Mẹ vẫn hoài trong trí nhớ
Quân trường Mẹ còn hoài như hơi thở
Của ngày xưa và cả những ngày sau
Của chiến trường vang tiếng súng ngày nào
Con vẫn nhớ suốt đời Con vẫn nhớ...*

*Con lỡ hẹn, Mẹ ơi Con lỡ hẹn
Ngày về thăm, tất nghẹn sáng 30
Trường Mẹ tôi giặc Đỏ chiếm đi rồi
Chúng cướp bóc đổi thay hình dáng cũ
Trong hòn cãm bao lần con tự nhủ
Sẽ trở về, không rũ xác nơi đây
Ngày tự do, dân chúng ngập tràn đây
Trên đường phố khắp nẻo đường đất nước
Con bương về, sẽ là người đến trước
Quyè cổng Trường, khóc mướt Đà Lạt ơi...*

*Linh Cà Nguyễn Hồng Thành
SĐ 21 Bộ Binh
Mar. 01, 2010*

